

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA NHÀ MÁY CƠ KHÍ PHỤ TÙNG VAN CÔNG NGHIỆP
MINH HÒA

Địa điểm: Lô B2-4-4, khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng
Cát, thành phố Hà Nội



CHỦ CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Cư

Hà Nội, tháng.... năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	i
DANH MỤC HÌNH	v
DANH MỤC BẢNG	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
1.3.1. Công suất của cơ sở	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	2
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
1.3.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	8
1.4.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở	8
1.4.2. Vị trí của cơ sở	9
1.4.3. Danh mục các hạng mục công trình của cơ sở	11
1.4.4. Danh mục thiết bị phục vụ quá trình sản xuất	12
1.4.5. Sơ đồ tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở	17
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH,	18
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	24
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:	26
3.1.3. Xử lý nước thải	27
3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải	32
2.6. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	37
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	38
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	40
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	41
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	42
3.6.1. Sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải	42
3.6.2. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	43
3.6.3. Biện pháp ứng phó giảm thiểu sự cố rò rỉ hóa chất	44
3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	44
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	45
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	46
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	46
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	47
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	48

Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	50
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở	50
5.1.1. Tính hình thực hiện các quy định pháp luật.....	50
5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền	51
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	51
5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)	56
5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.	56
5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	56
5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	56
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	57
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	57
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	57
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	57
6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến để....	57
phối hợp thực hiện.....	57
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	57
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	57
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	57
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	57
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	58
PHỤ LỤC BÁO CÁO	59

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung từ viết tắt
1	CP	Chính phủ
2	CTNH	Chất thải nguy hại
3	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
4	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
5	KĐT	Khu đô thị
6	NĐ	Nghị định
7	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
8	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
9	QĐ	Quyết định
10	QH	Quốc hội
11	SXD	Sở Xây dựng
12	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
13	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
14	TP	Thành phố
15	TT	Thông tư
16	TTg	Thủ tướng
17	UBND	Ủy ban nhân dân
18	WHO	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình sản xuất van vòi đồng	3
Hình 2. Quy trình sản xuất van vòi kẽm	5
Hình 3. Vị trí thực hiện cơ sở.....	10
Hình 4. Mặt bằng tổng thể Nhà máy	12
Hình 5. Một số máy móc sản xuất của nhà máy	17
Hình 6. Sơ đồ mô hình tổ chức của nhà máy	17
Hình 7. Sơ đồ thu gom nước mưa chung của cơ sở	24
Hình 8. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	25
Hình 9. Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của cơ sở	25
Hình 10. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của nhà máy	26
Hình 11. Tổng mặt bằng thoát nước thải của cơ sở	27
Hình 12. Mô phỏng bể tự hoại 3 ngăn.....	27
Hình 13. Sơ đồ công nghệ bể xử lý nước thải của cơ sở.....	29
Hình 14. Sơ đồ công nghệ của 02 hệ thống xử lý bụi thải tại cơ sở	32
Hình 15. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nung và cán đồng số 1 của cơ sở.....	36
Hình 16. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nung và cán đồng số 2 của cơ sở.....	37
Hình 17. Thùng chứa CTR sinh hoạt	38
Hình 18. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường	39
Hình 19. Kho chứa CTNH của nhà máy	41
Hình 20. Quy trình ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải	43
Hình 21. Thiết bị PCCC của cơ sở.....	44

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở	6
Bảng 2. Tổng hợp bảng cân bằng nước và phát sinh nước thải tại nhà máy	8
Bảng 3. Các hạng mục công trình của cơ sở	11
Bảng 4. Danh mục thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất	12
Bảng 5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí môi trường làm việc	22
Bảng 6. Nhu cầu xả thải của nhà máy	26
Bảng 7. Danh mục máy móc, thiết bị chính lắp đặt cho cụm bể XLNT của cơ sở.....	31
Bảng 8. Thông số cơ bản của các hạng mục trong cụm bể xử lý nước thải	31
Bảng 9. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi số 1 tại cơ sở	33
Bảng 10. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi số 2 tại cơ sở	34
Bảng 11. Bảng khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy	39
Bảng 12. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh	40
Bảng 13. Các nội dung xin thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt của cơ sở	45
Bảng 14. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải...48	
Bảng 15. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	53
Bảng 16. Kết quả quan trắc môi trường khí thải.....	55
Bảng 17. Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm	57

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa

- Địa chỉ văn phòng: Lô đất B2-4-4 Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trương Quốc Cư
- Điện thoại: 024.35370282 Fax: 024.35370283
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp: 0100372266, đăng ký lần đầu ngày 22/10/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19/4/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư: số 01221000153 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 23/9/2008.

1.2. Tên cơ sở

Nhà máy cơ khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hòa

- Địa điểm cơ sở: Lô đất B2-4-4 Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường như sau:
 - + Giấy chứng nhận đầu tư: số 01221000153 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 23/9/2008.
 - + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1.000092.T cấp năm 2008.
 - + Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường Số 50/GXN-STNMT ngày 12/10/2015.
- Các quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường:
 - + Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất cơ khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hòa” tại Khu công nghiệp tập trung Nam Thăng Long, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - + Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng.

- Quy mô của cơ sở: Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng) thuộc dự án nhóm C quy định tại Khoản 4, Điều 11 theo Luật đầu tư công 58/2025/QH15 ngày 29/11/2024.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: cơ sở nằm trong khu vực không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các loại van, vòi, dụng cụ, phụ tùng dùng cho ngành nước, khí, ga.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP thì dự án thuộc số thứ tự I.1, phụ lục IV – Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Hiện tại cơ sở đã được phê duyệt ĐTM và đang hoạt động, vậy nên chủ cơ sở sẽ thực hiện hồ sơ môi trường theo mẫu tại phụ lục X của Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

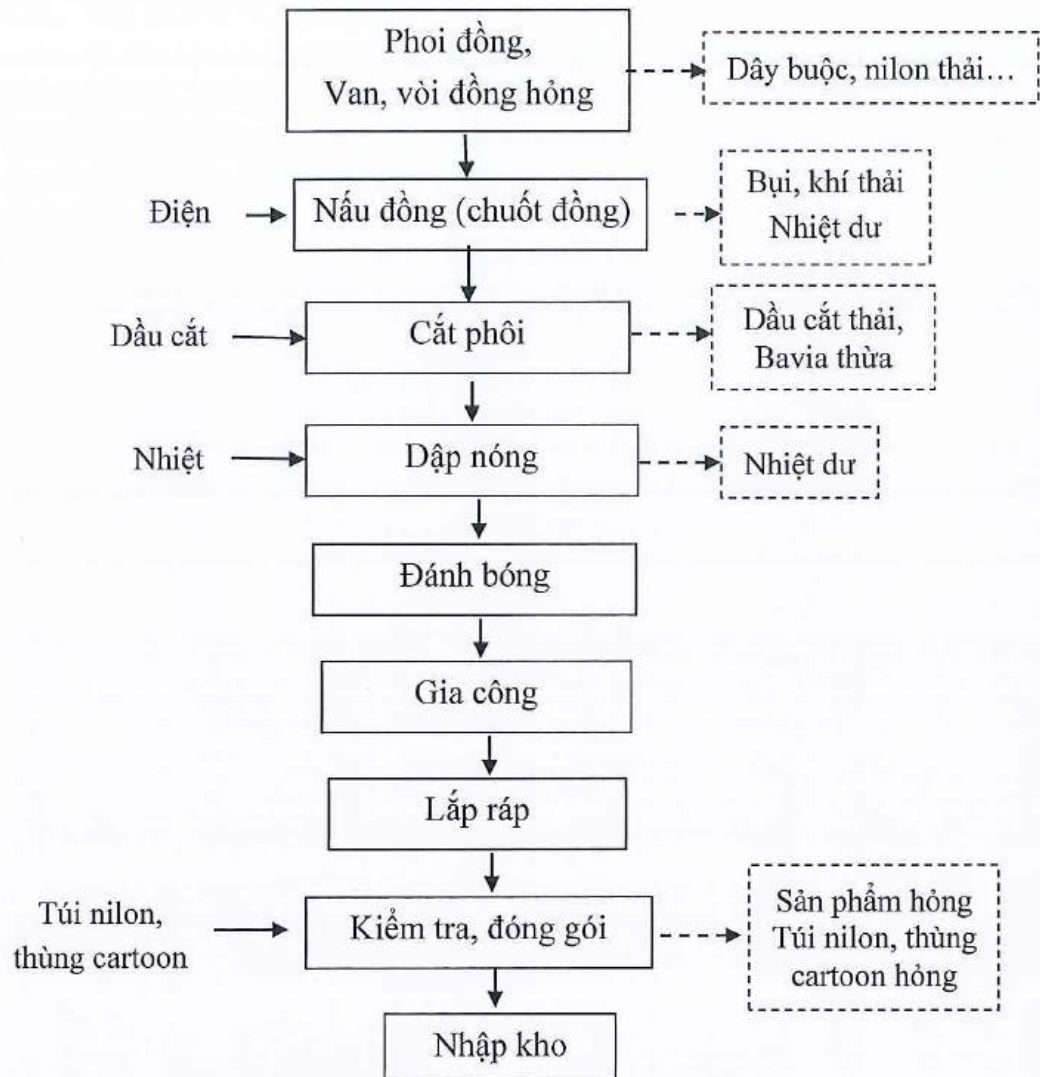
1.3.1. Công suất của cơ sở

Quy mô, công suất: khối lượng sản phẩm là 450 tấn sản phẩm/năm (tương đương 5.000.000 sản phẩm/năm).

Hiện tại, nhà máy đang hoạt động với công suất bằng 90-100% công suất thiết kế.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình công nghệ sản xuất van vòi đồng tại nhà máy như sau:



Hình 1. Quy trình sản xuất van vòi đồng

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Công đoạn nấu đồng:

Nguyên liệu đầu vào là phoi đồng được đưa vào lò nấu nung nóng chảy bằng điện. Nhiệt độ lò luôn giữ ở $1500^{\circ}\text{C} - 1800^{\circ}\text{C}$. Đồng sau khi nóng chảy được đùn ra thành dạng cây dài. Khi cây đồng đẩy ra chạm vào công tắc hành trình đóng thì đồng thời động cơ cắt hoạt động và pistong đẩy bàn cắt hạ xuống, pistong kẹp ngang dọc cũng đồng thời hoạt động khi đó sẽ thực hiện quá trình cắt (hành trình cắt được điều khiển bằng công tắc hành trình). Sau đó đồng được đưa sang máy kéo đồng. Tại đây hộp điều khiển tốc độ hoạt động, bánh răng quay, con lắc làm việc và bánh tỷ hoạt động, cây đồng được kéo ra (tốc độ nhanh hay chậm tùy thuộc vào điều chỉnh).

Yêu cầu đồng thành phẩm khi được kéo ra phải đảm bảo thành phần đồng cho từng dòng sản phẩm theo quy định của phòng kỹ thuật công nghệ ban hành. Thành phẩm được kiểm tra thành phần hóa học bằng máy quang phổ. Thành phần đồng tuân thủ theo tiêu chuẩn đảm bảo độ bền cho sản phẩm. Thành phần chì được giới hạn và

quản lý nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng - đây là ưu điểm của sản phẩm so với hàng nhập lậu, hàng nhái...

Sau đó cây đồng được đưa vào máy chuốt đồng. Máy được khởi động bàn trượt chạy vào đầu đầu với cây đồng, mồm kẹp hoạt động và kẹp vào đầu cây đồng khi đó móc kéo hạ xuống xích kéo và cây đồng được chuốt.

Công đoạn cắt phôi:

Khi cây đồng đẩy ra chạm vào công tắc hành trình đóng thì đồng thời động cơ cắt hoạt động và pistong đẩy bàn cắt hạ xuống, pistong kẹp ngang dọc cũng đồng thời hoạt động khi đó sẽ thực hiện quá trình cắt phôi (hành trình cắt được điều khiển bằng công tắc hành trình. Khi đã thực hiện cắt xong thì bàn máy và động cơ cắt được pistong kéo về vị trí ban đầu.

Công đoạn dập nóng:

Chế tạo phôi bằng dập là quá trình gia công bằng cách lợi dụng tính dẻo của vật liệu, thông qua dụng cụ, thiết bị tạo lực (máy dập) làm chúng biến dạng dẻo tạo thành sản phẩm có hình dáng kích thước theo yêu cầu.

Ngoại lực là yếu tố cơ bản gia công áp lực, góp phần tạo ra hình dáng của vật thể có cơ tính cao giảm tiêu hao vật liệu.

Nhiệt độ là yếu tố quan trọng trong quá trình dập nóng, nhiệt độ cho phép giới hạn từ 650°C đến 850°C . Khoảng nhiệt độ tạo hình cho phép: Là khoảng nhiệt độ giới hạn bởi nhiệt độ bắt đầu dập đến khoảng nhiệt độ kết thúc dập mà tại đó kim loại có tính dẻo cần thiết để biến dạng và điền đầy lòng khuôn.

Đặc điểm: Chế tạo phôi bằng rèn dập là quá trình biến dạng vật liệu ở thể rắn, khử khuyết tật, biến tổ chức hạt thành tổ chức thớ tạo ra sản phẩm có cơ tính tốt, độ chính xác cao bề mặt nhẵn, dễ gia công, dễ cơ khí hóa và tự động hóa.

Vật liệu để dùng cho sản phẩm dập nóng yêu cầu có độ dẻo cao.

Công đoạn đánh bóng:

Động cơ chính hoạt động, bộ truyền động xích, trục chính chuyển động, buồng đảo phôi chuyển động, quay đảo phôi trong khoang.

Đồng thời guồng mức cát-bi chuyển động, dẫn đến cát được chuyển lên phễu đựng cát, chảy xuống buồng phun, động cơ phun cát luôn hoạt động, cát được phun liên tục vào buồng đảo phôi.

Công đoạn gia công:

Các phôi đồng được đưa sang gia công thành các bộ phận: nắp, thân, đĩa, côn, cam, trục, ốc, bi,.... Mỗi bộ phận được thực hiện trên các máy gia công tự động hoặc bán tự động.

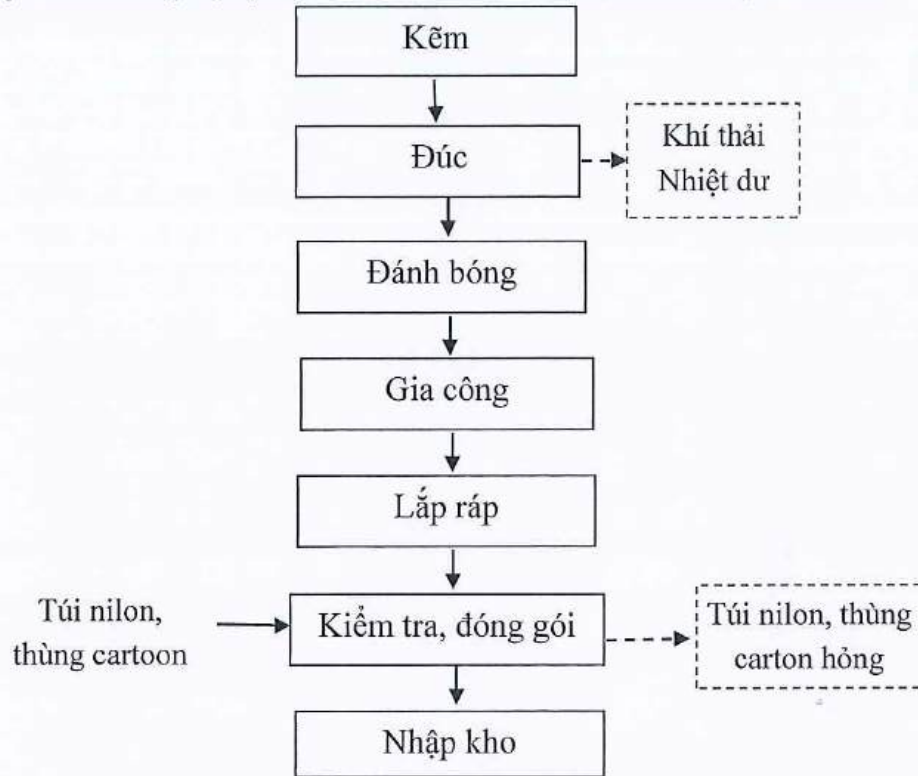
Công đoạn lắp ráp và hoàn thiện:

Tại công đoạn này, các chi tiết sản phẩm phụ sau khi được hình thành sẽ được tiếp tục lắp ráp với nhau, tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Công đoạn kiểm tra chất lượng, đóng gói sản phẩm:

Sau khi sản phẩm trải qua quá trình kiểm tra chất lượng sẽ được bao gói nilon, đóng mã hiệu và đóng thùng nhập kho.

- Quy trình công nghệ sản xuất van vòi kẽm tại nhà máy như sau:



Hình 2. Quy trình sản xuất van vòi kẽm

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Công đoạn đúc:

Trước khi vận hành máy chúng ta thực hiện đốt lò để cho kẽm nóng chảy (thời gian đốt từ 2.5 – 3.5 h tùy từng máy), đốt lò khi nào thấy đồng hồ báo nhiệt độ của lò vào khoảng 440 – 480⁰C thì chúng ta vận hành máy để đúc sản phẩm.

Trước khi vận hành máy chúng ta phải sấy thớt gia nhiệt và ống bao(bọc ống dẫn liệu), khi nào nhiệt độ của đồng hồ đo nhiệt đạt 440 – 460⁰C thì chúng ta tiến hành thực hiện đúc sản phẩm.

Hoạt động của máy thực hiện bởi hệ thống thủy lực thông qua các van điện từ để điều khiển hệ thống vận hành của máy và hệ thống cấp phôi liệu (hệ thống pitong bắn nén)

Pitong chính có nhiệm vụ đóng và mở bàn máy bằng hệ thống thủy lực thông qua hệ thống khuỷ, bàn máy được dẫn hướng bởi 4 trục dẫn hướng trên thân máy.

Khi máy hoạt động thì bàn máy được đóng lại(đóng khuôn lại) ⇒ phôi luôn được cấp vào xilanh của pitong bắn nén ⇒ Hệ thống pitong bắn nén được hoạt động theo

hai cấp (đẩy nhiên liệu và bắn nén nhiên liệu) để đẩy nhiên liệu thông qua ống dẫn nhiên liệu để đi vào khuôn đúc.

Máy đúc thực hiện hành trình đúc tự động.

Công đoạn đánh bóng:

Động cơ chính hoạt động, bộ truyền động xích, trục chính chuyển động, buồng đảo phôi chuyển động, quay đảo phôi trong khoang.

Đồng thời guồng mức cát-bi chuyển động, dẫn đến cát được chuyển lên phễu đựng cát, chảy xuống buồng phun, động cơ phun cát luôn hoạt động, cát được phun liên tục vào buồng đảo phôi.

Công đoạn gia công:

Các phôi đồng được đưa sang gia công thành các bộ phận: nắp, thân, đĩa, côn, cam, trục, ốc, bi,... Mỗi bộ phận được thực hiện trên các máy gia công tự động hoặc bán tự động.

Công đoạn lắp ráp và hoàn thiện:

Tại công đoạn này, các chi tiết sản phẩm phụ sau khi được hình thành sẽ được tiếp tục lắp ráp với nhau, tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Công đoạn kiểm tra chất lượng, đóng gói sản phẩm:

Sau khi sản phẩm trải qua quá trình kiểm tra chất lượng sẽ được bao gói nilon, đóng mã hiệu và đóng thùng nhập kho.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở: các loại van, vòi, dụng cụ, phụ tùng dùng cho ngành nước, khí, ga với quy mô: 5.000.000 sản phẩm/năm.

1.3.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

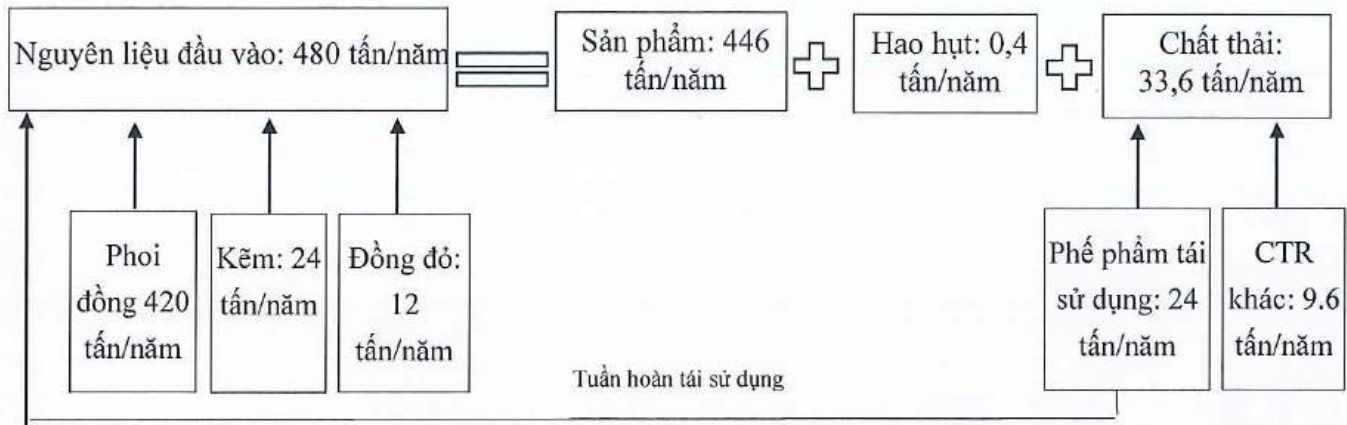
a. Nguyên nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Trong quá trình hoạt động, nhà máy thường xuyên sử dụng các loại nguyên vật liệu, hóa chất sau:

Bảng 1. Nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở

TT	Nguyên, nhiên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Phoi đồng phế liệu	Tấn/năm	420
2	Kẽm nguyên chất	Tấn/năm	24
3	Van, vòi đồng hỏng, mặt đồng, mặt kẽm (tái sử dụng)	Tấn/năm	24
4	Đồng đỏ >92% Cu	Tấn/năm	12
5	Dầu cắt	lít/ tháng	1.250
6	Dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì đóng gói	Kg/năm	2.400

(Nguồn: Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa)



- Tỷ lệ hao hụt trong quá trình sản xuất: theo kinh nghiệm của chủ cơ sở là 0,1% phát sinh trong quá trình bảm dính vào máy móc, bụi bay trong không khí... Do đó, lượng hao hụt phát sinh trong quá trình sản xuất là: $480 \times 0,1\% = 0,4$ (tấn/năm)

- CTR phát sinh:

+ CTR là phế phẩm có thể tái sử dụng sản xuất: van, vôi đồng hồng, mặt đồng, mặt kẽm với khối lượng phát sinh khoảng 24 tấn/năm $\approx 0,08$ tấn/ngày.

+ CTR khác: xỉ bụi đồng từ hệ thống XL bụi thải với khối lượng phát sinh khoảng 9,6 tấn/năm ≈ 30 kg/ngày.

b. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện sử dụng của cơ sở

- Nguồn cung cấp điện: Điện được cung cấp bởi Công ty Điện lực Bắc Từ Liêm.

- Nhu cầu sử dụng điện: Theo hóa đơn sử dụng điện tháng 7/2024, 8/2024, 9/2024 (Hóa đơn đính kèm phụ lục báo cáo), lượng điện tiêu thụ trung bình là 1.000.000 kWh/tháng.

c. Nguồn cung cấp nước sử dụng của cơ sở

- Hiện nay, nhà máy đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước của KCN cho hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân.

Theo hóa đơn tiền nước sạch năm 2023, năm 2024 và năm 2025 thì lượng nước sạch sử dụng trung bình là 193 m³/tháng, lượng nước sạch sử dụng lớn nhất là 312 m³/tháng $\sim 12,15$ m³/ngày, cụ thể như sau:

- *Nước cấp cho sinh hoạt:* Số lượng cán bộ công nhân viên đang làm việc tại nhà máy 250 người. Định mức cấp nước sinh hoạt tại nhà máy hiện tại là 40 lít/người/ngày. Do vậy, lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt là: $250 \times 40/1000 = 10$ m³/ngày.

- *Nước cấp cho sản xuất:*

+ Nước cấp cho các công đoạn làm mát: theo thống kê thực tế tại nhà máy, định mức nước sử dụng cho 01 ngày khoảng 2 m³/ngày.

+ Nước cấp cho hoạt động rửa tay: định mức sử dụng cho công nhân là 0,6 lít/người/ngày. Lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động này là: $0,6/1000 \times 250 = 0,15$ m³/ngày.

Bảng 2. Tổng hợp bảng cân bằng nước và phát sinh nước thải tại nhà máy

TT	Hoạt động sử dụng nước	Số lượng	Định mức	Lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Hệ số phát thải	Lượng nước xả thải (m ³ /ngày)
1	Hoạt động sinh hoạt	250 CN	40 lít/ng/ ngđ	10	100%	10
2	Hoạt động sản xuất					
-	Nước cấp cho hoạt động rửa tay			0,15	80%	0,12
-	Nước cấp cho hoạt động làm mát			2	Bay hơi	0
Tổng				12,15		10,12~10

1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.4.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa được phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp: 0100372266, đăng ký lần đầu ngày 22/10/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19/4/2022.

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000153 ngày 23/9/2008 với mục tiêu, quy mô dự án “Sản xuất các loại van, vòi, dụng cụ, phụ tùng dùng cho ngành nước, khí, ga với quy mô 5.000.000 sản phẩm/năm”.

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất cơ khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hòa” tại khu công nghiệp tập trung Nam Thăng Long, huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/5/2007.

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kép đồng” tại Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 29/5/2012.

Cơ sở được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội xác nhận thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án: Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kép đồng, địa điểm: Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, xã Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tại Giấy xác nhận số 50/GXN-STNMT ngày 12/10/2015.

Tổng diện tích khu đất xây dựng nhà máy khoảng là 10.430,2 m². Chủ cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD

692239 ngày 30/7/2008.

Hiện nay, Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình chính, các công trình phụ trợ, các công trình bảo vệ môi trường và lắp đặt hoàn thiện hệ thống các máy móc, các dây chuyền phục vụ sản xuất.

1.4.2. Vị trí của cơ sở

Nhà máy được thực hiện tại Lô đất B2-4-4 Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội. Khu đất có diện tích là 10.430,2 m². Nhà máy có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Tây giáp: đường giao thông 22m của KCN;
- + Phía Bắc giáp: Công ty TNHH Xây dựng, Cơ khí và Thương mại Bình Minh;
- + Phía Đông Nam giáp: đất cây xanh cách ly KCN
- + Phía Nam giáp: Công ty Phúc Hà.

Khoảng cách từ cơ sở đến khu dân cư gần nhất: cơ sở cách khu dân cư gần nhất khoảng 180m về phía Đông Nam.

Cơ sở phát sinh bụi từ công đoạn nung và cán đồng tuy nhiên chủ cơ sở đã xây dựng 02 hệ thống thu gom và xử lý bụi từ 2 công đoạn này bằng công nghệ dùng cyclon và túi lọc bụi bằng túi vải với công suất 80.000 m³/h và 60.000 m³/h, do đó mức độ ảnh hưởng đến khu dân cư là nhỏ.

- Tọa độ không chế của nhà máy:

STT	Mốc	X	Y
1	M68	2331898.080	579194.819
2	M69	2331922.227	579099.449
3	M70	2331876.041	579088.124
4	M71	2331851.867	579177.721

(Nguồn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)



Hình 3. Vị trí thực hiện cơ sở

1.4.3. Danh mục các hạng mục công trình của cơ sở

Nhà máy được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 10.430,2 m². Hiện tại, nhà máy đã xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục như: nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải, kho chứa CTNH và các công trình phụ trợ khác.

Danh mục các công trình của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. Các hạng mục công trình của cơ sở

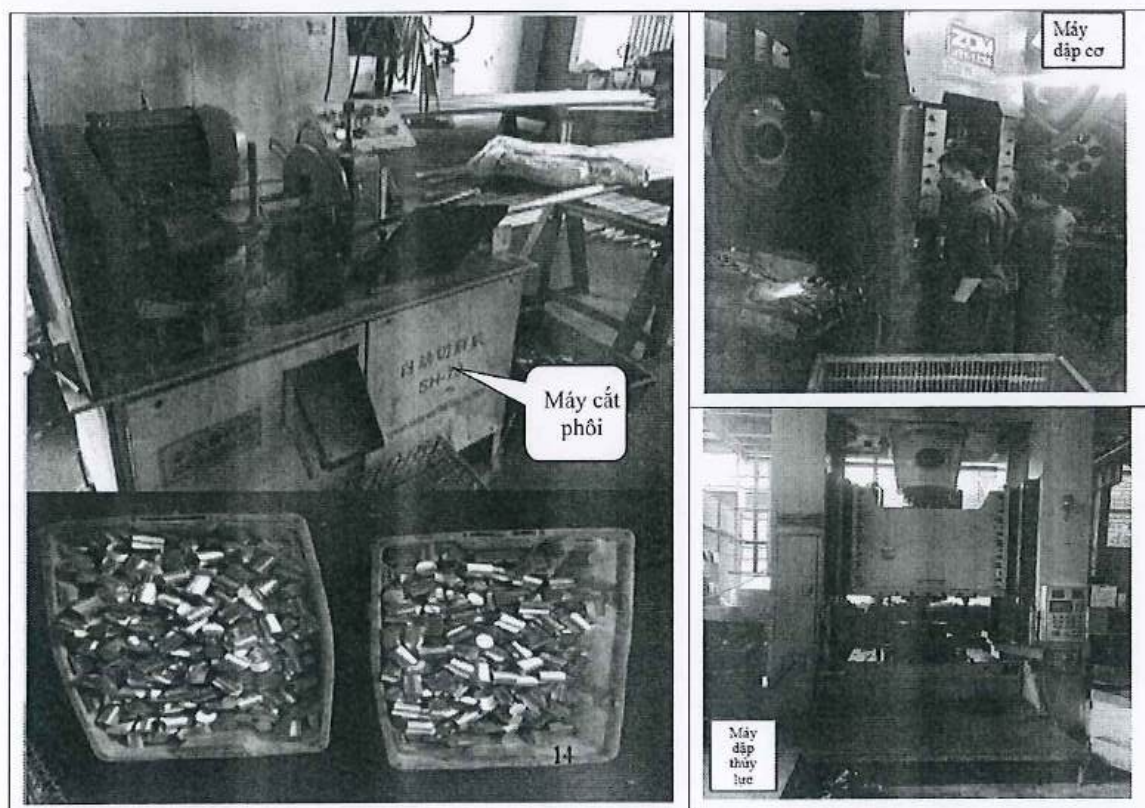
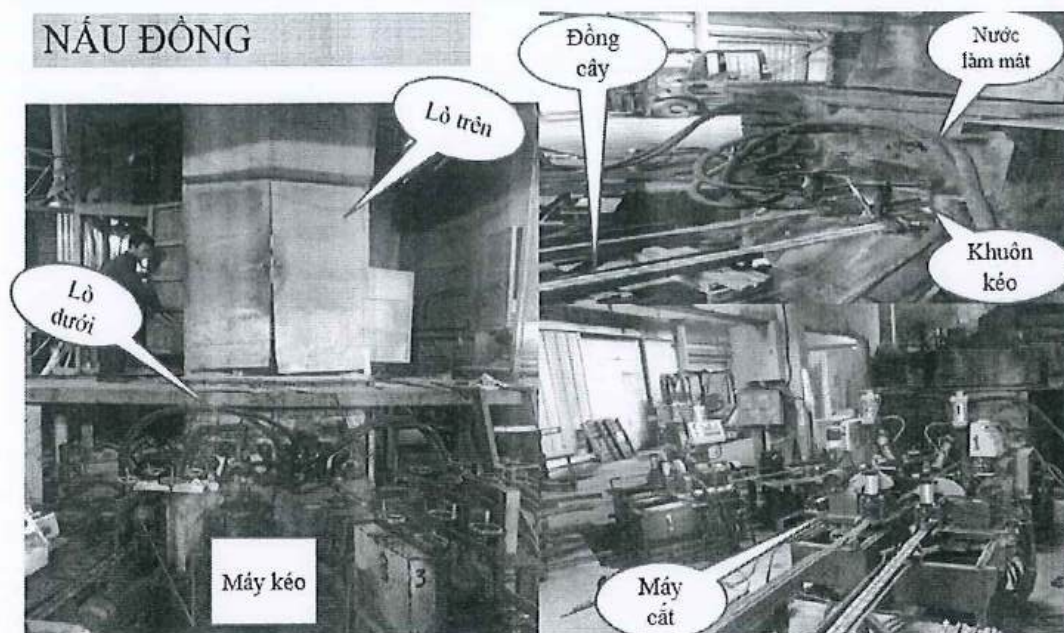
TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
<i>I</i>	<i>Hạng mục công trình chính</i>	
1	Nhà sản xuất	6.000 m ²
<i>II</i>	<i>Hạng mục công trình phụ trợ</i>	
2	Nhà trực, nhà an ninh	13 m ²
4	Nhà để xe cán bộ công nhân	180 m ²
5	Khu văn phòng làm việc 3 tầng	250 m ²
6	Trạm biến áp	60 m ²
7	Hệ thống sân đường nội bộ	2000 m ²
<i>III</i>	<i>Hạng mục bảo vệ môi trường</i>	
9	Cây xanh	20 m ²
10	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	1 hệ thống
11	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	1 hệ thống
12	Hệ thống thu gom xử lý bụi từ công đoạn nung, cán đồng	2 hệ thống
13	Kho lưu chứa CTR công nghiệp thông thường	11,2 m ²
14	Kho lưu chứa CTNH	11,5 m ² (3,1mx3,7m)
15	Cụm bể xử lý nước thải	39 m ³ (6mx2,5mx2,6m)
16	Bể tự hoại (03 bể)	75 m ³

STT	Tên thiết bị	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	
			lượng	Số
I	Công đoạn dập			
1.	Máy dập bavia 25T Komatsu, 2,2Kw, OBS-25	Nhật	2008	1
2.	Máy dập bavia 25T Amada, 2,2Kw, TP-25	Nhật	2008	2
3.	Máy dập tay van 32T, 2,2Kw, OBS-25	Nhật	2008	2
4.	Máy dập tay van 40T, 3,7kW	Trung Quốc	2008	1
5.	Máy dập tay van 50T, 3,7kW	Trung Quốc	2008	1
6.	Máy dập 45T Komatsu, 3,7Kw, OBS-45	Nhật	2008	3
7.	Máy dập 45T Amada, 3,7Kw, TP-45C	Nhật	2008	1
8.	Máy dập 63T, 5,5Kw, J23-63A	Trung Quốc	2008	1
9.	Máy dập tay van 63T, 5,5Kw, J23-63A	Trung Quốc	2017	1
10.	Máy dập 80T (Robot), 7,5Kw, JH21-80	Trung Quốc	2018	3
11.	Máy dập 80T Komatsu, 7,5Kw, OBS-80-3	Nhật	1989	2
12.	Máy dập 80T Amada, 7,5Kw, TP-80-X2	Nhật	1991	1
13.	Máy dập 110T (LCT-26), 7,5Kw, OBS110-2	Nhật	1991	1
14.	Máy dập 150T (Robot), 15Kw, OBS-150-2	Nhật	1991	2
15.	Máy dập 160T (LCT-27), 15,5Kw, J31-165B	Trung Quốc	1991	2
16.	Máy dập 200T ((Lò điện LCT-28), 15Kw, OBS-200-2	Nhật	1991	2
17.	Máy dập 315T (Lò điện LCT-30), 30,5 Kw, J31-315B	Trung Quốc	1991	1
18.	Máy dập 400T, 45Kw, J31-400C	Trung Quốc	1991	1
19.	Máy dập 500T, 61,2Kw, J31-500A	Trung Quốc	2017	1
20.	Máy dập tự động 315T, 78Kw, Y65-315T	Trung Quốc	2019	1
21.	Máy dập tự động 500T, 86Kw, Y65-500T	Trung Quốc	2019	1
22.	Máy dập bavia tự động, 5,5kW	Trung Quốc	2020	3
23.	Lò cao tần (DTĐ315-01), 120 Kw, CYP-120	Trung Quốc	2019	1
24.	Lò cao tần (DTĐ500-01), 120 Kw, CYP-120	Trung Quốc	2019	1
25.	Máy làm mát dầu (dập DTĐ315-01), 12 Kw, RS-YL12	Trung Quốc	2019	3
26.	Máy dập nắp tự động, 18kW	Trung Quốc	2020	1
27.	Lò trung tần 160KW, ZW-TA16B	Trung Quốc	2020	1
28.	Máy dập tự động, 86Kw, Y65-500T	Trung Quốc	2020	1
29.	Lò cao tần (dập TĐ500T-02), 120Kw, YG-90	Trung Quốc	2020	1
30.	Máy dập tự động, 110 Kw, Y65-800T	Trung Quốc	2020	1
31.	Lò cao tần (dập TĐ800T-01), 180 Kw, CYP-220	Trung Quốc	2020	1
32.	Máy làm mát dầu (dập DTĐ800-01), 24 kW	Trung Quốc	2020	1
33.	Máy làm mát dầu (dập DTĐ500-01), 24kW	Trung Quốc	2024	2
34.	Máy dập 80T (Robot), 7,5Kw, JH21-80	Trung Quốc	2021	4
35.	Máy dập 160T, 15Kw, JH31-160	Trung Quốc	2021, 2023	4
36.	Máy dập 60T (Robot), 5Kw, JH21-60	Trung Quốc	2023	2
37.	Máy dập 315T, 30Kw, JH31-350	Trung Quốc	2023	2

38.	Lò điện 65KW, 65 kW	Trung Quốc	2023	4
39.	Lò điện 100KW	Trung Quốc	2023	2
40.	Lò điện 65KW	Trung Quốc	2023	3
41.	Máy dập nắp thụ động, 31,5 kW	Trung Quốc	2023	1
42.	Lò cao tần 200KW	Trung Quốc	2023	1
43.	Lò điện 65KW	Trung Quốc	2024	1
44.	Cánh tay rô bốt CSJ01, cấp phôi, tải phôi, 1kW	Trung Quốc	2023	16
45.	Cánh tay rô bốt CSJ06, cấp phôi, tải phôi, 1kW	Trung Quốc	2024	1
46.	Hệ thống cấp phôi máy tiện trục TN19 V014.2301	Việt Nam	2023	1
47.	Hệ thống cấp phôi máy tiện nắp TN32 V014.2302	Việt Nam	2023	13
48.	Hệ thống cấp phôi máy tiện nắp	Việt Nam	2024	1
49.	Hệ thống cấp phôi máy khoan đĩa	Việt Nam	2024	2
50.	Lò ủ van	Trung Quốc	2023	1
II Công đoạn phun bi, đánh bóng				
51.	Máy đánh bóng 200 kg, 10,12KW	Thái Lan	2017	5
52.	Máy đánh bóng 600 kg, 18,75KW	Thái Lan	2017	2
53.	Máy đánh bóng khuôn, 1,1KW	Thái Lan	2017	
54.	Máy đánh bóng bi, 5,5KW	Trung Quốc	2023	1
III Công đoạn cắt phôi				
55.	Máy cắt phôi, 2,2Kw, SH	Trung Quốc	2008	4
56.	Máy cắt phôi, 4Kw, SH	Trung Quốc	2016	3
57.	Máy cắt phôi tự động, 11kW, RTXL-275-70	Trung Quốc	2019	5
IV Công đoạn nấu đồng				
58.	Lò nấu đồng 500KG, 250KW	Trung Quốc	2016	1
59.	Lò nấu đồng 600KG, 300KW	Trung Quốc	2016	1
60.	Máy kéo đồng lò 500Kg, 2,2KW	Trung Quốc	2012	4
61.	Máy kéo đồng lò 600Kg, 2,2kW	Trung Quốc	2018	7
62.	Máy cắt đồng lò 500Kg, 3KW	Trung Quốc	2012	4
63.	Máy cắt đồng lò 600Kg, 3kW	Trung Quốc	2012	6
64.	Máy chuốt đồng, 18,5kW	Trung Quốc	2018	2
65.	Máy chuốt đồng, 18,5KW	Trung Quốc	2018	1
66.	Máy nắn đồng, 15KW	Trung Quốc	2014	1
67.	Máy TEST đồng	Indonesia	2016	1
68.	Hệ thống hút bụi	Việt Nam	2020	1
69.	Máy bơm nước, 5,5KW	Việt Nam	2012	2
70.	Máy khuấy đồng	Trung Quốc	2016	3
V Danh mục thiết bị làm linh kiện				
71.	Máy tiện cam to	Đài Loan	2012	24
72.	Máy tiện cam nhỏ	Đài Loan	2014	2

73.	Máy phay trục	Trung Quốc	2013	10
74.	Máy tiện trục	Trung Quốc	2016	6
VI	Danh mục thiết bị máy NC, CNC, NCHH			
75.	Máy tiện NC	Trung Quốc	2007	82
76.	Máy tiện NC hỗn hợp	Trung Quốc	2016	12
77.	Máy tiện NC có đuôi	Trung Quốc	2024	2
78.	Máy tiện CNC	Trung Quốc	2019	4
VII	Danh mục thiết bị máy bán tự động			
79.	Máy bán tự động	Trung Quốc	2016	55
VII	Danh mục thiết bị máy làm bi, côn đĩa			
80.	Máy tiện bi đồng DL	Đài Loan	2013	1
81.	Máy tiện bi đồng TQ	Trung Quốc	2014	6
82.	Máy tiện côn đĩa	Trung Quốc	2016	9
IX	Danh mục thiết bị máy khoan, tiện thân, tiện nắp			
83.	Máy gia công thân	Đài Loan	2009	21
84.	Máy gia công vôi	Đài Loan	2009	8
85.	Máy gia công nắp van	Đài Loan	2009	36
86.	Máy khoan thân	Đài Loan	2014	5
87.	Máy gia công tự động robot	Trung Quốc	2020	20
89.	Máy mài dao	Đài Loan	2016	4
90.	Máy tỳ van	Trung Quốc	2018	1
91.	Máy lọc dầu	Trung Quốc	2018	3
X	Danh mục thiết bị máy đúc nhôm, kẽm			
92.	Máy đúc kẽm	Trung Quốc	2006	4
93.	Máy đúc nhôm	Trung Quốc	2013	2
XI	Danh mục thiết bị máy lắp ráp			
94.	Máy công van to	Trung Quốc	2012	2
95.	Máy công van nhỏ	Trung Quốc	2016	10
96.	Máy đóng đai thùng	Đài Loan	2010	3
	Các máy móc phụ trợ khác			

NẤU ĐỒNG



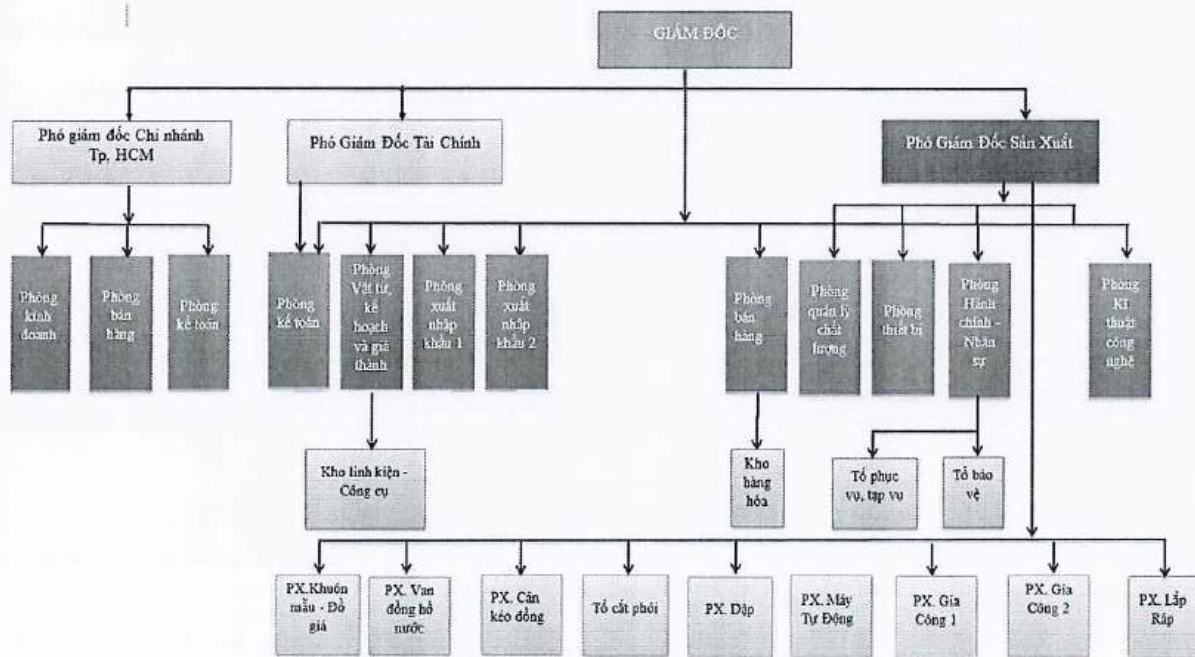


Hình 5. Một số máy móc sản xuất của nhà máy

1.4.5. Sơ đồ tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy: 250 người.

Sơ đồ tổ chức quản lý hoạt động hiện tại của nhà máy như sau:



Hình 6. Sơ đồ mô hình tổ chức của nhà máy

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- **Phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:** Dự án phù hợp với Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể như sau:

* Về mục tiêu:

- Về mục tiêu tổng quát: chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh, phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Về mục tiêu cụ thể:

+ Đối với phân vùng môi trường: định hướng phân vùng môi trường thống nhất phạm vi toàn quốc theo tiêu chí yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Đối với khu xử lý chất thải tập trung: định hướng hình thành đồng bộ hệ thống khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên phạm vi cả nước, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp trực tiếp, thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải. Đồng thời, xây dựng được cơ chế, chính sách thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động xử lý chất thải. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 - Định hướng hình thành tối thiểu 01 khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho Nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát

thải ròng bằng “0” vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

** Nhiệm vụ bảo vệ môi trường:*

- Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội:
+ Thực hiện phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Xây dựng lộ trình nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý chất thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân vùng môi trường.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

+ Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

+ Đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tiếp tục tăng cường đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng.

Cơ sở được xây dựng tại Lô đất B2-4-4, Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội; cơ sở phát sinh nước thải được thu gom và dẫn về bể xử lý sơ bộ sau đó được thoát ra hệ thống thu gom chung của KCN và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý; cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ công đoạn nấu đồng được thu gom và đưa về Cyclon lọc bụi để xử lý đảm bảo đạt các quy chuẩn hiện hành. Như vậy, có thể thấy cơ sở đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

** Sơ lược về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở đang áp dụng hiện nay*

Cơ sở đang thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

1. Đối với nước mưa:

Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống đứng pVC D90, pVC D110 cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường nội bộ được thu gom bằng hệ thống rãnh B400, rãnh B300, cống D300, độ dốc $i = 0,1 - 0,25\%$. Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí 12 hố ga lắng cặn (kích thước $1,02 \times 1,02 \times 1,02 \text{m}$). Toàn bộ nước mưa sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 2 điểm xả tại phía Nam cơ sở (theo biên bản đấu nối số 14/2011/BBĐN-HIP ngày 10/01/2011 về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp).

2. Đối với nước thải:

Nước thải xí tiểu được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích $25\text{m}^3/\text{bể}$) bố trí ngay phía dưới 03 nhà vệ sinh. Sau đó nước thải này cùng với nước thoát sàn, lavabo và nước thải từ khu vực rửa tay của công nhân (khu vực sản xuất) được dẫn về cụm bể xử lý thông qua đường ống pVC D90 dài 176,8m, D160 dài 47m.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại cụm bể xử lý được đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN tại 1 điểm xả (theo biên bản đầu nổi số 14/2011/BBĐN-HIP ngày 10/01/2011 về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp).

Cụm bể xử lý: dung tích 39 m^3 (kích thước $6 \times 2,5 \times 2,6\text{m}$) gồm các bể: nước thải đầu vào $\rightarrow$ bể tách mỡ $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể hiếu khí 1 $\rightarrow$ bể hiếu khí 2 $\rightarrow$ bể khử trùng.

*** Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Thăng Long:**

- Công suất của hệ thống XLNT tập trung: $800\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Song chắn rác $\rightarrow$ Bể tiếp nhận $\rightarrow$ Máy lược rác $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể lắng I $\rightarrow$ Bể Aerotank $\rightarrow$ Bể lắng II $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Bồn lọc áp lực $\rightarrow$ Nước thải đạt QCTĐHN02:2014/BTNMT, Cột A với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3. Đối với khí thải:

Chủ cơ sở đã xây dựng 02 HTXL bụi phát sinh từ khu vực nung, cán đồng cụ thể như sau:

- Công suất hệ thống:
 - + Hệ thống xử lý bụi số 1: $80.000\text{ m}^3/\text{h}$.
 - + Hệ thống xử lý bụi số 2: $60.000\text{ m}^3/\text{h}$.
- Quy trình công nghệ xử lý của 02 hệ thống: bụi thải $\rightarrow$ chụp hút + hệ thống ống thu khí $\rightarrow$ Cyclon lọc bụi $\rightarrow$ Hệ thống lọc bụi túi vải $\rightarrow$ quạt hút $\rightarrow$ ống thoát khí.

3. Đối với chất thải rắn thông thường

- CTR sinh hoạt: Phân loại chất thải vô cơ, hữu cơ tại nguồn, hằng ngày được công nhân thu gom, tập kết tại 2 xe chở rác dung tích 240 l đặt tại cổng nhà máy. Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty Cổ Phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội (Chủ đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Nam Thăng Long) đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- CTR công nghiệp thông thường:
 - + Mạt đồng, mạt kẽm phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được tuần hoàn tái sử dụng trong công đoạn nung cán kéo.

+ Xi, bụi đồng phát sinh từ HTXL bụi thải được thu gom 2 lần/tuần và bán cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phúc Thắng.

+ Dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì hỏng thải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn đất nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa; bùn bể tự hoại...; định kỳ 3 tháng/lần chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại: cơ sở đã bố trí 1 nhà kho chứa CTNH, diện tích 11,5m², kích thước (3,1x3,7)m đặt tại cổng của Nhà máy. Kho chứa CTNH có cửa, mái che kín, ngoài cửa kho có biển cảnh báo CTNH.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 000468/2024/HĐCNK ngày 24/10/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn để thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoạt động tại lô B2-4-4, Khu công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội đã được đầu tư và xây dựng hạ tầng cấp thoát nước đồng bộ.

- Trong quá trình hoạt động, cơ sở phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý. Ngoài ra cơ sở còn phát sinh bụi, khí thải từ công đoạn nấu, cán đồng được thu gom và xử lý bằng Cyclon và lọc bụi túi vải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn hiện hành. Như vậy, có thể đánh giá hoạt động của cơ sở với các biện pháp giảm thiểu tác động nước thải, bụi, khí thải đến nguồn tiếp nhận là phù hợp với khả năng chịu tải môi trường của khu vực.

Như vậy có thể thấy chủ cơ sở đã có các biện pháp giảm thiểu đối với nước thải, khí thải và chất thải phát sinh tại nhà máy đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, chủ cơ sở đã tiến hành lấy mẫu quan trắc định kỳ môi trường không khí làm việc tại nhà máy. Kết quả như sau:

Bảng 5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí môi trường làm việc

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả										QCVN
			5/2023		12/2023		05/2024		11/2024		6/2025		
			K1	K2	K1	K2	K1	K2	K1	K2	K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	31,5	30,1	21,2	21,7	30,5	31,8	25,1	26,6	31,1	31,4	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	69,8	73,2	78,6	77,5	71,4	72,5	61,7	58,6	59,1	58,4	40 ÷ 80 ^a
3	Tốc độ gió	m/s	<0,3	<0,3	0,28	0,29	0,22	0,21	0,8	0,8	0,23	0,2	0,2 ÷ 1,5 ^a
4	Tiếng ồn	dBA	83,2	83,3	83,4	78,2	84,1	80,8	84,1	83,9	76,5	74,8	85 ^b
5	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,125	0,114	0,23	0,228	0,239	0,234	0,245	0,231	0,306	0,267	8 ^c
6	CO	mg/m ³	3,458	3,078	<1,52	<1,52	(LRL=1, 14)	KPH (LRL=1, 14)	KPH (LRL=1, 14)	KPH (LRL=1, 14)	KPH (LRL=1, 14)	KPH (LRL=1, 14)	40 ^d
7	NO ₂	mg/m ³	0,096	0,099	<0,25	<0,25	(LRL=0, 188)	KPH (LRL=0, 188)	KPH (LRL=0, 188)	KPH (LRL=0, 188)	KPH (LRL=0, 188)	KPH (LRL=0, 188)	10 ^d
8	SO ₂	mg/m ³	0,078	0,097	<0,25	<0,25	(LRL=1, 524)	KPH (LRL=1, 524)	(LRL=0, 26)	(LRL=0, 26)	(LRL=0, 26)	(LRL=0, 26)	10 ^d
9	H ₂ SO ₄	mg/m ³	<0,02	<0,02	KPH	KPH	(MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	15 ^d

10	Pb	mg/m ³	<0,003	<0,003	KPH	KPH	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	25 ^d
----	----	-------------------	--------	--------	-----	-----	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: K1: Mẫu không khí khu vực nấu đồng
- K2: Mẫu không khí khu vực gia công cơ khí
- Thời điểm lấy mẫu
 - + Ngày 30/5/2023 + Ngày 27/05/2024
 - + Ngày 07/12/2023 + Ngày 26/11/2024
 - + Ngày 26/06/2025
- Quy chuẩn so sánh:
 - + (a): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép tại nơi làm việc
 - + (b): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
 - + (c): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
 - + (d): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- Nhận xét: Quan kết quả quan trắc nhận thấy các chỉ tiêu ô nhiễm trong không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 02:2019/BYT.



Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

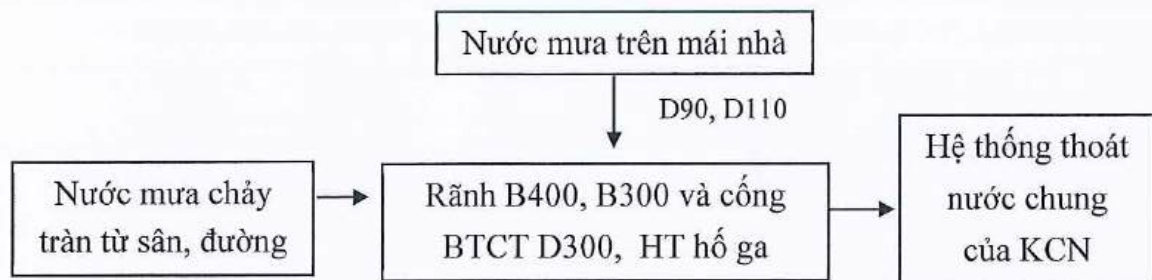
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống thoát nước trên mái nhà và hệ thống thoát nước trên bề mặt sân, đường giao thông.

Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống đường cống thu gom nước thải.

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn tại nhà máy như sau:



Hình 7. Sơ đồ thu gom nước mưa chung của cơ sở

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom vào các ống đứng pVC D90 và pVC D110 cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường nội bộ được thu gom bằng hệ thống cống BTCT D300, dài 25m, rãnh BTCT B400, dài 90m; rãnh BTCT B300 dài 6m, độ dốc $i = 0,1 - 0,25\%$, tổng chiều dài hệ thống thoát mưa khoảng là 121m. Dọc theo hệ thống thoát nước bố trí 12 hồ ga lắng cặn (kích thước $1,02 \times 1,02 \times 1,02\text{m}$). Hồ ga được xây bằng gạch, trát xi măng, nắp hồ ga có kết cấu bằng thép, dễ dàng tháo lắp. Toàn bộ nước mưa sau đó được thoát ra ngoài môi trường tại 2 điểm xả tại phía Nam cơ sở và dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN.

- Phương thức xả nước mưa: tự chảy

- Vị trí điểm xả: (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)

Tọa độ: $X_1 = 2332010.442$; $Y_1 = 579111.355$;

$X_2 = 2331966.081$; $Y_2 = 579106.392$.

(Vị trí điểm thoát nước mưa chi tiết tại bản vẽ thoát nước mưa đính kèm phụ lục báo cáo)

- Kết cấu cống BTCT:

+ Tấm đan cống BTCT đúc sẵn đá 1x2 mác 250 dày 12cm;

+ Lớp nilong chống mất nước

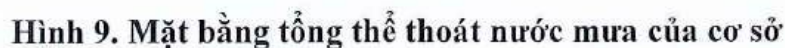
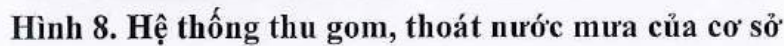
+ Đá mặt đệm đáy cống đầm chặt, dày 10cm;

- Kết cấu rãnh BTCT:

+ Tấm đan cống BTCT đúc sẵn đá 1x2 mác 250 dày 12cm;

+ Giăng BTCT, xây gạch đặc vữa XM M75, trát vữa XM M7, dày 20cm.

Định kỳ 3 - 6 tháng/lần Công ty sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.



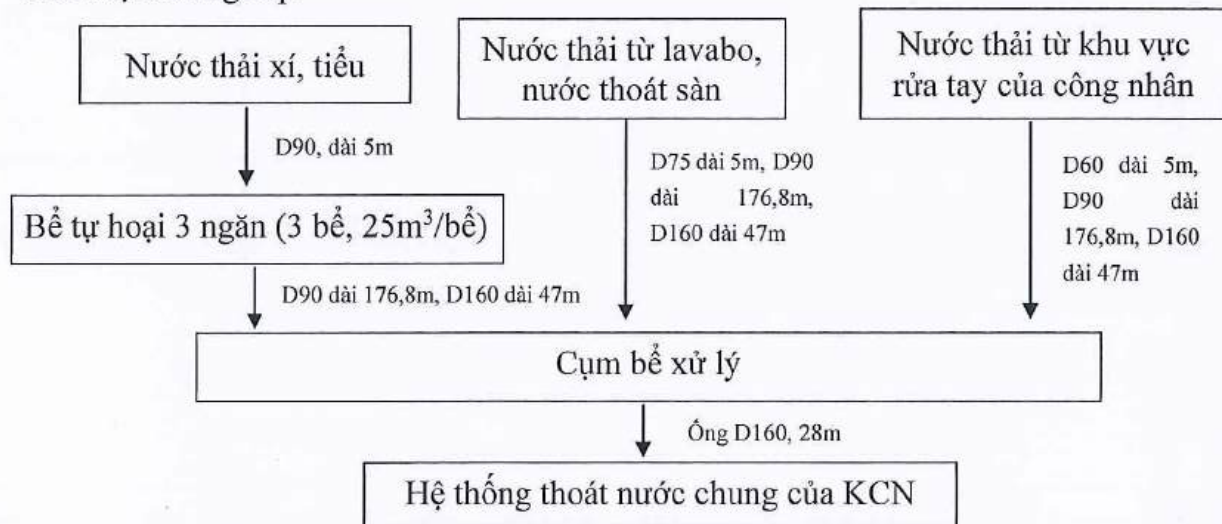
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Lượng nước xả thải của cơ sở như sau:

Bảng 6. Nhu cầu xả thải của nhà máy

TT	Hoạt động	Lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Lượng nước xả thải (m ³ /ngày)
1	Hoạt động sinh hoạt	15	12
2	Hoạt động sản xuất		
-	Nước cấp cho hoạt động rửa tay	0,125	0,01
-	Nước cấp cho hoạt động làm mát	2	Bay hơi
Tổng		17,125	12,01

Ghi chú: Theo hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp số 03/2019/HĐXLNT-HIP ngày 1/1/2019 thì lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch cung cấp.



Hình 10. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của nhà máy

- *Nước thoát sàn, lavabo:* Theo đường ống pVC D75 dài 5m, D90 dài 176,8m, D160 dài 47m dẫn ra cụm bể xử lý.

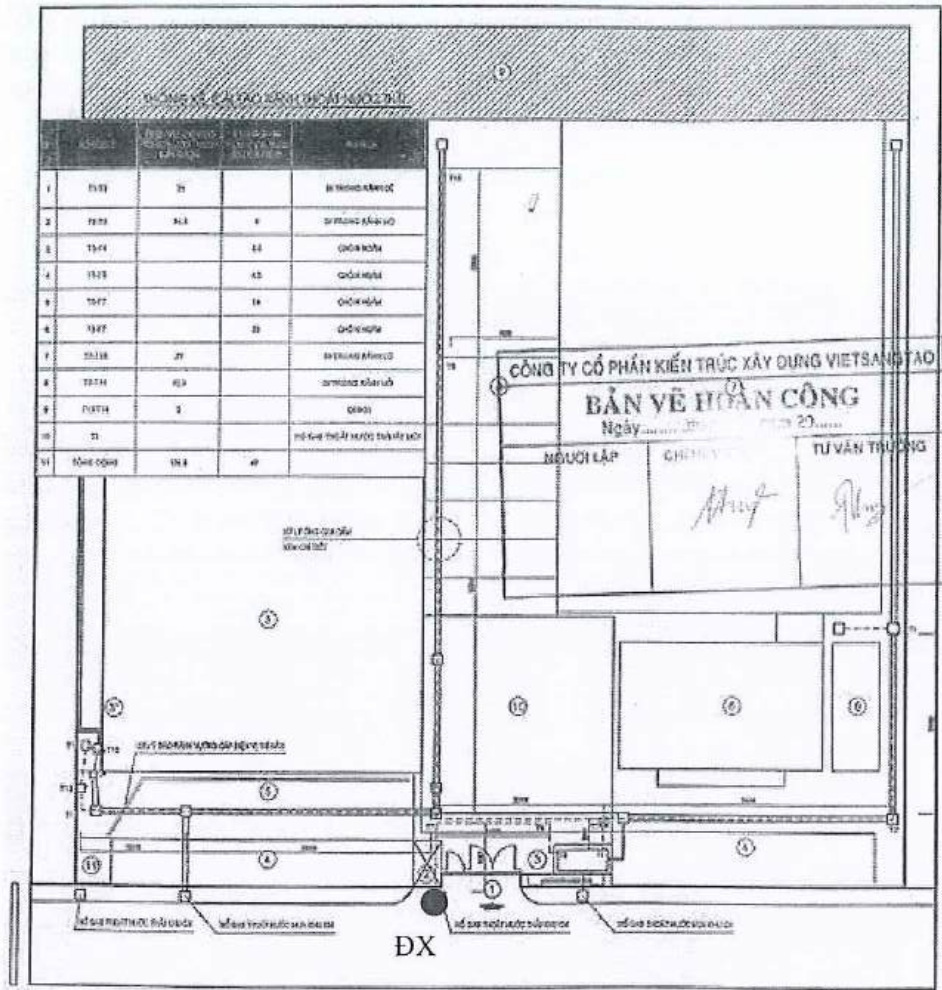
- *Nước thải xí tiểu:* được thu gom bằng đường ống pVC D90, dài 5m dẫn xuống 03 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 25m³/bể) bố trí ngay phía dưới 03 nhà vệ sinh. Sau đó nước thải được dẫn về cụm bể xử lý thông qua đường ống pVC D90 dài 176,8m, D160 dài 47m.

- *Nước thải từ khu vực rửa tay của công nhân (khu vực sản xuất):* được dẫn về cụm bể xử lý thông qua đường ống D60 dài 5m, D90 dài 176,8m, D160 dài 47m.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại cụm bể xử lý được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN tại 1 điểm đầu nối.

$$X = 2331974.513; Y = 579122.405$$

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3⁰)



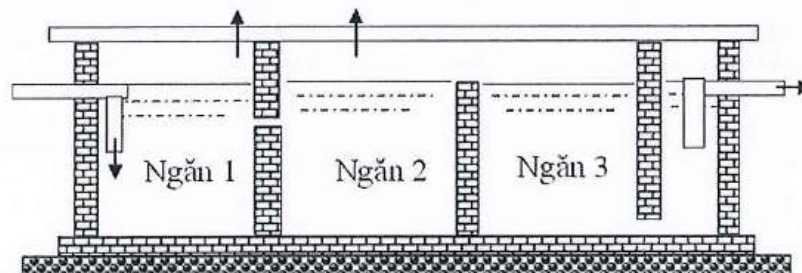
Hình 11. Tổng mặt bằng thoát nước thải của cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Bể tự hoại 3 ngăn

Công ty đã xây dựng 3 bể tự hoại 3 ngăn xây ngầm đặt dưới 03 nhà vệ sinh, dung tích 15 m³/bể.

- Kết cấu bể tự hoại: Tường bể xây gạch đặc dày 220, xây trát vữa xi măng mác #75. Thành bể trát xi măng dày 10mm, đánh bóng bằng xi măng nguyên chất. Đế bể dùng bê tông #200, đá 1×2mm. Thép sử dụng A1, $R_a=2100\text{kg/cm}^2$; A2, $R_a=2700\text{kg/cm}^2$. Đáy bể được đóng cọc tre dài 2m, mật độ 25 cọc/m².



Hình 12. Mô phỏng bể tự hoại 3 ngăn

- Quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 ,... khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ thành các chất khoáng, khí hoà tan.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại, Công ty thực hiện các biện pháp như:

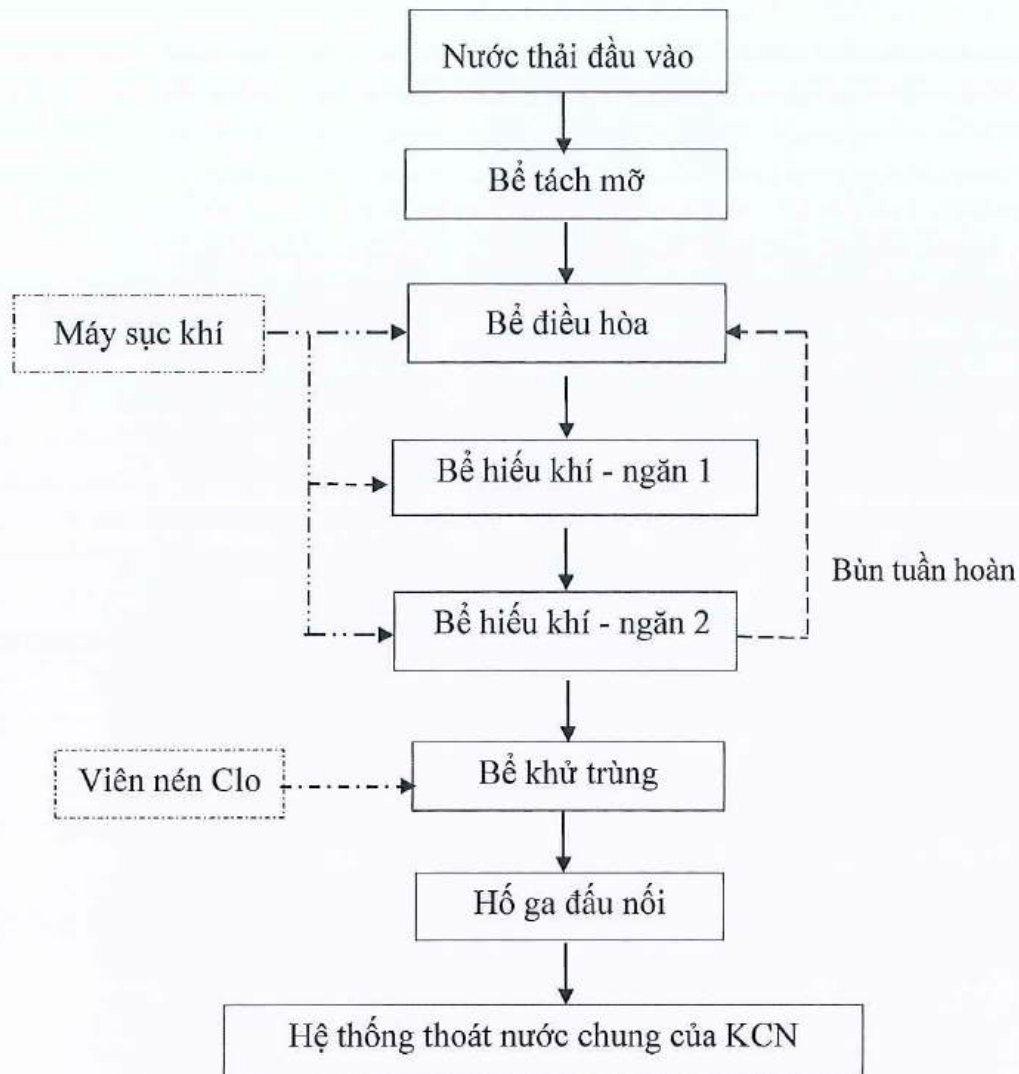
+ Bổ sung chế phẩm BIO – PHỐT vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường các quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại. Lượng chế phẩm sử dụng: Định kỳ 3 tháng bổ sung 1 lần, liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất là $150\text{g}/1\text{m}^3$ bể. Tổng thể tích bể tự hoại là 75m^3 thì liều lượng cần sử dụng $6,75\text{ kg/lần}$.

+ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn bể tự hoại và nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải 3 tháng/lần.

b. Cụm bể xử lý

Toàn bộ nước thải tại cơ sở được dẫn vào cụm bể xử lý dung tích 39 m^3 (kích thước $6 \times 2,5 \times 2,6\text{m}$) để xử lý nước thải đạt giá trị giới hạn của KCN Nam Thăng Long.

Sơ đồ công nghệ cụm bể xử lý nước thải:



Hình 13. Sơ đồ công nghệ bể xử lý nước thải của cơ sở

*** Thuyết minh cụm bể xử lý:**

Bể tách mỡ: Đây là nơi diễn ra quá trình tách mỡ khỏi nước. Lợi dụng vào tính chất của dầu mỡ nhẹ hơn nên nổi lên trên bề mặt, từ đó lượng dầu mỡ sẽ dễ dàng được tách bỏ.

Bể điều hoà: Do lưu lượng nước thải phát sinh không đều trong ngày nên ngăn điều hoà có chức năng điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải trước khi đưa vào công đoạn xử lý sinh học tiếp theo. Tại bể điều hoà sẽ cung cấp khí để hạn chế quá trình lắng cặn tại bể. Tại bể điều hoà làm giảm 20 - 30% BOD, COD trong nước thải đồng thời tạo điều kiện tốt cho quá trình xử lý sinh học công đoạn sau.

Nước thải từ bể điều hoà được bơm sang bể hiếu khí để tiếp tục xử lý.

Bể hiếu khí: Giai đoạn xử lý hiếu khí là công đoạn xử lý triệt để nước thải. Bể này làm việc liên tục, khuấy trộn hoàn toàn. Hệ thống sục khí không chỉ có nhiệm vụ cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động mà còn có vai trò khuấy trộn dòng nước.

Bể hiếu khí hoạt động dựa trên nguyên lý cung cấp oxy liên tục và khuấy trộn để tạo điều kiện cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải. Quá trình hoạt động của bể hiếu khí diễn ra qua ba giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: Tốc độ Oxy hóa và tốc độ tiêu thụ Oxy
 - + Trong giai đoạn này, oxy được cung cấp vào ngăn bằng máy thổi khí và được khuấy trộn liên tục.
 - + Bùn hoạt tính bắt đầu hình thành và phát triển. Vi sinh vật hiếu khí (VSV) sinh trưởng mạnh mẽ, dẫn đến việc tiêu thụ oxy nhanh chóng.
 - + Lượng oxy trong ngăn có thể tăng cao do sự phát triển mạnh mẽ của vi sinh vật.
 - + Vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy để oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải.
 - + Quá trình oxy hóa này giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các sản phẩm đơn giản hơn, như CO_2 và nước.
 - Giai đoạn 2: Phát triển ổn định của vi sinh vật.
 - + Vi sinh vật phát triển ổn định và tốc độ tiêu thụ oxy trở nên ổn định. Đây là giai đoạn mà quá trình phân hủy chất hữu cơ diễn ra mạnh mẽ nhất.
 - + Các chất hữu cơ trong nước thải được phân hủy mạnh mẽ bởi vi sinh vật hiếu khí, với tốc độ tiêu thụ oxy gần như không thay đổi.
 - + Quá trình này giúp loại bỏ phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải, cải thiện chất lượng nước.
 - Giai đoạn 3: Giảm tốc độ Oxy hóa và quá trình Nitrat hóa
 - + Tốc độ oxy hóa giảm dần và sau đó có thể tăng trở lại. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ giảm dần, và quá trình nitrat hóa amoniac bắt đầu diễn ra.
 - + Khi chất hữu cơ đã được phân hủy hầu hết, nhu cầu tiêu thụ oxy giảm xuống.
 - + Trong giai đoạn này, quá trình nitrat hóa amoniac diễn ra, nơi vi sinh vật chuyển đổi amoniac thành nitrat.
 - + Khi quá trình này kết thúc, hoạt động của bể dần đi đến giai đoạn hoàn thành. Nước thải từ bể hiếu khí tự chảy sang bể khử trùng để tiếp tục xử lý.
- Nước thải được châm hoá chất khử trùng Clorin để khử mầm bệnh vi sinh, Coliform có trong nước thải và được chảy về hố ga đầu nổi nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của KCN.

* **Hiệu quả xử lý:** Qua các kết quả quan trắc tại bảng 5.1 nhận thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B. Qua đó có thể đánh giá, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở vẫn đang hoạt động hiệu quả.

* **Danh mục máy móc, thiết bị của cụm bể xử lý**

Bảng 7. Danh mục máy móc, thiết bị chính lắp đặt cho cụm bể XLNT của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Máy thổi khí cạn ngăn hiếu khí	- Lưu lượng: $Q = 0,95 \text{ m}^3/\text{phút}$; - Công suất motor: $P = 1,5 \text{ kW}$; - Điện áp: 220V; - Xuất xứ: Việt Nam	1 cái
2	Hệ thống đường ống, van, phụ kiện	- Hệ thống đường ống nước/bùn bao gồm: ống thép mạ kẽm/PVC-C2,... - Hệ thống đường ống khí bao gồm: ống thép mạ kẽm/PVC-C2,... - Xuất xứ: Việt Nam	01 hệ thống

(Nguồn: Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa)

Bảng 8. Thông số cơ bản của các hạng mục trong cụm bể xử lý nước thải

TT	Tên bể	Thông số kỹ thuật	Vật liệu
1	Bể tách mỡ	- Số lượng: 01 bể - Kích thước: $L \times B \times H = 1.280 \times 2.200 \times 2.200 \text{ mm}$ (kích thước lòng bể) - Thể tích bể: $6,2 \text{ m}^3$.	Đáy đổ bê tông cốt thép dày 250mm; tường xây gạch đặc, trát, chống thấm vữa xi măng 75.
2	Bể điều hoà	- Số lượng: 01 bể - Kích thước: $L \times B \times H = 1.280 \times 2.200 \times 2.200 \text{ mm}$ (kích thước lòng bể) - Thể tích bể: $6,2 \text{ m}^3$.	Đáy đổ bê tông cốt thép dày 250mm; tường xây gạch đặc, trát, chống thấm vữa xi măng 75.
3	Bể hiếu khí	- Số lượng: 02 bể - Kích thước từng bể: $L \times B \times H = 1.000 \times 2.200 \times 2.200 \text{ mm}$. - Thể tích bể: $4,48 \text{ m}^3/\text{bể}$.	Đáy đổ bê tông cốt thép dày 250mm; tường xây gạch đặc, trát, chống thấm vữa xi măng 75.
5	Bể khử trùng	- Số lượng: 01 bể. - Kích thước: $L \times B \times H = 700 \times 1.000 \times 2.200 \text{ mm}$ (Kích thước lòng bể). - Thể tích bể: $1,54 \text{ m}^3$.	Đáy đổ bê tông cốt thép dày 250mm; tường xây gạch đặc, trát, chống thấm vữa xi măng 75.
6	Bể chứa nước sau xử lý	- Số lượng: 01 bể. - Kích thước: $L \times B \times H = 700 \times 1.000 \times 2.200 \text{ mm}$ (Kích thước lòng bể). - Thể tích bể: $1,54 \text{ m}^3$.	Đáy đổ bê tông cốt thép dày 250mm; tường xây gạch đặc, trát, chống thấm vữa xi măng 75.

(Nguồn: Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa)

*** Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý:**

+ Chlorin: Hóa chất khử trùng.

*** Định mức hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành**

- Định mức sử dụng hóa chất khử trùng (Chlorin): Tần suất bổ sung hàng ngày, định mức bổ sung 5 g/m³ nước thải (tương đương 100 g/ngày, khoảng 3 kg/tháng).

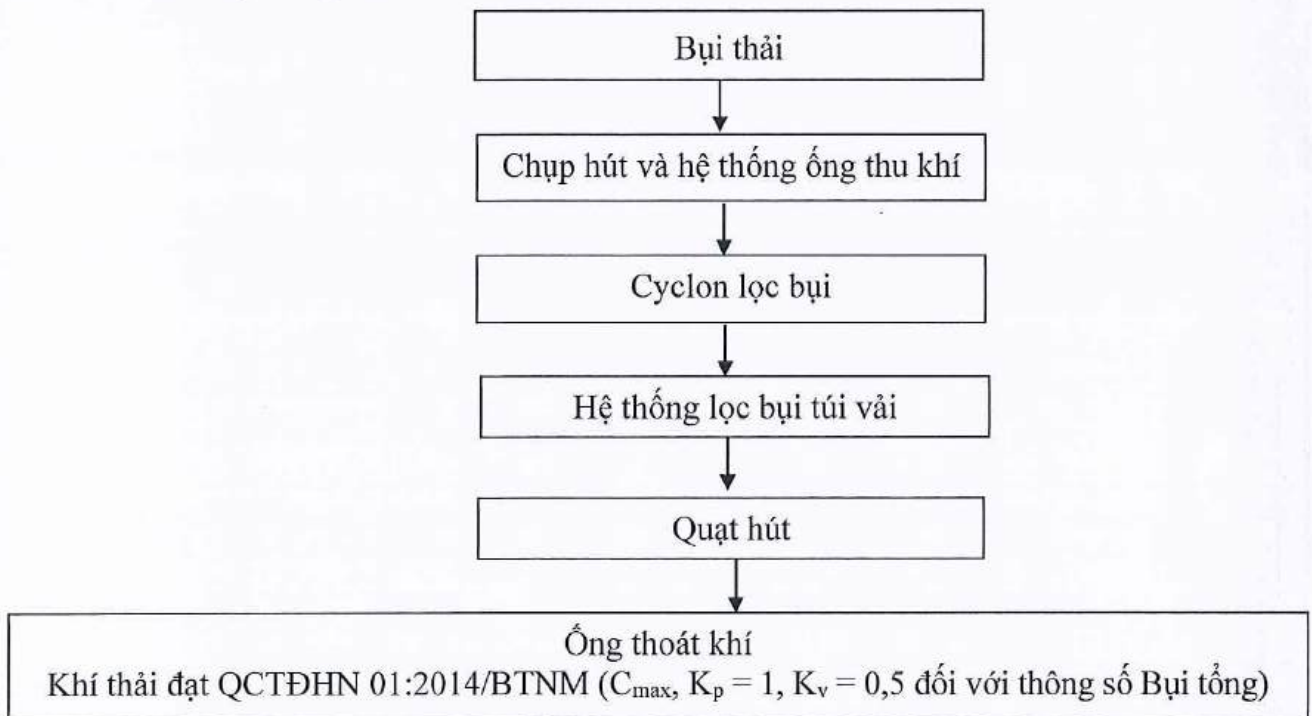
*** Định mức tiêu thụ điện năng**

Định mức điện năng tiêu thụ của bể xử lý nước thải là 550 kW/tháng.

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a. Hệ thống xử lý bụi thải khu vực nung, cán đồng

Chủ cơ sở đã xây dựng 02 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nung, cán đồng với công nghệ sử dụng Cyclon lọc bụi và lọc bụi bằng túi vải. Sơ đồ công nghệ xử lý của 2 hệ thống tương tự nhau, cụ thể như sau:



Hình 14. Sơ đồ công nghệ của 02 hệ thống xử lý bụi thải tại cơ sở

Dòng khí thải từ các khu vực lò nung và cán đồng sẽ được hút vào ống thu khí thải thông qua các chụp hút dưới tác động của quạt hút ly tâm. Dòng khí mang bụi sẽ được đưa vào Cyclone. Cyclone sử dụng tác dụng của lực ly tâm để phân ly các hạt bụi thô, đảm bảo thu được trên 95% bụi bay theo đường khí. Sau đó, khí thải được dẫn vào hệ thống lọc bụi bằng túi vải để thu được toàn bộ lượng bụi thải phát sinh. Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép và thoát ra ngoài môi trường.

Hàng ngày nhân viên vệ sinh trong nhà máy sau làm việc sẽ thu gom lượng bụi này và hàng tuần đơn vị vệ sinh đến thu gom với khối lượng trung bình khoảng 800 kg/tháng.

Danh mục thiết bị xử lý:

Bảng 9. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi số 1 tại cơ sở

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Chụp hút thu khí (phễu hút)	Kích thước BxH = 500x500mm (tại khu vực cán đồng)	2
		Kích thước BxH=2mx1m (tại khu vực nung đồng)	2
		Kích thước 6000x4000x3500mm	
2	Hệ thống đường ống thu dẫn khí	Kích thước D1000, dài 8m; D800, dài 2m	1
		Kích thước BxH=600x600mm, dài 2m	1
3	Quạt hút	VNS-C3-12G, chịu được nhiệt độ <250°C, lưu lượng 80.000 m ³ /h, cột áp 2500Pa, công suất: 75kW-4p-3fa/50Hz Động cơ hãng ATT (Singapor) Vật liệu thép SS400 (Nhật)	1
4	Cyclon lọc bụi	Kích thước D1400, cao H5500mm Chịu được nhiệt độ <450°C Kèm van hòa khí làm mát C1 Van lật xả bụi xuống thùng chứa Vật liệu thép SS400 (Nhật)	01
5	Hệ thống lọc bụi túi vải	- Kích thước bao: LxBxH=6,450x2,843x7,917m; vật liệu thép dày sơn chịu nhiệt thiết kế cửa thăm, cửa chống nổ, cửa chế hòa khí giảm nhiệt - Bộ lọc bụi tinh – Finter lọc: lọc bụi finter, khử mùi LBTH 50x8x140.000-Thvinasun Túi lọc đặc biệt chịu nhiệt, chống ăn mòn, nhiệt độ làm việc 260°C, nhiệt độ sôi 360°C; Cường độ lọc: 1,4m ³ /m ² /ph; tổn thất áp suất: 1.500-1700Pa Nồng độ bụi ra: <50mg/m ³ ; Tiêu thụ khí nén: 1m ³ /ph; Rọ túi lọc bụi D135-8-3000 – Mạ kẽm – Vinasun – Van rũ bụi ACCO Mỹ - nhập từ Singapo, điện áp 220V, bình phân phối khí D219x8200 – Vinasun – Vít tải xả bụi công suất 2,2kW trục xoắn 350mm, vạy quay D250 (1ps) động cơ liên giảm tốc	01

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		N=1,5kW, i=30; U = 380 VAC – Lan can, cầu thang, sàn thao tác	
6	Bộ chân giá đỡ làm bộ hệ thống ở độ cao 3m bằng thép, I; H, UV, sàn thao tác		1
7	Tủ điều khiển – điều khiển trên bên PLC	Kích thước 1200x500x1600mm; biến tần điều khiển quạt 75kW cảm biến áp suất, cảm biến nhiệt độ Bảo vệ an toàn nổ, van xả, van đóng mở làm mát, hoạt động 2 chế độ tự động và điều khiển bằng tay.	1

Bảng 10. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi số 2 tại cơ sở

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Chụp hút thu khí (phễu hút)	Kích thước BxH = 2x2m	1
		Kích thước BxH = 2mx0,8m	1
2	Hệ thống đường ống thu dẫn khí	Kích thước D700, dài 4m; D500, dài 3m	1
3	Quạt hút	VNS-C3-12G, chịu được nhiệt độ <250°C, lưu lượng 60.000 m ³ /h, cột áp 2500Pa, công suất: 55kW-4p-3fa/50Hz Động cơ hãng ATT (Singapor) Vật liệu thép SS400 (Nhật)	1
4	Cyclon lọc bụi	Kích thước D1400, cao H5500mm Chịu được nhiệt độ <450°C Kèm van hòa khí làm mát C1 Van lật xả bụi xuống thùng chứa Vật liệu thép SS400 (Nhật)	01
5	Hệ thống lọc bụi túi vải	- Kích thước bao: LxBxH=5x3,5x8,6m; vật liệu thép dày sơn chịu nhiệt thiết kế cửa thăm, cửa chống nổ, cửa chế hòa khí giảm nhiệt - Bộ lọc bụi tinh – Finter lọc: lọc bụi finter, khử mùi LBTH 50x8x140.000-Thvinasun	01

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		Túi lọc đặc biệt chịu nhiệt, chống ăn mòn, nhiệt độ làm việc 260°C, nhiệt độ sôi 360°C; Cường độ lọc: 1,4m ³ /m ² /ph; tổn thất áp suất: 1.500-1700Pa Nồng độ bụi ra: < 50mg/m ³ ; Tiêu thụ khí nén: 1m ³ /ph; Rọ túi lọc bụi D135-8-3000 – Mạ kẽm – Vinasun – Van rũ bụi ACCO Mỹ - nhập từ Singapo, điện áp 220V, bình phân phối khí D219x8200 – Vinasun – Vít tải xả bụi công suất 2,2kW trục xoắn 350mm, vay quay D250 (1ps) động cơ liên giảm tốc N=1,5kW, i=30; U = 380 VAC – Lan can, cầu thang, sàn thao tác	
6	Bộ chân giá để làm bộ hệ thống ở độ cao 3m bằng thép, I; H, UV, sàn thao tác		1
7	Tủ điều khiển – điều khiển trên bên PLC	Kích thước 1200x500x1600mm; biến tần điều khiển quạt 55kW cảm biến áp suất, cảm biến nhiệt độ Bảo vệ an toàn nổ, van xả, van đóng mở làm mát, hoạt động 2 chế độ tự động và điều khiển bằng tay.	1

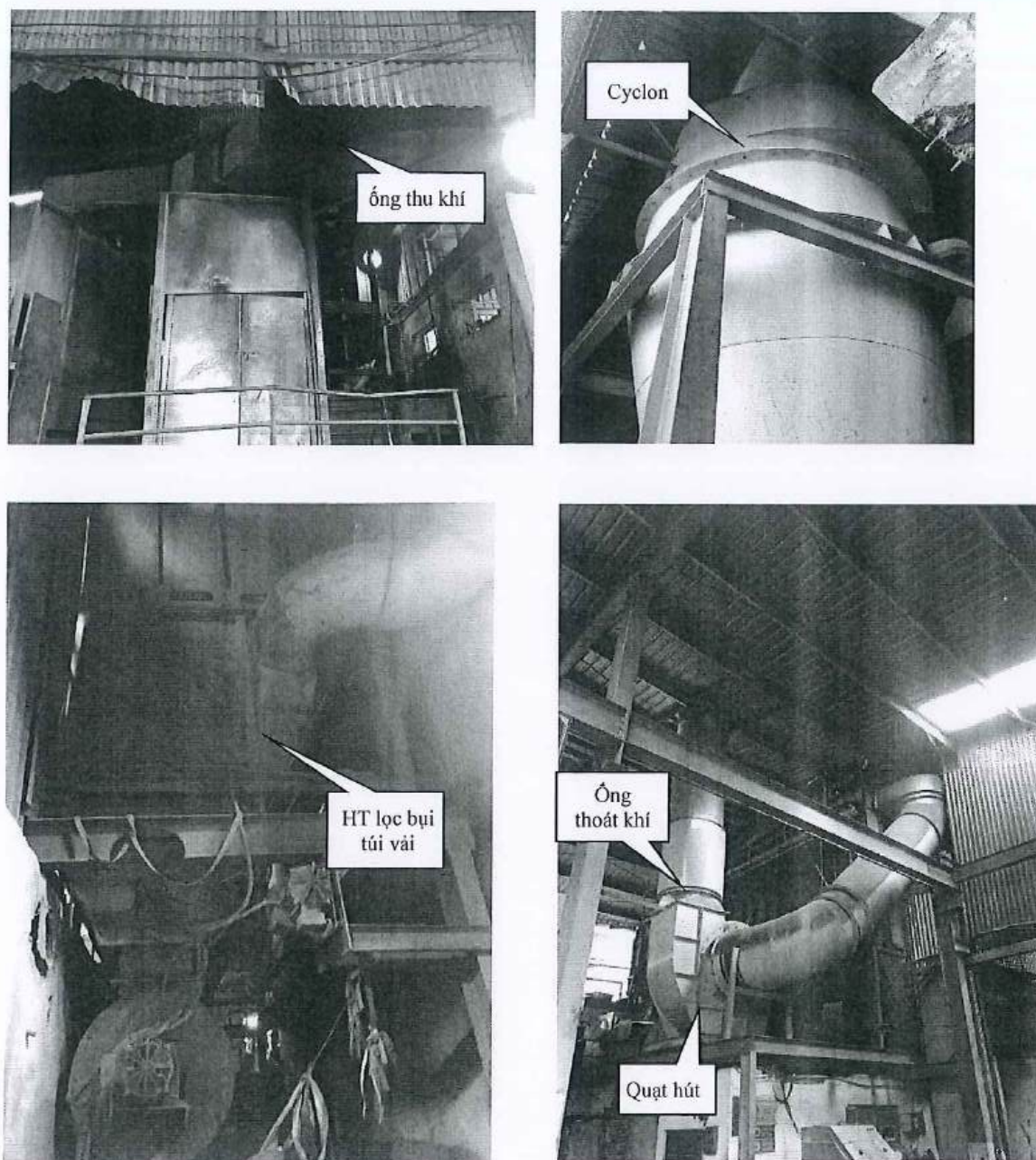
Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành

- Hệ thống xử lý bụi số 1: Để vận hành hệ thống xử lý bụi thải số 1, cơ sở sử dụng 01 quạt hút có công suất 75 kW và tủ điều khiển 75kW. Định mức tiêu hao điện năng trung bình 1 giờ cho quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải được tính toán dựa trên công suất tiêu thụ điện của quạt hút là: $75 \times 1 + 75 \times 1 = 150 \text{ kWh}$.

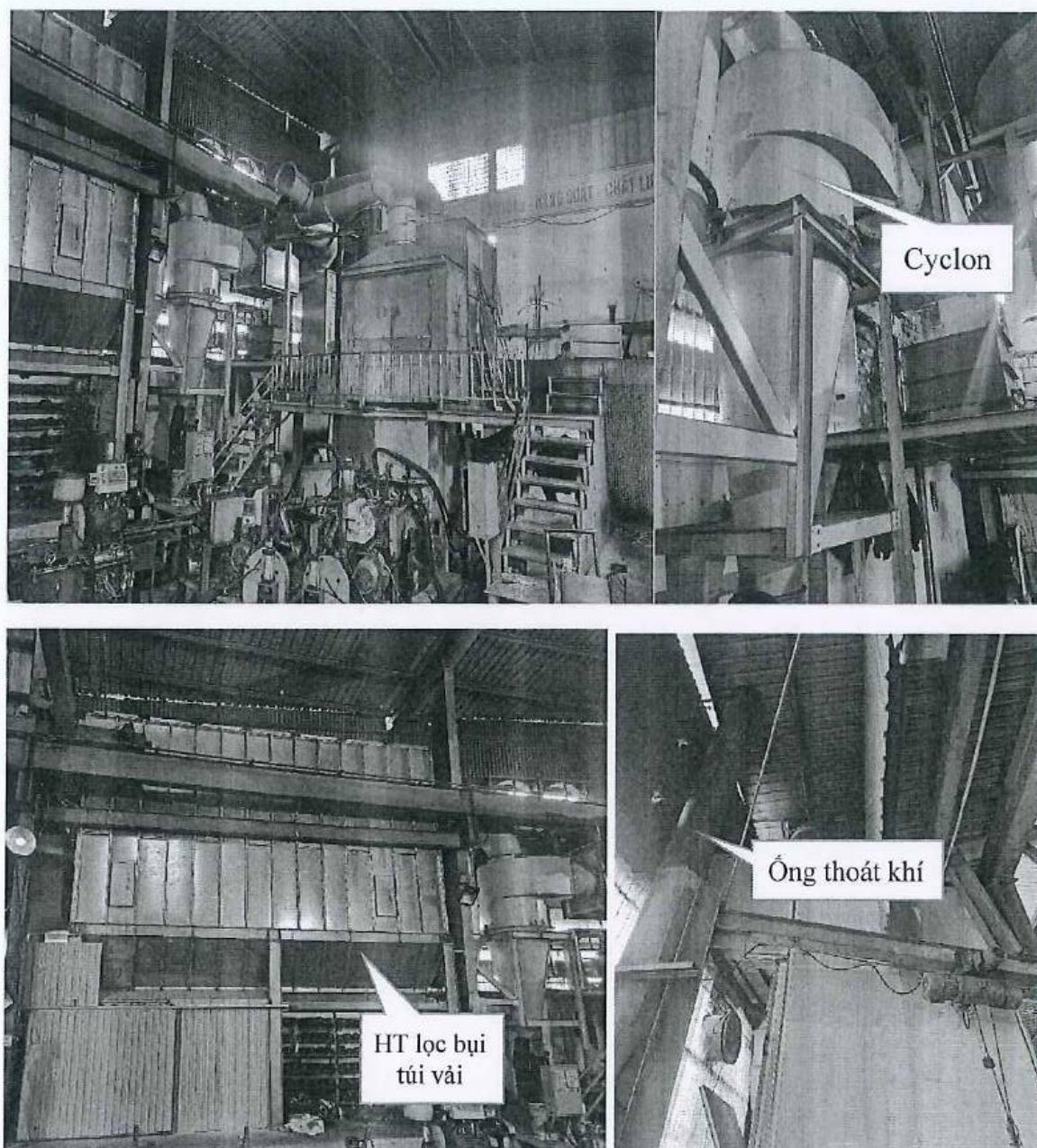
- Hệ thống xử lý bụi số 2: Để vận hành hệ thống xử lý bụi thải số 2, cơ sở sử dụng 01 quạt hút có công suất 55 kW và tủ điều khiển 55kW. Định mức tiêu hao điện năng trung bình 1 giờ cho quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải được tính toán dựa trên công suất tiêu thụ điện của quạt hút là: $55 \times 1 + 55 \times 1 = 110 \text{ kWh}$.

Quy chuẩn áp dụng đối với bụi sau xử lý:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($C_{\max}$, $K_p = 1$, $K_v = 0,5$);



Hình 15. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nung và cán đồng số 1 của cơ sở



Hình 16. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nung và cán đồng số 2 của cơ sở
2.6. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

* Các biện pháp chung để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất trong nhà máy và từ quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm như sau:

- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp: thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước tại khu vực sân bãi để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải ra vào Nhà máy;
- Trồng cây xanh đảm bảo theo quy hoạch để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra xung quanh và tạo cảnh quan môi trường.

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng: sử dụng phương pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức.

- Trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang) cho công nhân lao động.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại công ty.

- Thành phần, khối lượng CTR sinh hoạt: chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy bao gồm: vỏ hoa quả, thức ăn thừa,...

- Khối lượng phát sinh khoảng 34,5 m³/tháng (theo hóa đơn tiền rác thải sinh hoạt) tương đương 0,44 m³/ngày $\approx$ 88 kg/ngày.

- Phương pháp thu gom, lưu giữ: Phân loại chất thải vô cơ (có thể tái sử dụng và không thể tái sử dụng), hữu cơ tại nguồn. Bố trí 45 thùng rác dung tích các loại 30 lít, 60 lít, 90 lít, 120 lít thùng chứa (trong đó 05 thùng đặt tại khu nhà văn phòng, 20 thùng đặt tại nhà vệ sinh, 06 thùng đặt tại nhà ăn và 14 thùng đặt tại nhà xưởng). Sau đó, hằng ngày được công nhân thu gom, tập kết tại 2 xe chở rác dung tích 240l đặt tại cổng nhà máy.

- Rác thải sinh hoạt của nhà máy được đơn vị có chức năng (Công ty CP Phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội) đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định, tần suất 1 ngày/lần.

*** Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom rác thải sinh hoạt:**

Đã thu gom, lưu chứa được toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định. Tại nhà máy không xảy ra tình trạng ứ đọng, quá tải.



Hình 17. Thùng chứa CTR sinh hoạt

b. Đối với chất thải công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động sản xuất.
- Thành phần, khối lượng CTR công nghiệp: dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì hỏng thải, xỉ bụi đồng từ hệ thống xử lý bụi thải, van, vòi đồng hỏng, bùn đất nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa; bùn bể tự hoại...

Bảng 11. Bảng khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy

STT	Chất thải	Khối lượng
1	Xỉ bụi đồng từ hệ thống XL bụi thải	9,6 tấn/năm
2	Dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì hỏng thải	240 kg/năm
3	Bùn đất nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa; bùn bể tự hoại...	210 m ³ /năm
4	Van, vòi đồng hỏng, mặt đồng, mặt kềm	24 tấn/năm

- Chủ cơ sở đã bố trí kho lưu chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 11,2 m² (kích thước 2,8mx4m) cạnh HTXL bụi số 1.
- Van, vòi đồng hỏng, mặt đồng, mặt kềm phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được tuần hoàn tái sử dụng trong công đoạn nung.
- Xi, bụi đồng phát sinh từ HTXL bụi thải được thu gom 2 lần/tuần và bán cho Công ty TNHH SX và TM Phúc Thắng.
- Dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì hỏng thải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tần suất 2-3 ngày/lần.
- Bùn đất nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa; bùn bể tự hoại...; định kỳ 3 tháng/lần chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định.



Hình 18. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, các loại dầu động cơ bôi trơn thải, đầu mẫu que hàn, vỏ thùng đựng dầu,....

- Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng CTNH năm 2022, 2023 và 2024 thì khối lượng phát sinh lớn nhất khoảng 750 kg/năm.

- Thành phần:

Bảng 12. Thành phần, khối lượng CTNH phát sinh

TT	Loại CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Phân loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn neon thải	Rắn	16 01 06	NH	15
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm TPNH	Rắn	18 01 02	KS	650
3	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	NH	65
4	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	KS	20
Tổng					750

- Nhà máy đã bố trí 1 nhà kho chứa CTNH, diện tích 11,5m², kích thước (3,1mx3,7m) đặt tại gần cổng của Nhà máy. Kho chứa CTNH có cửa, mái che kín, ngoài cửa kho có biển cảnh báo CTNH.

- Kết cấu kho: tường bao quanh xây bằng gạch, có mái tôn che kín, gắn biển tên và biển cảnh báo; Sàn nhà kho đổ bê tông chống thấm. Trong kho xây gờ chống chèn cao 20cm.

- Tại nhà kho bố trí biển cảnh báo kho chứa CTNH, 3 bình chữa cháy, 1 xô cát, 1 xẻng xúc cát, có gờ chống tràn và 4 thùng chứa CTNH dung tích 200l. Các thùng chứa có nắp đậy kín.

- Các CTNH được xếp vào các thùng riêng biệt. Trên các thùng đều được dán nhãn mã CTNH theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Công ty đã được cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 1.000092.T năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ 1 năm/lần chuyển giao CTNH cho đơn vị có đủ chức năng. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn để thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở theo Hợp đồng số 000468/2024/HĐCNK ngày 24/10/2024 (Hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo).

- *Đánh giá khả năng đáp ứng của kho chứa chất thải nguy hại:* Kho chứa có diện tích 11,5 m², chiều cao kho chứa là 2,8 m. Trong kho chất thải nguy hại bố trí 4 thùng chứa CTNH dung tích 200 l. Tổng dung tích các thùng chứa là 800l. Tổng khối lượng

chất thải nguy hại phát sinh lớn nhất là 652 kg/năm. Tần suất thu gom khoảng 1 năm /lần (tần suất thay đổi phụ thuộc vào số lượng CTNH phát sinh). Do vậy, kho chất thải nguy hại hiện có của nhà máy hoàn toàn có thể đáp cho hoạt động của cơ sở.



Hình 19. Kho chứa CTNH của nhà máy

**** Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom chất thải nguy hại:***

Đã thu gom, lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định. Tại kho chứa không xảy ra tình trạng ứ đọng, quá tải.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

**** Nguồn phát sinh***

- + Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của xe vận chuyển;
- + Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn cắt, quạt hút của KTXL bụi thải,..

**** Biện pháp giảm thiểu***

- Hoạt động vận tải:
 - + Sử dụng phương tiện vận chuyển đã được kiểm định về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ.
 - + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ các động cơ của phương tiện vận tải để phát hiện hỏng hóc và có phương án sửa chữa kịp thời. Tần suất 3 tháng/lần
 - + Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy, tốc độ từ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ.
 - + Trồng cây xanh đảm bảo theo quy hoạch để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra xung quanh và tạo cảnh quan môi trường.
- Hoạt động sản xuất của nhà máy, quạt hút của HTXL bụi:
 - + Nhà xưởng được xây dựng cao ráo, thông thoáng.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong xưởng sản xuất như nút bịt tai nhằm giảm tiếng ồn vào tai ảnh hưởng đến thính giác của công nhân làm việc.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

+ Tắt một số máy móc, thiết bị hoạt động kém hiệu quả hoặc trực trực để tránh tình trạng cộng hưởng tiếng ồn gây ồn cục bộ.

+ Lắp đặt nút cao su, đệm chống rung.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng động cơ thiết bị định kỳ. Tần suất 3 tháng/lần

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán bụi từ các hệ thống xử lý;

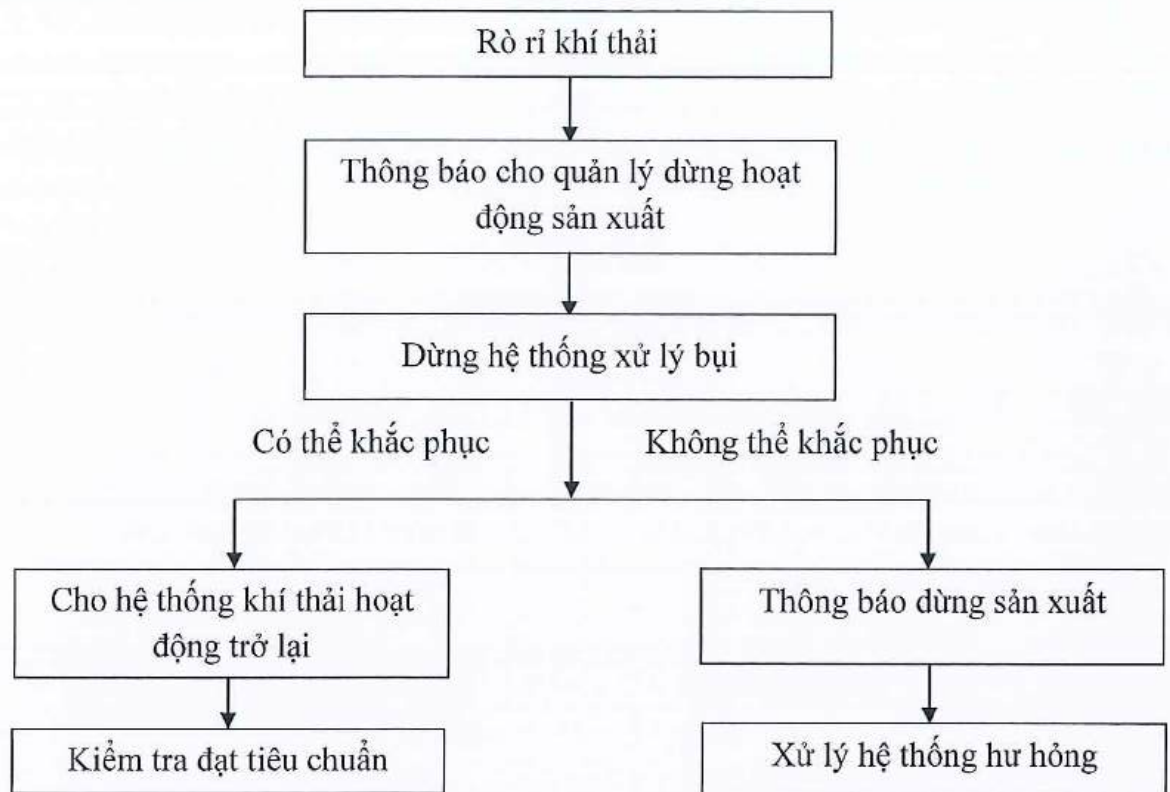
- Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút... Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

- Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm dự phòng, hệ thống van, đường ống và các phụ tùng khác;

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống tại khu vực đặt hệ thống xử lý

- Khi có sự cố, dừng hoạt động công đoạn phát sinh khí thải tương ứng với hệ thống gặp sự cố để kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, dừng hoạt động sản xuất công đoạn phát sinh khí thải tương ứng với hệ thống gặp sự cố để sửa chữa, khắc phục sự cố. Hoạt động sản xuất sẽ được vận hành tiếp khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.



Hình 20. Quy trình ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

3.6.2. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Hiện tại hệ thống PCCC của nhà máy hiện tại đã được xây dựng hoàn thiện. Hệ thống PCCC của nhà máy như sau:

*** Nguồn nước phục vụ chữa cháy:**

- Nguồn nước tại nhà máy: có bể nước dung tích 85 m³ dùng để cấp nước cho hệ thống chữa cháy.

- Trụ nước chữa cháy trên đường nội bộ khu công nghiệp nam thẳng long

*** Hệ thống điện, chống sét:**

- Hệ thống điện: dây dẫn điện được đi trong ống ghen bảo vệ; nối đất an toàn cho máy móc, thiết bị sử dụng điện trong các nhà máy, xưởng sản xuất.

- Hệ thống chống sét: có hệ thống chống sét đánh thẳng và chống cảm ứng tĩnh điện (theo quy định tại Mục 28-TCVN 9385-2012).

- Định kỳ đo kiểm tra điện trở hệ thống chống sét theo quy định.

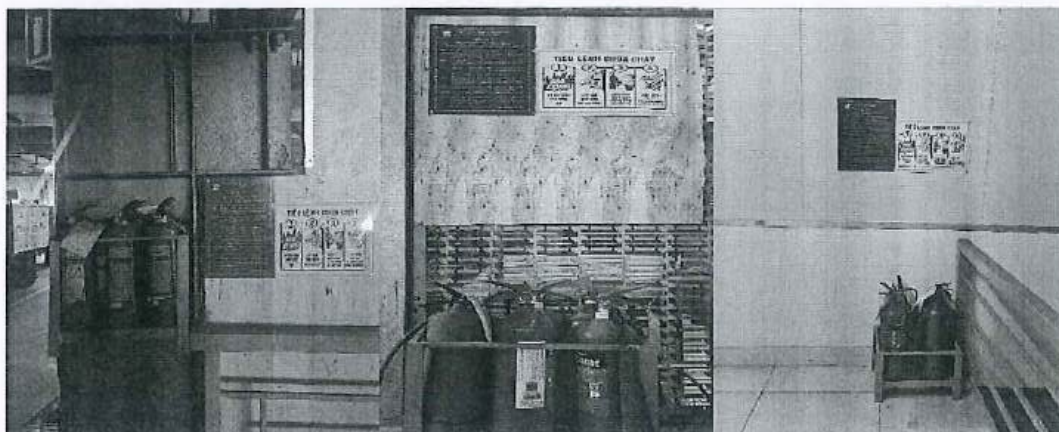
*** Trang bị phương tiện, trang phục cho lực lượng PCCC cơ sở:**

- Hệ thống nội quy, biển báo đã được bố trí ở các khu vực trong Công ty.

- Trang bị hệ thống bình chữa cháy: 230 bình bột chữa cháy loại MFZ4, 50 bình khí chữa cháy MT3.

- Trang bị đồ bảo hộ (quần áo chữa cháy, mũ chữa cháy, găng tay, giày, ủng, mặt nạ lọc độc, đèn pin chịu nước, bộ đàm cầm tay): 5 bộ.

- Trang bị các phương tiện cứu nạn, cứu hộ: rìu cứu thương, xà beng, búa tạ, kìm cộng lực, túi sơ cứu loại B,C, cang cứu thương.



Hình 21. Thiết bị PCCC của cơ sở

** Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ khác*

- Thường xuyên giáo dục, nâng cao ý thức người lao động, luyện tập các phương án khắc phục sự cố, tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy thường xuyên.

- Mua bảo hiểm cháy nổ theo quy định

- Bảo dưỡng toàn bộ hệ thống, phương tiện PCCC đã trang bị tại cơ sở, đảm bảo khả năng hoạt động.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt,... đảm bảo duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy.

3.6.3. Biện pháp ứng phó giảm thiểu sự cố rò rỉ hóa chất

- Khu nhà kho được thiết kế đảm bảo thông thoáng, nền được đổ bê tông, vách ngăn kín, gờ chống tràn,... nhằm thu gom hóa chất kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Hóa chất được lưu giữ tại khu vực riêng biệt, có biển cảnh báo, chỉ dẫn.

- Trang bị đầy đủ tủ thuốc y tế, túi cứu thương với các dụng cụ như bông băng, thuốc men cần thiết cho việc sơ cấp cứu.

- Tổ chức phổ biến Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đến toàn thể người lao động của cơ sở để biết và thực hiện.

- Thường xuyên tổ chức giáo dục, tuyên truyền, nâng cao ý thức về an ninh, an toàn và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đến người lao động trong cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng các trang thiết bị, vật tư phục vụ ứng phó sự cố hóa chất.

3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tổ chức tập huấn nhằm nâng cao cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trong công ty về

quy trình và kỹ thuật ứng phó sự cố, các biện pháp sơ cấp cứu, đặc biệt là tập huấn cho nhân viên trực tiếp tham gia sản xuất.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp toàn cơ sở;
- Định kỳ khám kiểm tra sức khỏe cho người lao động;
- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền, thiết bị sản xuất sau mỗi mùa vụ...

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 13. Các nội dung xin thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt của cơ sở

STT	Tên công trình	ĐTM đã được duyệt/ Giấy xác nhận 50/GXN-STNMT	Hiện trạng	Lý do thay đổi	Thời gian thay đổi
I	Hệ thống xử lý bụi, khí thải				
1	Hệ thống xử lý hơi axit, kim loại	Hấp thụ bằng NaOH hoặc Ca(OH)_2	Không có	Nhà máy không có công đoạn mạ trong quá trình sản xuất	2015
2	Hệ thống xử lý bụi	01 HTXL sử dụng Cyclon lọc bụi tại khu vực nấu đồng	02 hệ thống sử dụng Cyclon và túi vải để lọc bụi thu gom xử lý bụi từ khu vực nấu đồng và cán đồng.	Tăng hiệu quả xử lý nhằm đảm bảo xử lý triệt để được tất cả lượng bụi phát sinh tại cơ sở	01/08/2020 (HTXL bụi số 1) 25/12/2024 (HTXL bụi số 2)
II	Hệ thống xử lý nước thải				
1	Hệ thống xử lý nước thải mạ	Dùng axit và bazơ để trung hòa	Không có	Nhà máy không có công đoạn mạ trong quá trình sản xuất	2015

- Đánh giá các tác động từ các thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của cơ sở:

- Hệ thống thu gom, xử lý bụi: đảm bảo thu gom và xử lý triệt để lượng bụi phát sinh tại cơ sở và đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 10 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: nước thải sinh hoạt ra môi trường

Nước thải sau khi xử lý tại được dẫn ra hệ thống thu gom thoát nước chung của KCN Nam Thăng Long.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Cơ sở nằm trong KCN Nam Thăng Long, nước thải phát sinh tại cơ sở phải được xử lý đảm bảo đạt giá trị giới hạn cho phép của KCN Nam Thăng Long.

T T	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5-9
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Màu	Pt/Co	150
7	BOD ₅	mg/l	50
8	Asen	mg/l	0,1
9	Thủy ngân	mg/l	0,01
10	Chì	mg/l	0,5
11	Cadimi	mg/l	0,1
12	Crom (VI)	mg/l	0,1
13	Crom (III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Niken	mg/l	0,5
17	Mangan	mg/l	1
18	Sắt	mg/l	5
19	Tổng xianua	mg/l	0,1
20	Tổng phenol	mg/l	0,5
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
22	Sunfua	mg/l	0,5
23	Florua	mg/l	10

T T	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B)
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
33	Tổng PCB	mg/l	0,01

- Vị trí đầu nổi nước thải: Tại hố ga đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Nam Thăng Long.

Toạ độ vị trí đầu nổi nước thải: X = 2331974.513; Y = 579122.405

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến toạ độ VN2⁰⁰00', múi chi độ ⁰)

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy

- Chế độ xả thải: liên tục.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của KCN Nam Thăng Long.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ HTXL bụi số 1, lưu lượng 80.000 m³/h.

Khí thải phát sinh từ HTXL bụi số 2, lưu lượng 60.000 m³/h.

- Dòng khí thải: 02 dòng khí thải sau xử lý được thải ra môi trường.

+ Dòng khí thải 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi số 1. Toạ độ vị trí xả khí thải:
X = 2331950.459; Y = 579214.773

+ Dòng khí thải 01: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi số 2. Toạ độ vị trí xả khí thải:
X = 2332018.658; Y = 579327.018

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰00', múi chiều 3⁰)

- Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên khu đất thực hiện dự án.

- Phương thức, chế độ xả khí thải: cưỡng bức, gián đoạn theo ca sản xuất.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 14. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng			Không thuộc đối tượng ⁽²⁾	Không thuộc đối tượng ⁽²⁾
1.1	Lưu lượng HTXL bụi số 1	m ³ /h	80.000		
1.2	Lưu lượng HTXL bụi số 2	m ³ /h	60.000		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	80 ⁽¹⁾		

(1): Giá trị giới hạn áp dụng theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số $K_p = 1,0$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$) và $K_v = 0,5$ (áp dụng với thông số: Bụi tổng).

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các Quy chuẩn địa phương (nếu có).

(2): Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy cắt. Tọa độ: X = 2331993.209; Y = 579198.333

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút HTXL bụi. Tọa độ: X = 2331951.235; Y = 579213.889

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

+ Tiếng ồn:

Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến hết ngày 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

+ Độ rung:

Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày cấp phép đến hết ngày 31/12/2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 6 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở

5.1.1. Tình hình thực hiện các quy định pháp luật

Cơ sở đang thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

1. Đối với nước mưa:

Nước mưa được thu gom vào hệ thống ống pVC D90, pVC D110, rãnh B400, rãnh B300, cống D300 thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 2 điểm xả tại phía Nam cơ sở (theo biên bản đấu nối số 14/2011/BBĐN-HIP ngày 10/01/2011 về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp).

2. Đối với nước thải:

Nước thải xí tiểu được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích $25\text{m}^3/\text{bể}$) bố trí ngay phía dưới 03 nhà vệ sinh. Sau đó nước thải này cùng với nước thoát sàn, lavabo và nước thải từ khu vực rửa tay của công nhân (khu vực sản xuất) được dẫn về cụm bể xử lý thông qua đường ống pVC D90 dài 176,8m, D160 dài 47m.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại cụm bể xử lý được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN tại 1 điểm xả (theo biên bản đấu nối số 14/2011/BBĐN-HIP ngày 10/01/2011 về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp).

Cụm bể xử lý: dung tích 39 m^3 (kích thước $6 \times 2,5 \times 2,6\text{m}$) gồm các bể: nước thải đầu vào $\rightarrow$ bể tách mỡ $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể hiếu khí 1 $\rightarrow$ bể hiếu khí 2 $\rightarrow$ bể khử trùng.

3. Đối với khí thải:

Chủ cơ sở đã xây dựng 02 HTXL bụi phát sinh từ khu vực nung, cán đồng cụ thể như sau:

- Công suất hệ thống

+ Hệ thống xử lý bụi số 1: $80.000\text{ m}^3/\text{h}$.

+ Hệ thống xử lý bụi số 2: $60.000\text{ m}^3/\text{h}$.

- Quy trình công nghệ xử lý của 02 hệ thống xử lý như sau: bụi thải $\rightarrow$ chụp hút + hệ thống ống thu khí $\rightarrow$ Cyclon lọc bụi $\rightarrow$ Hệ thống lọc bụi túi vải $\rightarrow$ quạt hút $\rightarrow$ ống thoát khí.

Khí thải đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; $C_{\text{max}} (K_p=1; K_v=0,5 \text{ đối với bụi tổng})$.

4. Đối với chất thải rắn thông thường

- CTR sinh hoạt: Phân loại chất thải vô cơ, hữu cơ tại nguồn, hằng ngày được công nhân thu gom, tập kết tại 2 xe chở rác dung tích 240l đặt tại cổng nhà máy. Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty CP phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội (*Chủ đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Nam Thăng Long*) đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- CTR công nghiệp thông thường:

Chủ cơ sở đã bố trí 01 khu lưu chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 11,2 m² đặt cạnh HTXL bụi số 1.

+ Mặt đồng, mặt kẽm phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được tuần hoàn tái sử dụng trong công đoạn nung cán kéo.

+ Xi, bụi đồng phát sinh từ HTXL bụi thải được thu gom 2 lần/tuần và bán cho Công ty TNHH SX và TM Phúc Thắng.

+ Dây buộc, túi nilon, vỏ bao bì hỏng thải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn đất nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa; bùn bể tự hoại...; định kỳ 3 tháng/lần chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại: cơ sở đã bố trí 1 nhà kho chứa CTNH, diện tích 11,5m², kích thước (3,1x3,7) m đặt tại cổng của Nhà máy. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 000468/2024/HĐCNK ngày 24/10/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn để thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Công ty đã hoàn thiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan chức năng định kỳ hàng năm. Các kết quả quan trắc nước thải định kỳ đối với nước thải tại công ty luôn đạt giá trị giới hạn cho phép của KCN Nam Thăng Long.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường hoặc đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp) hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý:

Bảng 15. Tổng hợp tổng lưu lượng nước thải phát sinh của cơ sở

ST T	Tháng	Lưu lượng xả nước thải trung bình m ³ /ngày	Tổng lưu lượng xả thải m ³ /tháng
1	Tháng 1/2023	3,7	96
2	Tháng 2/2023	6,1	158,4
3	Tháng 3/2023	6,8	177,6

ST T	Tháng	Lưu lượng xả nước thải trung bình m ³ /ngày	Tổng lưu lượng xả thải m ³ /tháng
4	Tháng 4/2023	5,8	152
5	Tháng 5/2023	5,6	145,6
6	Tháng 6/2023	6,7	175,2
7	Tháng 7/2023	6,5	168
8	Tháng 8/2023	5,7	148
9	Tháng 9/2023	5,0	131,2
10	Tháng 10/2023	5,3	138,4
11	Tháng 11/2023	5,4	141,6
12	Tháng 12/2023	4,7	121,6
13	Tháng 1/2024	4,8	124,8
14	Tháng 2/2024	4,1	107,2
15	Tháng 3/2024	6,1	159,2
16	Tháng 4/2024	4,8	124,8
17	Tháng 5/2024	4,8	124,8
18	Tháng 6/2024	8,5	220,8
19	Tháng 7/2024	7,4	192,8
20	Tháng 8/2024	7,2	186,4
21	Tháng 9/2024	9,7	252,8
22	Tháng 10/2024	6,8	177,6
23	Tháng 11/2024	5,4	140
24	Tháng 12/2024	5,6	145,6
25	Tháng 1/2025	8,3	216,8
26	Tháng 2/2025	6,5	168
27	Tháng 3/2025	5,2	135,2
28	Tháng 4/2025	6,5	169,6
29	Tháng 5/2025	6,1	157,8
30	Tháng 6/2025	8,3	216,8
Tổng lưu lượng xả thải trung bình m³/tháng			159,2
Tổng lưu lượng xả thải nhỏ nhất m³/tháng			96
Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất m³/tháng			252,8

- Tổng hợp thông tin của từng năm về lưu lượng nước trao đổi nhiệt xả ra ngoài môi trường:

- Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ:

Bảng 16. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

STT	Thông số	Kết quả NT										QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B)	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (cột B)
		2/2023	5/2023	8/2023	12/2023	3/2024	5/2024	9/2024	11/ 2024	3/2025	6/2025		
1	pH	7,1	6,9	7,2	6,53	6,9	7,2	7,8	7,6	7,1	7,2	5-9	5,5-9
2	BOD ₅	15,2	48,41	44,8	42,4	49,3	46,3	47,5	47,2	10	46	50	50
3	COD	41,6	137,6	128	70,4	140,8	115,8	118,4	124,2	26	95	-	150
4	TSS	68	87	79	56	72	57	49	57	28	39	100	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	0,8	0,8	1,2	0,4	1,6	KPH (MDL =1,4)	KPH (MDL =1,4)	1,6	KPH (MDL =1,4)	<LOQ (LOQ =4,1)	-	10
6	H ₂ S	0,3	3,56	3,18	0,28	0,086	0,35	0,45	KPH (MDH =0,02)	KPH (MDH =0,02)	KPH (MDH =0,02)	4	0,5
7	NH ₄ ⁺ _N	7,78	5,36	5,64	7,24	9,5	9,15	6,35	8,18	0,35	5,09	10	10
8	NO ₃ ⁻ _N	1,4	<0,03	<0,03	2,05	KPH (MDL =0,02)	3,57	5,8	0,21	9,08	14	50	-
9	Tổng Nito	9,13	11,54	10,85	15,2	10,8	16,2	14,5	11,6	10,2	21,3	-	40
10	Tổng Photpho	6,38	2,91	3,09	2,8	2,45	5,8	2,41	1,04	1,74	2,58	-	6
11	Coliform	3.800	3.900	1.700	1.700	4.800	4.700	3.900	4.100	1.400	3.800	5.000	5.000

Ghi chú:

- Thời gian quan trắc:

+ Ngày 14/02/2023

+ Ngày 27/05/2024

+ Ngày 30/05/2023

+ Ngày 20/09/2024

+ Ngày 25/08/2023

+ Ngày 26/11/2024

+ Ngày 07/12/2023

+ Ngày 03/03/2025

+ Ngày 12/03/2024

+ Ngày 26/06/2025

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sinh hoạt tại điểm xả ra hệ thống thoát nước chung.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B, bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép nước thải sinh hoạt khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- Nhận xét: Quan kết quả quan trắc nhận thấy các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) và QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B).

- Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động) của từng năm: Công ty không thuộc trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định.

- Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (nếu có), các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giới hạn cho phép (nếu có) trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục: Bảng tổng hợp kết quả 02 năm gần nhất, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải: cơ sở không có hệ thống xử lý nước thải.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải: nước thải phát sinh tại cơ sở được xử lý tại cụm bể xử lý, hiện tại

dựa vào đặc trưng nguồn nước thải của cơ sở, kết quả phân tích nước thải trước khi đầu nối vào KCN định kỳ cho thấy tất cả chỉ tiêu đạt quy chuẩn cho phép của KCN, điều đó cho thấy công trình xử lý nước thải (cụm bể xử lý) hoạt động đảm bảo chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào KCN.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi

Cơ sở đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/5/2007. Tại nội dung trong ĐTM thì cơ sở không phải quan trắc định kỳ đối với hệ thống xử lý bụi từ hoạt động nung, cán đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện báo cáo đề xuất cấp GPMT chủ cơ sở kết hợp với Công ty CP tư vấn môi trường xây dựng và thương mại Green tiến hành lấy mẫu khí thải sau xử lý của HTXL bụi cụ thể như sau:

Bảng 17. Kết quả quan trắc môi trường khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	63	100 ⁽¹⁾
2	CO	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	KPH (LRL=0)	600 ⁽²⁾
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	KPH (LRL=0)	510 ⁽²⁾
4	SO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	KPH (LRL=0)	250 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí bụi của công ty. Toạ độ: X= 2331950, Y= 579199

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

⁽¹⁾K_p=1: Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$; K_v=0,5: Hệ số vùng, khu vực loại 1 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số Bụi tổng; lưu huỳnh đioxit, SO₂

⁽²⁾K_p=1: Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$; K_v=0,6: Hệ số vùng, khu vực loại 1 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số Cacbon oxit, CO Nitơ oxit; NO_x(tính theo NO₂)

- Nhận xét: Quan kết quả quan trắc nhận thấy các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCTĐHN 01:2014/BTNMT.

5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

- Công ty không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải.

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

Công ty không thuộc đối tượng nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Công ty đã ký kết hợp đồng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty CP phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội, có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom rác: 01 lần/ngày.

Khối lượng: theo hợp đồng khoán gọn

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong quá trình hoạt động và vận hành xử lý nước thải khoảng 2 năm trở lại đây, hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải và các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý CTR, CTNH được công ty hết sức quan tâm và là ưu tiên hàng đầu trong công tác bảo vệ môi trường, ngoài ra công ty luôn thực hiện quan trắc chất lượng nước thải theo định kỳ được đơn vị có chức năng đến lấy mẫu nước thải trước khi đầu nối vào KCN cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của KCN.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các thủ tục liên quan đến hoạt động quan trắc theo đúng quy định, công ty luôn thực hiện việc quan trắc chất lượng nước thải định kỳ, luôn kiểm tra tình hình hoạt động và công tác đảm bảo vấn đề môi trường nên chưa bị xử phạt về môi trường cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động xả thải của công ty.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: trong 3 tháng sau khi được cấp GPMT
- Công suất dự kiến đạt được: 100%.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 18. Kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Giám sát khí thải			
1	Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi số 1	Lưu lượng, bụi tổng	- Lấy mẫu đơn 3 ngày liên tiếp, sau khi được cấp giấy phép môi trường và đủ điều kiện vận hành thử nghiệm	QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($C_{\max}$, $K_p = 1$, $K_v = 0,5$ đối với thông số Bụi tổng);
2	Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi số 2			

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến để phối hợp thực hiện

Công ty Cổ phần Nextech Ecolife được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 301 tại Giấy chứng nhận số 21/GCN-BTNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại điều 97 và 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ chất thải.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo quy định tại điều 97 và 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

- Không có

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết các số liệu sử dụng trong báo cáo hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa cam kết:

- Xử lý bụi thải đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (C_{max} , $K_p = 1$, $K_v = 0,5$ đối với thông số Bụi tổng);.

- Chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường được thu gom, phân loại về khu vực lưu chứa tạm để xử lý và thuê đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Thực hiện vận hành thử nghiệm để đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đúng nội dung đề xuất trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm các nội dung của báo cáo đề xuất; chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố.

Kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cùng các cơ quan chức năng thẩm định, xem xét, cấp Giấy phép môi trường để Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa sớm đi vào vận hành, ổn định sản xuất.

Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- Hợp đồng thuê đất;
- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM;
- Phương án PCCC của Cảnh sát PCCC
- Hóa đơn tiền điện
- Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải;
- Chứng từ thu gom chất thải;
- Phiếu quan trắc định kỳ.

2. Bản vẽ

- Bản vẽ tổng mặt bằng;
- Bản vẽ thoát nước mưa, nước thải;
- Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải;

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100372266

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 10 năm 1993

Đăng ký thay đổi lần thứ: 20, ngày 19 tháng 04 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HOA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: .

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.35370282

Fax: 024.35370283

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 40.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG QUỐC CƯ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1950

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030050002355

Ngày cấp: 17/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 204 - B21, khu tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 03K6 – Khu đô thị CIPUTRA,, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
ĐỒ THANH HUYỀN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ01.22.1.000.15.3.....

NGÀY CẤP21.9.2008.....

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2008

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01221000153

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh;
- Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 20/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ công văn số 30/ĐT-BQL ngày 27/01/2006 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội về việc chấp thuận cho Công ty TNHH đầu tư thương mại Minh Hoà hoạt động trong KCN Nam Thăng Long;
- Căn cứ bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Đầu tư thương mại Minh Hoà nộp ngày 03/09/2008.

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận: cho Công ty TNHH Đầu tư thương mại Minh Hoà, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 041507 đăng ký lần đầu ngày 22/10/1993, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 29/02/2008, do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp.

Đại diện bởi:

Ông: Trương Quốc Cư

Chức vụ: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1950

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: 011528824

Ngày cấp: 18/01/2005

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 204-B21, Khu tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 204-B21, Khu tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:



Điều 1:

Tên dự án đầu tư:

- Tên tiếng Việt: NHÀ MÁY CƠ KHÍ PHỤ TÙNG VAN CÔNG NGHIỆP MINH HOÀ.
- Tên tiếng Anh: MINH HOA VALVE FACTORY
- Tên viết tắt: NHÀ MÁY VAN MINH HOÀ

Điều 2:

Mục tiêu, qui mô dự án: "Sản xuất các loại van, vòi, dụng cụ, phụ tùng dùng cho ngành nước, khí, ga với qui mô 5.000.000 sản phẩm/năm"

Điều 3:

Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất B2-4-4, Khu công nghiệp Nam Thăng Long, xã Thụy Phương, Liên Mạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Diện tích đất sử dụng khoảng: 10.430,2 m²

Điều 4:

Tổng vốn đầu tư : 35.000.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

- Vốn góp của chủ đầu tư: 17.000.000,00 VNĐ (Mười bảy tỷ đồng)
- Vốn vay : 18.000.000.000 VNĐ (Mười tám tỷ đồng)

Điều 5:

Thời hạn thực hiện dự án là 43 (hơn mười ba) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6:

Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công: tháng 9/2005;
- Thực hiện đầu tư xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: đến tháng 4/2006;
- Thời gian đưa công trình vào sử dụng và hoạt động sản xuất: tháng 7/2006.

Điều 7:

- Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 8:

Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Đầu tư thương mại Minh Hoà, 01 (một) bản đăng ký tại Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thái Long



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SSAT/MD/2/25H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 041507 do S Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/10/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/02/2008

Địa chỉ trụ sở: Số 9, phố Trung Liệt, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số:

2. Tờ bản đồ số: 00

3. Địa chỉ thửa đất: Lô B2-4-4, Khu công nghiệp Nam Thăng Long, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

4. Diện tích: 10.430,2 m²

Bằng chữ: Mười nghìn bốn trăm ba mươi phẩy hai mét vuông.

5. Hình thức sử dụng: + Sử dụng riêng: 10.430,2 m²
+ Sử dụng chung: Không m²

6. Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phụ tùng cơ khí - van công nghiệp (Đất khu công nghiệp).

7. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 09/02/2051

8. Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



Ngày 30 tháng 7 năm 2008

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



VŨ HỒNG KHANH

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Mã số quản lý: CQ - 981

Kèm theo Quyết định số 5066 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2008

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
11/02/2022	Thay đổi thông tin người sử dụng đất: Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hòa; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100372266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 22/10/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25/4/2019; Địa chỉ trụ sở chính: Lô B2-4-4, Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lê Thanh Nam</i>

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2242/QĐ - UBND

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20....

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất cơ khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hoà” tại khu
công nghiệp tập trung Nam Thăng Long, huyện Từ Liêm Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ biên bản tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá và góp ý của các thành viên Hội đồng
phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất
công nghiệp Minh Hoà” tại ngày 15/5/2007;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất cơ
khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hoà” đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội tại văn bản 862/BS
INMTND - QLMT ngày 24 tháng 05 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư Nhà máy sản
xuat cơ khí phụ tùng van công nghiệp Minh Hoà” tại khu công nghiệp tập trung Nam Thăng Long,
huyện Từ Liêm Thành phố Hà Nội của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Hoà.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo
cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chủ Dự án phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong
suốt quá trình đầu tư xây dựng của Dự án, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- Nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình phải được thu gom, xử lý, đảm
bảo đạt TCVN 5945-2005 (loại B), TCVN 6772-2000, TCVN 6984-2001 trước khi thải ra hệ
thống thoát nước chung trong khu vực.

- Khí thải và bụi phải được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu đảm bảo đạt: TCVN
5937, 5938 - 2005, TCVN 6438 - 2001.

- Tiếng ồn phải được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu đảm bảo đạt: TCVN 5949 -
1998, TCVN 5948 - 1999.

- Rung động và chấn động phải được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu đảm bảo đạt
TCVN 6962-2001.

- Chất thải rắn phải được thu gom được xử lý theo đúng qui định.

- Dầu mỡ thải, chất thải chứa dầu mỡ và các loại chất thải mang tính nguy hại khác phải được
thu gom, xử lý theo đúng qui định về quản lý chất thải công nghiệp chất thải nguy hại.

- Toàn bộ các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Nhà máy phải
được thu gom, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và tuân thủ theo đúng các qui
định hiện hành về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý rác thải của Thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3093/QĐ-UB ngày 21/09/1996 của UBND Thành phố Hà Nội.

2.2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Chủ Dự án phải gửi văn bản báo cáo Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội để tiến hành kiểm tra, giám định các chỉ tiêu về môi trường. Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội chỉ cho phép Nhà máy đi vào hoạt động chính thức khi các chỉ tiêu nêu trên đạt Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành.

2.3. Chủ Dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Nhà máy như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội để theo dõi và tổng hợp.

2.4. Chủ Dự án phải liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà nội để được hướng dẫn và thực hiện việc kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ, đồng thời phải đăng ký để được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo qui định tại Nghị định số 149/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ và Quyết định số 195/2005/QĐ-UB ngày 22/11/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội theo dõi, giám sát việc thực hiện Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Từ Liêm, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Hòa (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH ✍



Lê Quý Đôn

Nơi nhận:

Như Điều 6;

Chủ tịch UBND TP (để b/c);

Sở TN&MT (để b/c);

VP: VS, TH, NN;

VP: VT. ✍

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2345/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng
Địa điểm: Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương,
Liêm Mạc – Từ Liêm - Hà Nội
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư thương mại Minh Hoà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1199/TTr-STNMT-CCMT ngày 16 tháng 5 năm 2012; kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng” đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến nhận xét tại biên bản của Hội đồng thẩm định họp ngày 24/04/2012.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng” được lập bởi Công ty TNHH đầu tư thương mại Minh Hoà (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án thực hiện tại Lô B2-4-4 tại Khu công nghiệp Nam Thăng Long.
- Quy mô công suất: Công suất mạ: 500.000sp/năm; Công suất cán kéo đồng: 450 tấn sp/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: Chủ Dự án và đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của Dự án, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- Quá trình thi công xây dựng và phá dỡ các công trình phải thực hiện đúng Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 và các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 05:2009/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành khai thác Dự án (bao gồm cả bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải) phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của dự án đều phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực

- Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt mức B theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp;

- Phải đăng ký xin cấp xả nước thải vào nguồn nước theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính Phủ và theo Quyết định số 35/2010/QĐUB ngày 16/08/2010 của UBND Thành phố Hà Nội;

2.2. Chủ Dự án và đơn vị tiếp nhận, quản lý vận hành Dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để kiểm tra và giám sát.

2.3. Chủ Dự án và đơn vị tiếp nhận, quản lý vận hành Dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Bảo vệ Môi trường.

ựng
 xây
 số
 tại
 Hà
 án
 uật
 độ
 nh
 uy
 ng
 ng
 ại
 ái
 là
 ia
 0
 ô

án
uật
độ
nh
uy
ng
ng

ại	
ải	
là	
ia	
o	
ô	

h u e v

h u e v

1
i

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thanh Loan

Số: 50 /GXN-STNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN

Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành

Dự án: Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng
Địa điểm: Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, xã Thụy Phương, quận
Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng;

Xét đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 854/TTr-CCMT ngày 01 tháng 10 năm 2015; kèm theo Báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được chỉnh sửa theo ý kiến của các thành viên trong Đoàn kiểm tra.

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty CP đầu tư Minh Hòa, Chủ dự án Chuyển đổi công nghệ mạ và bổ sung công đoạn cán, kéo đồng đã thực hiện đầu tư công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành như sau:

- Về hệ thống xử lý khí thải:

+ Bụi thải từ quá trình nung, cán đồng được xử lý bằng cyclone

+ Khí thải từ công đoạn làm sạch phôi được hút vào tháp và xử lý bằng NaOH, Ca(OH)₂.

- Về kho lưu giữ chất thải nguy hại: có kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định và được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 01.000092.T ngày 07/01/2013

Điều 2. Công ty CP đầu tư Minh Hòa có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo cam kết đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Vận hành thường xuyên và tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đầu tư xây dựng đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn và hỗ trợ.

4. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động phải có các biện pháp giảm thiểu, đạt quy chuẩn QCVN 20/2009/BTNMT B về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 05:2013/BTNMT về không khí xung quanh. Đến 01/01/2017 bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động phải được xử lý đạt QCTĐHN 01/2014/BTNMT cột B về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; chịu sự giám sát, kiểm tra và thanh tra theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT
- UBND Thành phố
- Giám đốc Sở
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- UBND quận Bắc Từ Liêm;
- BQLKCN&CX HN;
- Lưu: VT, CCMT.

(để b/c);

TUQ. UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 427 /CNTD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
 - Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
 - Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an.
 - Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC: ngày 15 / 10 / 2005
- Của : Công ty TNHH đầu tư thương mại Minh Hoà
Người đại diện là Ông : Chương Quốc Tư Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Công trình : Nhà máy cơ khí phụ tùng van công nghiệp
Địa điểm : Khu công nghiệp Nam Thăng Long - Từ Liêm - Hà Nội
Chủ đầu tư : Công ty TNHH đầu tư thương mại Minh Hoà
Đơn vị thiết kế : Công ty cổ phần kiến trúc & xây dựng cuộc sống xanh
Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Vị trí, bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giao thông và khoảng cách PCCC.
 - Hệ thống chữa cháy vách tường và bình chữa cháy xách tay.
- Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

- Máy bơm cấp nước chữa cháy phải bắt chặt xuống nền nhà và phải có chống rung.

Phòng cảnh sát PCCC Công an TP Hà nội sẽ kiểm tra thi công và tổ chức nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2005
T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HÀ NỘI
TRƯỞNG PHÒNG PC23

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư
- Các cơ quan thiết kế
- Lưu PC23 (TM; TL) *nh*



Thượng tá: Nguyễn Tiến Đạt

Số: 4 /2011/BBTT-HIP

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NÓI

“V/v thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp”
(kèm theo Hợp đồng thuê đất số: 29/2004/110 -Hợp đồng ngày 29 tháng 09 năm 2004)

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ vào Điều 44, Chương V Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ nhu cầu thoát nước của Công ty TNHH Đ.T. IM. Minh Hòa...
...Minh Hòa.....

Hôm nay, vào hồi ...10...giờ ...10...phút ngày ...10 tháng ...01...năm 2011.

Tại văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hiệp hội Công thương Hà Nội, chúng tôi gồm có:

Đại diện bên A: Công ty CPPT Hạ tầng Hiệp hội Công thương Hà Nội
KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội

Ông: Vũ Hồng Việt

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Lê Thị Huệ

Chức vụ: Phó BQL KCN

Ông: Nguyễn Quang Sơn

Chức vụ: Phó phòng TKDA

Đại diện bên B: Công ty TNHH Đ.T. IM. Minh Hòa.....

Lô B2-4-4. KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội

Ông/Bà: Trần Văn Quốc..... Chức vụ: Chủ tịch.....

Ông/Bà: Vũ Văn Lạc..... Chức vụ: Phó chủ tịch.....

Ông/Bà: Lương Văn Phòng..... Chức vụ: Phó giám đốc.....

Hai bên cùng nhau xác nhận vào biên bản thỏa thuận đầu nói hệ thống thoát nước mặt, nước thải của Công ty TNHH Đ.T. IM. Minh Hòa.....
.....vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của KCN Nam Thăng Long với các nội dung sau:

1. Vị trí các điểm đầu nói:

a. Vị trí điểm đầu nói thoát nước mặt:

- Điểm 1: G1.....

- Điểm 2: G2.....

- Điểm 3: G3.....

b. Vị trí điểm đầu nói thoát nước thải:

- Điểm 1: G1.....

- Điểm 2: G2.....

2. Các yêu cầu kỹ thuật:

Bên B trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của khu công nghiệp yêu cầu như sau:

a. Thoát nước mặt:

- Phải có hố ga
- Trước điểm thoát nước mặt phải có lưới chắn rác, mắt lưới rộng 5cm
- Không được lẫn nước thải
- Sau khi đấu nối xong bên B phải hoàn trả mặt bằng hiện trạng theo đúng kỹ thuật ban đầu của bên A.

b. Thoát nước thải:

- Phải có hố ga thu gom
- Có hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả vào điểm đấu nối (nước thải của bên B phải được xử lý cục bộ đạt loại B theo QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

- Trước điểm thoát nước thải của bên B với hệ thống thoát nước thải của KCN phải có lưới chắn rác, mắt lưới rộng 3cm.

- Cấp độ thoát nước thải (xả thải) của bên B đăng ký.....m³/ tháng.
- Lưu lượng tại điểm xả thải của bên B tuyệt đối không lẫn với nước mặt.
- Nếu quá trình thi công đấu nối mà có cống đi qua đường yêu cầu bên B phải có cống đáp ứng trọng tải C, khi thi công lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở kỹ thuật hạ tầng khác có trên lề đường.

- Sau khi đấu nối xong bên B phải hoàn trả mặt bằng hiện trạng theo đúng kỹ thuật ban đầu của bên A.

c. Cốt cao độ tại điểm xả:

- Cốt dòng chảy thoát nước mặt

+ Điểm 1: ...t. 5, 220.....

+ Điểm 2: ...t. 5, 180.....

- Cốt dòng chảy thoát nước thải

+ Điểm 1: ...t. 6, 480.....

+ Điểm 2: ...t. 5, 08.....

3. Yêu cầu chung:

- Bắt đầu thi công đấu nối thoát nước bên B có thông báo bằng văn bản cho bên A để bên A cử người giám sát (nếu có phải thi công đấu nối)

- Tại vị trí điểm xả thải của bên B, số lượng điểm xả thải đã được ghi nhận tại biên bản này. Nếu phát hiện có điểm xả hoặc lối thoát nước thải, nước mặt khác trong phạm vi của bên B thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 40 phút cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản được đọc lại cho các bên cùng tham gia nghe, các bên không có gì thêm, bớt và cùng ký vào biên bản. Biên bản có giá trị trước pháp luật, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo cho BQL các KCN và Chế xuất Hà Nội.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2013.

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 01.000092.T
(cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa

Địa chỉ văn phòng: Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04.35370281 Fax: 04.35370283

Tài khoản số: 001.100.0025719 tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0100372266 đăng ký thay đổi lần 13

Ngày cấp: 07/8/2012. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
3. Các trách nhiệm khác:
Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có sự thay đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 01.000092.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 1 năm 2008/.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu CCMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000092.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2 ngày tháng năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa

Địa chỉ: Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04.35370281 Fax: 04.35370283

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Axit tẩy thải	Lỏng	72	07 01 01
2	Bazơ tẩy thải	Lỏng	8	07 01 02
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	200	02 05 01
4	Giẻ lau dính dầu, hóa chất; vật liệu lọc	Rắn	30	18 02 01
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	30	18 01 02
6	Bóng đèn neon thải	Rắn	05	16 01 06
7	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	120	07 01 06
8	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải (Bụi đồng)	Rắn	500	07 02 01
9	Nhũ trong và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	200	07 03 04
	Tổng cộng		1.185	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác sinh hoạt	Rắn	5.000
2	Giấy vụn	Rắn	150
3	Nhựa, nilon	Rắn	20
	Tổng cộng		5.170

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không có**5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

Ký hiệu: IC24TTY

Số: 00000366

Mã CQT: 00273FC281EA334268B80C021A82BE31A2

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T9/2024	M3	316,00	16.000,00	5.056.000	5%	252.800
2	Phi nước thải T9/2024	M3	252,80	19.481,00	4.924.797	8%	393.984
3	Rác Thải T9/2024	M3	13,50	243.636,00	3.289.086	8%	263.127
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT			Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		5.056.000			252.800		5.308.800
Thuế suất 8%:		8.213.883			657.111		8.870.994
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		13.269.883			909.911		14.179.794
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 30/09/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.mcinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: VXCPTXM5RDW6

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 08 năm 2024

Ký hiệu: IC24TTY

Số: 00000324

Mã QGT: 003CDBB6255C7947FDB1E15FBEE28B492E

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T8/2024	M3	233,00	16.000,00	3.728.000	5%	186.400
2	Phi nước thải T8/2024	M3	186,40	19.481,00	3.631.258	8%	290.501
3	Rác Thải T8/2024	M3	14,50	243.636,00	3.532.722	8%	282.618
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		3.728.000		186.400		3.914.400	
Thuế suất 8%:		7.163.980		573.119		7.737.099	
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		10.891.980		759.519		11.651.499	
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 30/08/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: PQCTDJKGM3L

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 07 năm 2024

Mã QGT: 002FE4B3E161564E6D9EB9D0F540A1507A

Ký hiệu: 1C24TTY

Số: 00000281

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T7/2024	M3	241,00	16.000,00	3.856.000	5%	192.800
2	Phí nước thải T7/2024	M3	192,80	19.481,00	3.755.937	8%	300.475
3	Rác Thái T7/2024	M3	14,00	243.636,00	3.410.904	8%	272.872
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		3.856.000		192.800		4.048.800	
Thuế suất 8%:		7.166.841		573.347		7.740.188	
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		11.022.841		766.147		11.788.988	
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn chín trăm tám mươi tám đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 31/07/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: WZCNUL_Q7A2M

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243130

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 08 năm 2024

Ký hiệu: IC24TTY

Số: 00000236

Mã QLT: 00C3A3A9BB3D3A42CC91D07E8B2H020339

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T6/2024	M3	276,00	16.000,00	4.416.000	5%	220.800
2	Phí nước thải T6/2024	M3	220,80	19.481,00	4.301.405	8%	344.112
3	Rác Thải T6/2024	M3	11,50	243.636,00	2.801.814	8%	224.145
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế (TKGT)							
Không chịu thuế (TKGT)							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		4.416.000		220.800		4.636.800	
Thuế suất 8%:		7.103.219		568.257		7.671.476	
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		11.519.219		789.057		12.308.276	
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm linh tám nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 29/08/2024

Tai văn tại Website: <https://www.invoice.vn/tra-qua> - Mã tra cứu: JACL823QXIWQ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA invoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 05 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TTY

Số: 00000194

Mã CQT: 00C1DE6C498CC5409B9E3C19B4BCF4332C

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T5/2024	M3	156,00	16.000,00	2.496.000	5%	124.800
2	Phí nước thải T5/2024	M3	124,80	19.481,00	2.431.229	8%	194.498
3	Rác Thải T5/2024	M3	11,50	243.636,00	2.801.814	8%	224.145
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT			Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		2.496.000			124.800		2.620.800
Thuế suất 8%:		5.233.043			418.643		5.651.686
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		7.729.043			543.443		8.272.486
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 31/05/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: EGC1F3 0Z6EK

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại có phần Sái Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 00000155

Mã QGT: 001061D81D782D64AE09AF0C26B9FE31AA4

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÓA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMMK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T4/2024	M3	156,00	16.000,00	2.496.000	5%	124.800
2	Phi nước thải T4/2024	M3	124,80	19.481,00	2.431.229	8%	194.498
3	Rác Thải T4/2024	M3	11,00	243.636,00	2.679.996	8%	214.400
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		2.496.000		124.800		2.620.800	
Thuế suất 8%:		5.111.229		408.898		5.520.123	
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		7.607.229		533.698		8.140.923	
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 26/04/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.misainvoice.vn/tri-cuu> - Mã tra cứu: ZKCAHPP3BK9I

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA invoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 00000114

Mã QGT: 00291CB06764C94027BA30E7FF5E3AD7B5

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T3/2024	M3	199,00	16.000,00	3.184.000	5%	159.200
2	Phí nước thải T3/2024	M3	159,20	19.481,00	3.101.375	8%	248.110
3	Rác Thải T3/2024	M3	12,50	243.636,00	3.045.450	8%	243.636
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT			Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		3.184.000			159.200		3.343.200
Thuế suất 8%:		6.146.825			491.746		6.638.571
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		9.330.825			650.946		9.981.771
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 30/03/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: R3C8C77XQZ62

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 00000076

Mã QGT: 00FE901ADB3A14B389192857FFCB1A68D

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T2/2024	M3	134,00	16.000,00	2.144.000	5%	107.200
2	Phi nước thải T2/2024	M3	107,20	19.481,00	2.088.363	8%	167.069
3	Rác Thải T2/2024	M3	8,50	243.636,00	2.070.906	8%	165.672
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		2.144.000		107.200		2.251.200	
Thuế suất 8%:		4.159.269		332.741		4.492.010	
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		6.303.269		439.941		6.743.210	
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm mười đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 29/02/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.mcinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: PQCLTGMM2NX

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA mcInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100230536

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437523444

Số tài khoản: 1000060888 - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Ký hiệu: IC24TYV

Số: 00440018

Mã QGT: 005982D1B49D754378D090E71D81X07B0C6

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Mã số thuế: 0100372266

Địa chỉ: Lô đất B2-4-4 Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



SIT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Nước sạch T1/2024	M3	156,00	16.000,00	2.496.000	5%	124.800
2	Phí nước thải T1/2024	M3	124,80	19.481,00	2.431.229	8%	194.498
3	Rác Thải T1/2024	M3	14,50	243.636,00	3.532.722	8%	282.618
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT			Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán
Không kê khai thuế GTGT:							
Không chịu thuế GTGT:							
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		2.496.000			124.800		2.620.800
Thuế suất 8%:		3.063.951			477.116		6.441.067
Thuế suất 10%:							
Thuế suất KHÁC:							
Tổng cộng:		8.459.951			601.916		9.061.867
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.							

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG HIỆP HỘI
CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Ký ngày: 31/01/2024

Tra cứu tại Website: <http://www.misainvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 6DCUJRE9E

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA misainvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Số: 03 /2019/HĐXLNT-HIP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Luật Dân sự số 32/2005/QH11;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2013;

Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Nghị định 38/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu;

Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02/04/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 30/06/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

QCTĐHN 02:2014/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 291/GP-UBND ngày 28/8/2017 của UBND TP. Hà Nội cấp cho Công ty CP phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội;

Biên bản đấu nối thoát nước mưa và thoát nước thải của doanh nghiệp với Công ty Cổ phần PT hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội, chủ đầu tư hạ tầng KCN Nam Thăng Long;

Các văn bản pháp luật khác có liên quan,

Hôm nay, ngày 01 / 01 /2019, tại văn phòng của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội. KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, chúng tôi bao gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CPPT HẠ TẦNG HIỆP HỘI CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Đại diện: Ông Lê Thanh Dương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3752 3444

Fax: 024 3752 1896

Số tài khoản: 1000060888 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh
Thăng Long

Mã số thuế: 0100230 536

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Đại diện: Ông Trương Quốc Cư

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Lô B2-4-4 KCN Nam Thăng Long, , phường Thụy Phương, quận Bắc
Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043.7522102

Fax: 043 7522101

Tài khoản:

Mã số thuế: 0100372266

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “các Bên”.

Thực hiện các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác
Bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp;

Bên A là chủ đầu tư, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu
Công nghiệp Nam Thăng Long (“KCN Nam Thăng Long”) thuộc phường Thụy
Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Bên A đã đầu tư và vận hành một Trạm Xử lý Nước thải Tập trung
 (“TXLNTTT”) để tiếp tục xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của các
doanh nghiệp trong KCN Nam Thăng Long để đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ pháp luật
môi trường;

Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 4 khoản 1 và khoản 2, mọi sự xả thải
vào hệ thống thoát nước thải (“HTTNT”) đều phải tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường
số 55/2014/QH13 cũng như quy định của KCN Nam Thăng Long về xả thải trước khi
xả thải ra môi trường;

Bên A và bên B thống nhất ký Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải
(XLNT) với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1: Phạm vi, đối tượng của Hợp đồng

1. Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý
nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp
(KCN) Nam Thăng Long, đảm bảo xả thải từ điểm đầu nối như được nêu ở Điều 2
dưới đây vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng sau xả thải đạt tiêu chuẩn cho phép.

2. Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải
của các bên được giới hạn trong KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận
Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điều 2: Điểm đầu nối nước thải:

Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom xử lý nước thải của Bên B vào hệ
thống thu gom xử lý nước thải của KCN là vị trí hồ ga (do Bên A chỉ định theo Biên

bàn đầu nổi hạ tầng thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp), mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Điểm đầu nối hạ tầng thoát nước của Bên B do Bên A chỉ định được thiết kế theo đúng kỹ thuật, đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan KCN.

Bất kỳ điểm đầu nối nào khác mà không được nêu trong Điều này đều được coi là không hợp pháp và vi phạm trực tiếp Luật Bảo vệ Môi trường và các thỏa thuận đầu nối đã ký giữa các Bên.

Điều 3: Khối lượng, chất lượng nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom tập trung của Bên A:

1. Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng khối lượng thực tế theo đồng hồ đo nước thải của Bên B.

Trường hợp Bên B dùng nước sạch tập trung của Khu công nghiệp Nam Thăng Long thì khối lượng nước thải tính bằng 80% tổng khối lượng nước sạch đã tiêu dùng (tính theo hàng tháng với chỉ số nước sạch đã được thông báo) được áp dụng tại điểm a Khoản 2 Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Trường hợp Bên B không dùng nước sạch của KCN Nam Thăng Long hoặc có dùng nước giếng khoan thì Bên A sẽ lắp đặt đồng hồ đo nước thải tại các vị trí đầu nối thoát nước thải của Bên B theo chỉ định của Bên A tại *(Biên bản đầu nối hạ tầng thoát nước mặt, nước thải KCN Nam Thăng Long với doanh nghiệp)*.

2. Chất lượng nước thải của Bên B chỉ được phép xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Thăng Long khi Bên B đã xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tối thiểu ở cột B - QCTĐHN 02:2014/BTNMT (chi tiết đính kèm Hợp đồng này).

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1. Yêu cầu Bên B thanh toán giá thoát nước và xử lý nước thải theo các dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải mà Bên A cung cấp đến Bên B;

2. Yêu cầu Bên B tuân thủ chặt chẽ khối lượng và chất lượng NTCN xả thải như được xác định rõ và thỏa thuận trong Hợp đồng này;

3. Được phép kiểm tra, giám sát, chất lượng nước thải tại điểm đầu nối thoát nước thải của Bên B. Xử lý các trường hợp không thực hiện đúng việc đầu nối thoát nước thải và không đầu nối thoát nước thải của Bên B.

4. Đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải cho Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải của Bên B.

5. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường Khu công nghiệp về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

6. Thực hiện việc tiếp tục xử lý nước thải của Bên B để đạt và tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường trước khi xả thải ra môi trường;

7. Xây dựng, điều hành và bảo dưỡng sửa chữa các hệ thống thoát nước và xử lý NTCN theo đúng quy định của luật pháp;

8. Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

9. Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

1. Nhận và sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải của Bên A theo các quy định tại Hợp đồng này phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo qui định tại Điều 6 của Hợp đồng.

3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nối với KCN Nam Thăng Long và chi phí kiểm định khi cần thiết yêu cầu theo qui định của pháp luật hiện hành; Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.

4. Thông báo cho Bên A khi tăng công suất kinh doanh sản xuất của Bên B hoặc thay đổi chất lượng nước thải.

5. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, của KCN Nam Thăng Long về Bảo vệ môi trường, điểm đầu nối thoát nước thải vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải.

6. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán:

1. Phí dịch vụ:

- Khối lượng, chất lượng nước thải để tính phí xác định theo Điều 3 Hợp đồng này.
- Phí dịch vụ được tính theo tháng như sau:

$$\text{Phí dịch vụ} = \text{Đơn giá} \times \text{khối lượng nước thải}$$

Trong đó: + Đơn giá dịch vụ nước thải tính: 14.142 đồng/m³ (Đơn giá dịch vụ nước thải chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

+ Khối lượng nước thải tính bằng 80% tổng khối lượng nước sạch đã tiêu dùng (tính theo hàng tháng với chỉ số nước sạch đã được thông báo).

Lưu ý: Đơn giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại cột B - QCTĐHN 02:2014/BTNMT

- Đơn giá xử lý nước thải tại KCN Nam Thăng Long sẽ được điều chỉnh theo quy định và hướng dẫn phù hợp với các quy định, pháp luật hiện hành. Khi điều chỉnh giá, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B trong thời gian 30 ngày làm việc.

- Chất lượng nước thải cho việc áp dụng đơn giá trên là Phiếu kết quả phân tích nước thải trong báo cáo kết quả quan trắc môi trường mới nhất của Bên B không quá 6 tháng. Trường hợp đơn vị nào không có kết quả phân tích nước thải bên A sẽ tính phí gấp đôi đơn giá trên (tức 28.284 đồng/m³).

2. Phương thức thanh toán:

- Vào ngày cuối cùng hàng tháng, bên A sẽ tiến hành tính toán số nước thải của Bên B dựa trên tổng số khối lượng nước sạch tiêu thụ của tháng đó và gửi thông báo thanh toán cho Bên B.

- Sau khi Bên B nhận được thông báo về phí dịch vụ nước thải của Bên A thì chậm nhất sau sáu (06) ngày làm việc Bên B phải thanh toán tiền đầy đủ cho Bên A.

- Nếu Bên B chậm trả tiền phí dịch vụ nước thải quá 1 tháng so với thời hạn thanh toán được quy định trong hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên A.

- Lãi suất của số tiền chậm trả tính bằng 150% mức lãi suất nhưng không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng dịch vụ cấp nước tại thời điểm thanh toán.

- Hình thức thanh toán: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản..

Điều 7: Ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải:

1. Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Nam Thăng Long, Bên A sẽ có thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 5 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 5 ngày của thông báo lần hai mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và có biện pháp xử lý triệt để những vi phạm của Bên B.

2. Khi Bên B vi phạm xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho Bên B.

3. Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung, Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành công tác trên, đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này có thể được bổ sung, sửa đổi khi có các thay đổi về chủ sở hữu, địa chỉ hoặc đơn giá. Việc sửa đổi tiến hành theo hình thức ký lại Hợp đồng hoặc phụ lục của Hợp đồng và là phần không tách rời của Hợp đồng này.

2. Hợp đồng sẽ hết hiệu lực khi:

- Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn
- Các bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các bên. Trong trường hợp các bên không thể giải quyết thông qua hòa giải, một trong hai bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Bên A, Bên B có trách nhiệm thực thi các Điều khoản qui định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản làm cơ sở thực hiện.

3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Thanh Dương

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC


GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Vực

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 13/HĐ-QTMT/2024

**“V/v Lập báo cáo quan trắc môi trường năm 2024 đối với
Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa”**

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng đáp ứng nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Đại diện là : Ông **TRƯƠNG QUỐC CƯ** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Lô đất B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm. TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0243.5370 281

Mã số thuế : 0100372266

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN.

Đại diện là : Ông **VÕ CHÍ LINH** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ : Số 10, ngõ 49, xóm Hồng Thái, Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Địa điểm KD: DV5, E14, Khu B dịch vụ Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 02463.263.610.

MST : 0107064454

Tài khoản số: 036704060025701.

Tại : Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam (VIB), chi nhánh Hà Nội.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A giao cho bên B thực hiện công việc tư vấn lập “Báo cáo quan trắc môi trường năm 2024” theo đúng yêu cầu bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2: Hình thức và thời hạn hợp đồng

- Hình thức hợp đồng: trọn gói.
- Lịch giám sát cụ thể được 2 bên thống nhất trước khi thực hiện.
- Thời gian trả kết quả của mỗi đợt giám sát môi trường: 15 ngày làm việc kể từ

ngày bên B quan trắc tại địa điểm bên A.

- Số đợt giám sát: 4 đợt/năm.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

a. Giá trị hợp đồng:

Tổng giá trị hợp đồng: 19.078.000 đồng (đã bao gồm VAT)

(Bằng chữ: Mười chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng./.)

b. Phương thức thanh toán: Tiền mặt, chuyển khoản.

Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản qua ngân hàng thành 02 lần, như sau:

- Lần 1: 50% giá trị hợp đồng sau khi Bên B bàn giao cho Bên A tài liệu:

+ 03 báo cáo kết quả quan trắc kèm kết quả phân tích cho mỗi đợt (đợt 1 và đợt 2 tương ứng quý I và quý II năm 2024).

+ 01 hóa đơn tài chính (GTGT) theo quy định;

- Lần 2: 50% giá trị hợp đồng sau khi Bên B bàn giao cho Bên A tài liệu còn lại:

+ 03 báo cáo kết quả quan trắc kèm kết quả phân tích cho mỗi đợt (đợt 3 và đợt 4 tương ứng quý III và quý IV năm 2024).

+ 03 quyển Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, nộp báo cáo cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội.

+ 01 hóa đơn tài chính (GTGT) theo quy định;

Điều 4. Trách nhiệm hai bên

a. Bên A

- Cung cấp lịch công tác và địa điểm quan trắc cho bên B
- Cử cán bộ phối hợp cùng bên B đi lấy mẫu theo lịch công tác cụ thể.
- Xác định vị trí khảo sát, lấy mẫu.
- Thanh toán cho bên B theo đúng điều 3 của Hợp đồng.

b. Bên B

- Tiến hành lấy, phân tích và cung cấp kết quả phân tích mẫu như đã nêu tại Điều 1.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ của hợp đồng.
- Đảm bảo các phương tiện, quy trình, thủ tục lấy và phân tích mẫu môi trường theo quy định.

- Cung cấp hóa đơn tài chính.

Điều 5: Bảo mật

Hai bên cam kết bảo mật nội dung của hợp đồng này bao gồm: các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kết quả phân tích, kết quả quan trắc môi trường. Không được sử dụng thông tin bảo mật mà hai bên đã cung cấp cho nhau phục vụ cho các mục đích khác ngoài nội dung của hợp đồng.

Bên B không được phép sao chép, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung của

hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A.

Điều 6. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện những điều đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi về giá cả, chế độ, chính sách mới, công việc phát sinh hoặc có sự vướng mắc, hai bên sẽ thông báo cho nhau và cùng nhau bàn bạc, giải quyết để thực hiện tốt hợp đồng. Trường hợp không tự giải quyết được, xảy ra bất đồng, hai bên sẽ đưa vấn đề ra phân xử theo Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế. Mọi án phí do bên sai phạm chịu trách nhiệm.

Điều 7. Hiệu lực

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

Hợp đồng tự thanh lý khi các bên hoàn thành nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Hợp đồng được làm thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Cư

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Võ Chí Linh

PHỤ LỤC

(kèm theo hợp đồng số 13/HĐ-QTMT/2024 ngày 26/02/2024)

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Tần suất	Ghi chú
Nước thải					
1	pH	Mẫu	1	4	
2	BOD ₅ (20°C)	Mẫu	1	4	
3	COD	Mẫu	1	4	
4	Chất rắn lơ lửng	Mẫu	1	4	
5	Tổng dầu mỡ khoáng	Mẫu	1	4	
6	Sunfua	Mẫu	1	4	
7	Amoni	Mẫu	1	4	
8	Nitrat (NO ₃ -)	Mẫu	1	4	
9	Tổng Nito	Mẫu	1	4	
10	Tổng Phốt Pho	Mẫu	1	4	
11	Tổng Coliform	Mẫu	1	4	
Không khí xung quanh					
1	Nhiệt độ	Mẫu	2	2	
2	Độ ẩm	Mẫu	2	2	
3	Tốc độ gió	Mẫu	2	2	
4	Độ ồn	Mẫu	2	2	
5	Hướng gió	Mẫu	2	2	
6	Áp suất khí quyển	Mẫu	2	2	
7	Bụi lơ lửng	Mẫu	2	2	
8	CO	Mẫu	2	2	
9	NO ₂	Mẫu	2	2	
10	SO ₂	Mẫu	2	2	
11	H ₂ S	Mẫu	2	2	
Không khí sản xuất					
1	Nhiệt độ	Mẫu	2	2	
2	Độ ẩm	Mẫu	2	2	
3	Tốc độ gió	Mẫu	2	2	
4	Độ ồn	Mẫu	2	2	
5	Bụi lơ lửng	Mẫu	2	2	
6	CO	Mẫu	2	2	
7	NO ₂	Mẫu	2	2	
8	SO ₂	Mẫu	2	2	
9	Hơi axit	Mẫu	2	2	
10	Hơi kim loại	Mẫu	2	2	

Hà nội, Ngày 11 tháng 8 năm 2020.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1: Tên hạng mục: HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

2: Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

1. Ông: Trương Minh Tuấn

Chức vụ : Tổng Giám đốc

2. Ông: Nguyễn Phương Thanh

Chức vụ : Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Đại diện nhà thầu thi công : CÔNG TY TNHH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TH VINASUN.

1. Ông: Nguyễn Thị Huyền

Chức vụ : Giám đốc

2. Ông:

Chức vụ :

3 : Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : ngày 11 tháng 8 năm 2020

Kết thúc : ngày 11 tháng 8 năm 2020

4 : Đánh giá công việc xây dựng đã

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :

- Phiếu giao nhận hàng hóa :

- Hợp đồng kinh tế số : 011.04/VNS-MH/HĐKT/2020

4.2 Chất lượng hạng mục công trình (đối chiếu với bản vẽ thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật):

4.3 Các ý kiến khác (nếu có) :

Tôi thiết kế và nhận tài liệu kỹ thuật và bản vẽ thiết kế và bản vẽ thi công của nhà thầu thi công và đã nghiệm thu công trình đúng theo thiết kế và bản vẽ thi công.

5. Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật và an toàn.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên mua giữ 01 bản, bên bán giữ 01 bản làm cơ sở thanh toán cho hợp đồng mua bán giữa 2 bên.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

1. Thành phần tham gia:

A. Bên chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa

Ông (bà): Nguyễn Văn Lạc.....chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông (bà): Trần Văn Tuấn.....chức vụ: Nhân viên hành chính

Ông (bà):chức vụ:

B. Bên nhận thi công:

Ông: Trịnh Quang Phát.....Chức vụ: Là người trực tiếp thi công

2. Thời gian nghiệm thu:

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2024

Tại: Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thông tắc cống sàn wc khu dập	khoản	01	350.000	350.000
2	Hút bể phốt xe 7m ³	M ³	70	140.000	9.800.000
Tổng cộng					10.150.000

Tổng giá trị thanh toán: 10.150.000 VNĐ

(Bằng chữ: Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

Hiện tại công trình thi công đã đưa vào sử dụng và hoạt động tốt

BÊN CHỦ ĐẦU TƯ

(Người xác nhận ký)

BÊN NHẬN THI CÔNG

(Người thi công trực tiếp)

Nguyễn Văn Lạc

Trịnh Quang Phát

Trần Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0215-2023/KQ/NT.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Mã mẫu : NT-MH.230214
Ngày lấy mẫu : 14/02/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 15/02/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 22/02/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	15,2	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2017	41,6	-
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	68	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,8	-
6	Sunfua H ₂ S	mg/l	TCVN 6637:2000	0,30	4
7	NH ₄ ⁺ N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,78	10
8	NO ₃ N	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ .E:2017	1,40	50
9	Tổng nito	mg/l	TCVN 6638:2000	9,13	-
10	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	6,38	-
11	Coliform*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.800	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau bể xử lý

X= 2331280; Y= 5079086

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước ven bờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Ban hành: 03

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1056-2023-KQPT/KX.01-07

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tên mẫu : Không khí làm việc Mã mẫu : K1/2-MH.230530
Ngày lấy mẫu : 30/05/2023 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 31/05/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 12/06/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,5	30,1	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		69,8	73,23	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		< 0,3	< 0,3	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dbA	TCVN 7878-2:2010	83,2	83,3	85 ⁽²⁾
5	TSP	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,125	0,114	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	GREEN/SOP-QTHT-KX02	3,458	3,078	40
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	0,096	0,099	10
8	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,078	0,097	10
9	H ₂ SO ₄ *	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	< 0,02	< 0,02	2.000
10	Pb*	mg/m ³	OSHA ID 121	< 0,003	< 0,003	-

Sau đây:

- Vị trí lấy mẫu:

- K1: Mẫu không khí khu vực nấu đồng

X = 2331918; Y = 579186

- K2: Mẫu không khí khu vực gia công cơ khí

X = 2331981; Y = 579146

- Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn).

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

Không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.

Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc

quá xét nghiệm.

Sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTPXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2023

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Ánh



Vũ Chí Linh



- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | <ul style="list-style-type: none">- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng- (-): Không có quy định.- (KPH): Không phát hiện.- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimecert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng |
|---|---|

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN**

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1057-2023-KQPT/KX.01-08

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa

Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa

Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tên mẫu : Không khí xung quanh Mã mẫu : K3/4-MH.230530

Ngày lấy mẫu : 30/05/2023 Số mẫu : 02

Thời gian phân tích : 31/05/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 12/06/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				K3	K4	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,9	33,4	-
2	Độ ẩm	%		70,4	72,4	-
3	Tốc độ gió	m/s		<0,3	<0,3	-
4	Áp suất	hPa		1005	1005	-
5	Hướng gió [#]	-		ĐN	ĐN	-
6	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,2	69,7	70 ⁽¹⁾
7	TSP	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,123	0,151	0,3
8	CO	mg/m ³	GREEN/SOP-QTHT-KX02	2,735	2,862	30
9	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	0,088	0,084	0,2
10	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,071	0,089	0,35
11	H ₂ SO ₄ [*]	µg/m ³	NIOSH 7908	< 1	< 1	300 ⁽²⁾

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:**

* Mẫu không khí tại khu vực tạo phôi

X= 2331972; Y= 579181

* Mẫu không khí tại khu vực cổng nhà máy

X= 2331982; Y= 579081

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

có giá trị trên mẫu phân tích.

trách nhiệm về việc lấy mẫu:

được thực hiện bởi nhà thầu phụ

trong vòng 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc

xét nghiệm

một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (#): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

+ ⁽²⁾QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2023



Vũ Chí Linh



- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích, | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu; | - (-): Không có quy định. |
| - (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ | - (KPH): Không phát hiện. |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm. | - (!): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng. |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | |
- Ban hành: 04



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1058-2023-KQPT/NT.01-09

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



VALAS 058

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Mã mẫu : NT-MH.230530
Ngày lấy mẫu : 30/05/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 31/05/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 12/06/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1	pH		TCVN 6492:2011	6,9	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	48,41	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2017	137,6	-
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	87	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,8	-
6	Sunfua_H ₂ S	mg/l	TCVN 6637:2000	3,56	4
7	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	5,36	10
8	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	<0,03	50
9	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	11,54	-
10	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	2,91	-
11	Coliform*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.900	5.000

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau bể xử lý

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước ven bờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2023



Đỗ Thị Ngọc Ánh



Vũ Chí Linh

* Quá trình này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

* PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;

* (*) Thông số được thực hiện bốn nhà thầu phụ

Quá trình gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết

theo khiếu nại kết quả xét nghiệm.

* Sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích

theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2288-2023-KQPT/NT.01-02

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Mã mẫu : NT-MH.230825
Ngày lấy mẫu : 25/08/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 26/08/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 07/09/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	44,8	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2017	128	-
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	79	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	-
6	Sulfua _H ₂ S	mg/l	TCVN 6637:2000	3,18	4
7	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	5,64	10
8	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	<0,03	50
9	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	10,85	-
10	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	3,09	-
11	Coliform*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1.700	5.000

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải sinh hoạt sau bể xử lý

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước ven bờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Anh



Chi Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn NTXD và TM Green
- Tên mẫu và địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định.
- (KPH): Không phát hiện.
- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty cổ phần tư vấn môi trường xây dựng & thi công
 Đơn vị được quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
 Địa chỉ quan trắc : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội
 Loại mẫu : Nước thải
 Số lượng/Tên mẫu : 01/ NT01: NT-MH.231207
 Ngày lấy mẫu : 07/12/2023 Thời gian phân tích : 07/12/2023 – 17/12/2023



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT
				NT01	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,53	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	56	100
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	42,4	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	70,4	150
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,24	10
6	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	15,2	40
7	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,80	6
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,28	0,5
9	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	10
					QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B
10	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,05	50
11	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	1.700	5.000

Ghi chú:

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (-): Không quy định;
- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcerts 306;
- NT01: Mẫu nước thải sau bể xử lý (X= 2331280, Y: 5079086).



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Phòng thử nghiệm kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT) – Vimcerts 253 – VLAT-1.0267

Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tel1: 0246.683.2969

Tel2: 0972.191.566

Email: Hetc.moitruong@gmail.com

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Anh

S



Nguyễn Thị Minh Anh

Hoàng Thị Suong

Bà Văn Quỳnh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Thời gian lưu mẫu? ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hạn thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty cổ phần tư vấn môi trường xây dựng & thương mại
Đơn vị được quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ quan trắc : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phú
Loại mẫu : Không khí
Số lượng/Tên mẫu : 02/ KX01: K3-MH.231207
KX02: K4-MH.231207
Ngày lấy mẫu : 07/12/2023 Thời gian phân tích : 07/12/2023 – 17/12/2023



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN
				KX01	KX02	26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	78,5	69,8	70
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	22,1	22,0	-
3	Độ ẩm	%		79,5	80,1	-
4	Hướng gió	°		181° - 197° Đông Nam	181° - 197° Đông Nam	-
5	Tốc độ gió	m/s	HETC/SOP-QTHT-KX04	0,7	1,0	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	91	87	350
7	CO	µg/Nm ³	HETC/SOP-QTTN-KX03	<9.000*	<9.000*	30.000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	76	72	200
9	Hơi axit H ₂ SO ₄ (+)	µg/Nm ³	NIOSH 7908	<1	<1	50
10	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	109	117	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình trong một giờ);
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- (-): Không quy định;
- (*): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcerts 306;
- KX01: Mẫu không khí tại khu vực tạo phôi (X: 2331970, Y: 579180)
- KX02: Mẫu không khí tại khu vực khu vực cổng nhà máy (X: 2331973, Y: 579080)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Phòng thử nghiệm kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT) – Vincerts 253 – VLAT-1 0267

Địa chỉ: C21.20 Khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tel1 0246 633 2969

Tel2 0972 191 566

Email Hetc.moitruong@gmail.com

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Anh

S



Nguyễn Thị Minh Anh

Hoàng Thị Sương

Văn Quỳnh

Kết quả này không được phép sao chép ning phân, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT):

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm:

Thời gian lưu mẫu 7 ngày, từ đó ngày tra kết quả. Hội thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng:

Thông tin về mẫu, từ khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2965-2023-KQPT/KX.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Điểm quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Mã mẫu : Không khí làm việc Mã mẫu : K1/2-MH.231207
Ngày lấy mẫu : 07/12/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 07/12/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 17/12/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
			K1	K2	
Nhiệt độ [#]	°C	TCVN 5508:2009	21,2	21,7	18 - 32 ⁽¹⁾
Độ ẩm [#]	%		78,6	77,5	40 - 80 ⁽¹⁾
Tốc độ gió [#]	m/s		0,28	0,29	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
Tiếng ồn [#]	dbA	TCVN 9799:2013	83,4	78,2	85 ⁽²⁾
Bụi toàn phần [#]	mg/m ³	PL 3 - QCVN 02:2019/BYT	0,230	0,228	8 ⁽³⁾
CO [#]	mg/m ³	GREEN-SOP/ QTHT.HDKT.015	<1,52	<1,52	40
NO ₂ [#]	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	<0,25	<0,25	10
SO ₂ [#]	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	<0,25	<0,25	10
H ₂ SO ₄ [#]	mg/m ³	PL 4 - QCVN 03:2019/BYT	KPH	KPH	2
Pb [#]	mg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH	KPH	-

Chú:

1. Vị trí lấy mẫu:

1. Mẫu không khí khu vực nấu đồng

2. Mẫu không khí khu vực gia công cơ khí

2. Quy chuẩn so sánh:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố độc hại tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn).

QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

Chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,
không có trách nhiệm về việc lấy mẫu;
được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc
quá xét nghiệm.

Chấp một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện

- (#): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích
theo yêu cầu của khách hàng.

- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + (#): Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và được công nhận theo QĐ số 1546/SYT-NVY ngày 06/04/2022 về việc đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2023



Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
 - PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.
 - (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - (-): Không có quy định.
 - (KPH): Không phát hiện.
 - (#): Thông số chưa được công nhận trong vincer 267 và được phân theo yêu cầu của khách hàng.
- Ban hành: 04

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN**

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0142-2024-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 049.NT.240312
Ngày lấy mẫu : 12/03/2024 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 13/03/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 21/03/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột B)
				049.NT.240312	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	49,3	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	140,8	150
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	72	100
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	9,5	10
6	NO ₃ ⁻ _N	mg/l	SMEWW 4500 - NO ₃ .E:2023	KPH (MDL=0,02)	50 ⁽¹⁾
7	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	10,8	40
8	Tổng Photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	2,45	6
9	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,086	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	10
11	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	4.800	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.NT.240312: Mẫu nước thải sau bể xử lý

X= 2331976, Y= 579104

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B Bảng 1 quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ ⁽¹⁾QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (KPH): Không phát hiện; - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp

- (-): Không có quy định

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 - BM02 Kết quả thử nghiệm

ban hành lần 4

nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biên ven bờ);

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH


Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

GIAM ĐỐC


Vũ Chí Linh



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (KPH): Không phát hiện; - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không có quy định
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường

Số: 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0474-2024-KQPT/KM.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Không khí môi trường lao động Mã mẫu : 049.KM1.240527
Ngày lấy mẫu : 27/05/2024 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 27/05/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 08/06/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT
				049.KM1.240527	049.KM2.240527	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30,5	31,8	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		71,4	72,5	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,22	0,21	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	84,1	80,8	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	PL 1 - QCVN 02:2019/BYT	0,239	0,234	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	GREEN- SOP/QTHT.HDKT.015	KPH (LRL=1,14)	KPH (LRL=1,14)	40
7	SO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,524)	KPH (LRL=0,524)	10
8	NO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,188)	KPH (LRL=0,188)	10
9	CO ₂	mg/m ³	GREEN- SOP/QTHT.HDKT.015	995,1	999,4	18.000
10	Hơi axit (H ₂ SO ₄)	mg/m ³	SOP.PTN.010	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	2,0
11	Hơi kim loại (Pb)	mg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	-

III. CHÚA

- Vị trí lấy mẫu:
- 049.KM1.240527: Không khí tại khu vực nấu đồng
- 049.KM2.240527: Không khí tại khu vực gia công cơ khí
Quy chuẩn so sánh:
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn);
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

Giá trị này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
Giới hạn phát hiện của phương pháp: - (LRL): Giá trị dưới của dải đo
Giới hạn phát hiện của mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
Số liệu không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
Sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

TM PHÒNG PHÂN TÍCH


Bùi Ngọc Bình

QA/QC



Lê Thị Thiên Trang



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo
 - (KPH): Không phát hiện - (-) Không có yêu cầu
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
 - (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTEXD và TM Q
- Ban hành: 04



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0475-2024-KQPT/KX.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Khí xung quanh Mã mẫu : 049.KX1.240527
 : 049.KX2.240527
Ngày lấy mẫu : 27/05/2024 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 27/05/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 08/06/2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
			049.KX1. 240527	049.KX2. 240527	
Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	33,5	34,2	-
Độ ẩm	%		69,3	66,2	-
Tốc độ gió	m/s		1,2	1,3	-
Áp suất	hPa		1006,9	1006,7	-
Hướng gió	°		31°12 Đông Nam	32°12 Tây Nam	-
Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,1	69,8	70 ⁽¹⁾
TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	107	100	300
CO	µg/Nm ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	KPH (MDL=6.000)	KPH (MDL=6.000)	30.000
SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	KPH (MDL=90)	KPH (MDL=90)	350
NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	46	38	200
H ₂ SO ₄ *	µg/Nm ³	NIOSH 7908	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	300

Ngày lấy mẫu:

KX1.240527: Mẫu không khí khu vực tạo phổi

X= 2331970, Y= 579180

KX2.240527: Mẫu không khí khu vực công nhà máy

X= 2331973, Y= 579080

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

*Mô tả giá trị trên mẫu phân tích

hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

giới hạn mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTTXD và TM Green

*Mô tả kết quả thử nghiệm

bản hành lần 4

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 306.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH


Bùi Ngọc Bình

QA/QC


Lê Thị Thiên Trang

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2024


GIÁM ĐỐC

Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo
 - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
 - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm
ban hành lần 4

Số: 0476-2024-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Mã mẫu : 049.NT.240527
Ngày lấy mẫu : 27/05/2024 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 28/05/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 08/06/2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014 /BTNMT (Cột B)
			049.NT.240527	
pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5,5 - 9
TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	57	100
BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	46,3	50
COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	115,8	150
Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	9,15	10
Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	3,57	-
Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	16,2	40
Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	5,8	6
Sulfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,35	0,5
Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,4)	10
Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2023	4.700	5.000

Điểm lấy mẫu:

NT.240527: Mẫu nước thải sau bể xử lý

X= 2331968, Y= 579104

So sánh:

ĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC

Bùi Ngọc Bình

Lê Thị Thiên Trang

Võ Chí Linh

Chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

phát hiện của phương pháp: -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo

-(.): Không có quy định; -(KPH): Không phát hiện

lưu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Kết quả thử nghiệm

ban hành lần 4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1847-2024-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 049.NT.240920
Ngày lấy mẫu : 20/09/2024 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 21/09/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 28/09/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014 /BTNMT (Cột B)	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)
				049.NT.240920		
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,8	5,5 - 9	5 - 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	49	100	100
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	47,4	50	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	118,4	150	-
5	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,4)	10	-
6	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,45	0,5	4,0
7	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	6,35	10	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	5,8	-	50
9	Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	14,5	40	-
10	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	2,41	6	-
11	Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2023	3.900	5.000	5.000

Chú ý:

- Vị trí lấy mẫu:

- 049.NT.240920: Mẫu nước thải tại ống thoát nước chung của cơ sở trước khi thải ra
ng chung của khu công nghiệp

Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B
ang 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không
cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các

hà này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Giới hạn phát hiện của phương pháp: - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

gian ... mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định, - (KPH): Không phát hiện

thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC

Hồ sơ, ngày 25 tháng 09 năm 2024
GIẢI ĐỌC




Lê Thị Thiên Trang



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2468-2024-KQPT/KX.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Khí xung quanh Mã mẫu : 049.KX1.241126
049.KX2.241126
Ngày lấy mẫu : 26/11/2024 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 26/11/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 10/12/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				049.KX1. 241126	049.KX2. 241126	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	25,2	24,6	-
2	Độ ẩm	%		62,0	61,4	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,1	0,9	-
4	Áp suất	hPa		1012,4	1012,1	-
5	Hướng gió	°		90° Đông	180° Nam	-
6	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,7	67,2	70 ⁽¹⁾
7	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	112	109	300
8	CO	µg/Nm ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	KPH (MDL=6.000)	KPH (MDL=6.000)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	KPH (MDL=90)	KPH (MDL=90)	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	37	38	200
11	H ₂ SO ₄ *	µg/Nm ³	NIOSH Method 7908	KPH	KPH	300

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.KX1.241126: Mẫu không khí khu vực tạo phổi

X= 2331970, Y= 579180

+ 049.KX2.241126: Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy

X= 2331973, Y= 579080

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (H#): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 -- RM02 Kết quả thử nghiệm

hạn hành lần 4

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 316.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC




Lê Thị Thiên Trang



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện
- QT 1.11 - RM02 Kết quả thử nghiệm
- ban hành lần 4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường

Số : 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2469-2024-KQPT/KM.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Không khí môi trường lao động Mã mẫu : 049.KM1.241126
Ngày lấy mẫu : 26/11/2024 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 26/11/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 10/12/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT
				049.KM1.241126	049.KM2.241126	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	25,1	26,6	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		61,7	58,6	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,8	0,8	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	84,1	83,9	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	PL 1 - QCVN 02:2019/BYT	0,245	0,231	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	GREEN- SOP/QTHT.HDKT.015	KPH (LRL=1,14)	KPH (LRL=1,14)	40
7	SO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,26)	KPH (LRL=0,26)	10
8	NO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,188)	KPH (LRL=0,188)	10
9	Hơi axit (H ₂ SO ₄)	mg/m ³	SOP.PTN.010	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	2,0
10	Hơi kim loại (Pb)	mg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.KM1.241126: Không khí tại khu vực nấu đồng

+ 049.KM2.241126: Không khí tại khu vực gia công cơ khí

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc - Mức tiếp xúc cho phép tiếng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo

- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định

Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (3): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

ôn tại nơi làm việc;

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024


Bùi Ngọc Bình


Lê Thị Thiên Trang



- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo
- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2467-2024-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 049.NT.241126
Ngày lấy mẫu : 26/11/2024 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 27/11/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 10/12/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014 /BTNMT (Cột B)
				049.NT.241126	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	57	100
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	47,2	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	124,2	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	8,18	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,21	-
7	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	11,6	40
8	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,04	6
9	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	0,5
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	10
11	Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2023	4.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.NT.241126: Mẫu nước thải sau bể xử lý

X= 2331968, Y= 579104

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Bùi Ngọc Bình

QA/QC

Lê Thị Thiên Trang

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC
Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (H): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 08767 /2024/PKQ(24.5672)

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
- Địa chỉ : DV5, E14, khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa - Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 26/11/2024
- Ngày trả kết quả : 07/12/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KXQ271124-043	K1	Mẫu không khí khu vực tạo phôi (2331970; 579180)	Không khí xung quanh
2	KXQ271124-044	K2	Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy (2331973; 579080)	Không khí xung quanh

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 05:2023 /BTNMT TB 1h
				K1	K2	
1	H ₂ SO ₄ ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH Method 7908	KPH	KPH	300 ⁽¹⁾

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- TB 1h: là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.

- (1): Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trần Thị Luyện

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN**

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0355-2025-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 049.NT.250303
Ngày lấy mẫu : 03/03/2025 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 03/03/2025 Ngày hoàn thành phân tích : 17/03/2025

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)	QCTĐHN 02:2014 /BTNMT (Cột B)
				049.NT.250303		
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5 - 9	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	28	100	100
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	10	50	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	26	-	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	0,35	10	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/l	TCVN 6180:1996	9,08	50	-
7	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	10,2	-	40
8	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,74	-	6
9	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	4,0	0,5
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,4)	-	10
11	Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2023	1.400	5.000	5.000

Ghi chú:**- Vị trí lấy mẫu:**

+ 049.NT.250303: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở X= 2331951, Y= 579123

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2021


Bùi Ngọc Bình


Lê Thị Thiên Trang


Giám đốc
Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
 - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
 - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện
- OT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm
ban hành lần 4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1334-2025-KQPT/KX.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô đất B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Khí xung quanh Mã mẫu : 049.KX1.250626
049.KX2.250626
Ngày lấy mẫu : 26/06/2025 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 26/06/2025 Ngày hoàn thành phân tích : 07/07/2025

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				049.KX1. 250626	049.KX2. 250626	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	36,5	39,0	-
2	Độ ẩm	%		62,4	53,5	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,3	1,4	-
4	Áp suất	hPa		1.004,5	1.003,0	-
5	Hướng gió	°		90° Đông	135° Đông Nam	-
6	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,1	69,8	70 ⁽¹⁾
7	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	112	132	300
8	CO	µg/Nm ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	KPH (MDL=6.000)	KPH (MDL=6.000)	30.000
9	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	KPH (MDL=90)	KPH (MDL=90)	350
10	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	37	39	200
11	H ₂ SO ₄ *	µg/Nm ³	NIOSH Method 7908	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	300

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.KX1.250626: Mẫu không khí khu vực tạo phổi

X= 2331970, Y= 579180

+ 049.KX2.250626: Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy

X= 2331973, Y= 579080

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm

ban hành lần 4

Bảng 1 - Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (Khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ)

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 306.

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC


ThS. Bùi Ngọc Bình


Vũ Chí Linh



-
- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo | - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm | |
| - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng | |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | |
-
- QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm ban hành lần 4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường

Số : 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, TP.Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1335-2025-KQPT/KM.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô đất B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Không khí môi trường lao động Mã mẫu : 049.KM1.250626
Ngày lấy mẫu : 26/06/2025 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 26/06/2025 Ngày hoàn thành phân tích : 07/07/2025

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT
				049.KM1.250626	049.KM2.250626	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,1	31,4	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		59,1	58,4	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,23	0,20	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	76,5	74,8	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	PL 1 – QCVN 02:2019/BYT	0,306	0,267	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	GREEN- SOP/QTHT.HDKT.015	KPH (LRL=1,14)	KPH (LRL=1,14)	40
7	SO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,26)	KPH (LRL=0,26)	10
8	NO ₂	mg/m ³	QTHT.HDKT.016	KPH (LRL=0,188)	KPH (LRL=0,188)	10
9	Hơi axit (H ₂ SO ₄)	mg/m ³	SOP.PTN.010	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	2,0
10	Hơi kim loại (Pb)	mg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH (MDL= 0,01)	KPH (MDL= 0,01)	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + 049.KM1.250626: Không khí tại khu vực nấu đồng
- + 049.KM2.250626: Không khí tại khu vực gia công cơ khí
- + Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn);
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc - Mức tiếp xúc cho phép tiếng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm

ban hành lần 4

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

GIÁM ĐỐC


T. L. D. N.

ThS. Bùi Ngọc Bình



- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo | - (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm | |
| - (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng | |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTTX và TM Green | |



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1333-2025-KQPT/NT.049

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư Minh Hòa
Địa chỉ : Lô đất B2-4-4, KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 049.NT.250626
Ngày lấy mẫu : 26/06/2025 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 26/06/2025 Ngày hoàn thành phân tích : 07/07/2025

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014 /BTNMT (Cột B)
				049.NT.250626	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	39	100
3	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	46	50
4	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	95	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	5,09	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	14,0	-
7	Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	21,3	40
8	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	2,58	6
9	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	0,5
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	<LOQ (LOQ=4,1)	10
11	Coliform	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2023	3,8x10 ³	5.000

Ghi chú:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

- Vị trí lấy mẫu:

+ 049.NT.250626: Mẫu nước thải tại cống thoát nước của cơ sở trước khi đầu nối vào khu công nghiệp

X= 2331968, Y= 579124

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; -(LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green



Stabilis 9125

Công Ty Cổ Phần Dầu Nhớt và Hóa Chất Việt Nam

Chemwatch: 5251-75
Phiên bản số : 3.1.1.1

Mã cảnh báo nguy hiểm của Chemwatch: 1

Ngày xuất: 06/06/2017
Ngày in: 26/06/2017
S.GHS.VNM.VI

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Nhận dạng sản phẩm

Tên Sản Phẩm	Stabilis 9125
Từ đồng nghĩa	Chưa có thông tin
Những cách nhận biết	Chưa có thông tin

Mục đích sử dụng

Mục đích sử dụng	Dầu cắt gọt kim loại pha nước.
------------------	--------------------------------

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ

Tên nhà cung cấp	Công Ty Cổ Phần Dầu Nhớt và Hóa Chất Việt Nam
Địa chỉ	Lầu 29, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM
Điện thoại	+84 28 3513 6015
Fax	+84 28 3513 6027
Website	https://www.motul.com
Email	info@vilube.com.vn

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Hiệp hội / Tổ chức	Chưa có thông tin
Số điện thoại khẩn cấp.	+800 24 362 255
Các số điện thoại khẩn cấp khác	+61 2 9186 1132

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất

Xem phần dưới đây để biết thành phần của hỗn hợp

Hỗn hợp

Số CAS	Hàm lượng (% theo trọng lượng)	Tên thành phần nguy hiểm	Công thức hóa học
64742-54-7.	>60	paraffinic distillate, heavy, hydrotreated (severe)	N/A
68920-66-1	<10	alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated	C16H34O (C2H4O) _n C18H36O.(C2H4O) _n C16H34O
27458-92-0	<10	isotridecanoI	C13-H28-O
68608-26-4	<10	sodium petroleum sulfonate	Chưa có thông tin
	balance	Thành phần được xác định không phải là nguy hiểm	

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm

CÁC XẾP HẠNG NGUY HẠI CỦA CHEMWATCH

	Min	Max
Tính dễ cháy	1	
Độc tính	1	
tiếp xúc với cơ thể	1	
Tính ổn định	1	
Lâu dài	1	

0 = Tối thiểu
1 = Dưới
2 = tương đối
3 = Cao
4 = Nghiêm trọng

Cảnh báo nguy hiểm	Kích ứng mắt loại 2/2A; Kích ứng da loại 3; Môi trường nước Cấp tính Cấp 3
--------------------	--

Nhãn các yếu tố

Continued...

Nhãn yếu tố GHS	
CHỮ TÍN HIỆU	CẢNH BÁO

Xác nhận nguy hiểm

H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H316	Gây kích ứng da nhẹ
H412	Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

Thông tin phòng ngừa: Phòng chống

P101	Nếu cần sự trợ giúp y tế, vui lòng mang theo bình đựng sản phẩm hoặc nhãn sản phẩm.
P102	Giữ cách xa tầm tay trẻ em.
P103	Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng.
P280	Mang găng tay bảo vệ/ áo quần bảo hộ/ kính bảo vệ mắt/ mặt nạ bảo vệ mặt.
P264	Rửa sạch tay sau khi thao tác.
P273	Tránh thải ra môi trường.

Thông tin phòng ngừa: Phản ứng

P337+P313	Nếu vẫn bị kích ứng mắt: Nhận sự trợ giúp y tế/ chú ý.
P332+P313	Nếu vẫn bị kích ứng da: Nhận trợ giúp y tế/ chú ý.
P305+P351+P338	NEU RƠI VÀO MẮT: Rửa sạch bằng nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng (nếu có) để dễ dàng thao tác. Tiếp tục rửa mắt bằng nước.

Thông tin phòng ngừa: Thái bỏ

P501	Thải bỏ bao bì/ bình chứa theo đúng quy định của pháp luật sở tại.
------	--

Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Đường thở	Việc hít phải hơi và bụi khí (sương, khói) do chất liệu này tạo ra trong quá trình sử dụng thông thường có thể gây hại cho sức khỏe. Các ảnh hưởng cấp tính do hít phải lượng hơi tập trung cao của chất này có thể là khó chịu ngực và mũi với các triệu chứng ho, hắt xì, nhức đầu và thậm chí là buồn nôn. Nguy cơ hít phải tăng lên ở nhiệt độ cao hơn. Hít vào hỗn hợp hydrocacbon ở mật độ cao có thể gây mê man, với buồn nôn, ói và thiếu tập trung. Hydrocacbon có khối lượng nguyên tử thấp (C2-C12) có thể kích ứng các màng nhầy và gây ra triệu chứng không phổi hợp được trong vận động cơ bắp, chóng mặt, buồn nôn, hoa mắt, rối loạn, nhức đầu, chán ăn, uể oải, run và đờ đẫn. Tiếp xúc nhiều có thể dẫn đến suy nhược nghiêm trọng hệ thần kinh trung ương, hôn mê sâu và tử vong. Có giạt có thể xảy ra do não bị kích ứng và/thay thiếu của ôxi.
Đường tiêu hóa	Việc tình cờ nuốt phải chất liệu này có thể gây hại cho sức khỏe.
Đường da	Chất lỏng này có thể có thể trọng lẫn với chất béo hay dầu và có thể tẩy nhờn da, tạo một phản ứng da được mô tả như viêm da tiếp xúc không do dị ứng. Chất này không thể gây viêm da kích ứng như được mô tả trong hướng dẫn EC.
Đường mắt	
Lâu dài	Dầu có thể tiếp xúc với da hoặc được hít vào. Tiếp xúc nhiều lần với dầu có thể dẫn đến bệnh chàm bội nhiễm, viêm nang tóc, đổi sắc tố da mặt và gây các mụn vảy ở lòng bàn chân. Tiếp xúc với hơi dầu có thể gây sưng, viêm phổi và có hại cho phổi. Dầu gây bệnh ung thư da và biu dái. Sự tiếp xúc liên tục hay qua các giai đoạn kéo dài với các hỗn hợp hydrocacbon có thể gây đờ đẫn kèm theo chóng mặt, yếu ớt và rối loạn thị giác, sụt cân và thiếu máu, và giảm chức năng gan và thận. Sự tiếp xúc với da có thể gây ra khô và nứt và đỏ da. Sự tiếp xúc kéo dài với các hydrocacbon nhẹ hơn có thể gây thương tổn thần kinh, thần kinh ngoại biên, suy chức năng tủy xương và các rối loạn tâm thần cũng như thương tổn gan và thận. Tiếp xúc lặp lại của các loại dầu được xử lý hydro ở mức nhẹ (chủ yếu là parafin), lên da chuột, gây các khối u da; không có các khối u do các loại dầu được xử lý hydro ở mức cao.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu y tế ban đầu

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị vàng, dây vào mắt)	Nếu mắt bị nhiễm hoá chất: - Giữ cho mắt mở ra và rửa với nước sạch đang chảy. - Bảo đảm rửa mắt bằng cách giữ hai mí mắt xa nhau và xa con mắt còn lại; nhấc mí mắt trên và dưới lên vài lần để di chuyển mắt. - Nếu tình trạng đau mắt còn tái diễn thì phải đến gặp bác sĩ để có biện pháp điều trị thích hợp. - Sau khi một bên mắt đã bị thương, nếu muốn lấy kiếng sát tròng ra thì phải được người có chuyên môn thực hiện.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)	Nếu da bị nhiễm hoá chất: - Lập tức cởi tất cả quần áo và giày bị vấy hóa chất ra. - Rửa kỹ những vùng bị nhiễm bằng nước (và xà bông nếu có). - Nếu thấy da bị sưng rát thì phải đến gặp bác sĩ để có biện pháp điều trị thích hợp.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)	Nếu hít phải khói hoặc khí đốt hoá chất: Di chuyển ngay tới nơi có không khí trong lành. Đề nạn nhân nằm xuống. Giữ ấm và nghỉ ngơi. Nếu có thể, lấy các bộ phận giả thí dụ như răng giả ra vì chúng có thể cản trở luồng khí thở của nạn nhân. Nếu hơi thở không sâu hay ngừng lại, phải đảm bảo có luồng khí thở trong lành và dùng máy hỗ trợ hô hấp, tốt hơn nên dùng máy hô hấp có van thở, phương pháp túi lọc khí có van, hay túi lọc khí như đã được huấn luyện. Làm CPR (hồi sức tim phổi) nếu cần thiết. Chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện hay cơ sở y tế gần nhất.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)	KHÔNG gây nôn ói. Nếu nôn ói xuất hiện, nghiêng bệnh nhân về phía trước hay đặt ở bên trái (vị trí đầu cúi xuống, nếu có thể) để duy trì đường thở và ngăn ngừa sự nuốt vào. Theo dõi bệnh nhân cẩn thận. Không bao giờ đưa chất lỏng đến một người có các dấu hiệu đang buồn ngủ hay giảm sự nhận biết; là thở nên không còn tỉnh táo. Đưa nước (hay sữa) để súc miệng, sau đó cung cấp chất lỏng chậm rãi và liều lượng mà nạn nhân có thể uống một cách thoải mái nếu còn tỉnh táo. Tím cổ vẫn y tế.

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị

- Sự nhiễm bẩn da nặng và liên tục qua nhiều năm có thể dẫn đến những thay đổi tăng trưởng mô bất thường. Các rối loạn da có trước đó có thể trầm trọng thêm do tiếp xúc với sản phẩm này.
 - Nói chung, sự gây nôn ói là không cần thiết với các sản phẩm độ dẻo cao, khả năng bay hơi thấp, là hầu hết các loại dầu và mỡ.
 - Sự tiêm chích bất ngờ áp suất cao qua da phải được đánh giá đối với sự rách, sự kích ứng và/hoặc hoại mô có thể có.
- CHÚ Ý: Thương tổn có thể có vẻ không nghiêm trọng lúc đầu, nhưng trong vòng vài giờ mô có thể bị sưng, mất màu và rất đau đớn kèm theo hoại tử dưới da kéo dài. Sản phẩm có thể bị đẩy qua các khoảng cách đáng kể dọc theo bề mặt mô.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÒA HOẠN

Các chất dập cháy thích hợp

- Xịt nước hay sương.
- Bọt.
- Hóa chất dạng bột khô
- BCF (khi các qui định cho phép).
- Cacbon dioxit.

Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất nền hoặc hỗn hợp

SỰ KHÔNG THÍCH HỢP VỚI LỬA	Tránh làm bắn bằng các tác nhân oxy hóa như nitrat, các axit oxy hóa, chất tẩy clo, clo lỏng ... vì sự phát lửa có thể xảy ra
----------------------------	---

Hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	Báo cho Đội Phòng Cháy Chữa Cháy biết địa điểm và tình trạng hỏa hoạn. Mặc đồ bảo hộ toàn bộ cơ thể và đeo mặt nạ chống khí độc vào. Bắt tắt cả các phương tiện sẵn có, ngăn không cho hóa chất tiếp xúc với nguồn nước hoặc ống dẫn nước. Dùng nước khổng chế ngọn lửa và làm mát tại chỗ.
Xếp loại về tính cháy	Có thể cháy. Hiểm khi gây hỏa hoạn khi nhiệt độ cao hay có lửa ngọn. Nhiệt lượng có thể gây ra sự giãn nở hay phân hủy làm nổ các thùng chứa. Khí cháy có thể tạo khí độc cac-bon mo-no-xit (CO). Các sản phẩm đốt cháy bao gồm: , cac-bon di-o-xit (CO2) , O-xit Nitơ (NOx) , O-xit sul-fur (SOx) , Những sản phẩm nhiệt phân khác điển hình của chất hữu cơ dễ cháy. có thể phát ra các hơi độc . Có thể thải khói có tính ăn mòn.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Xem phần 8

Biện pháp phòng ngừa môi trường

Xem phần 12

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ	Trơn trượt khi chảy tràn ra - Di chuyển ngay tắt cả các nguồn phát lửa. - Khăn trương làm sạch toàn bộ chỗ hoá chất bị tràn. - Tránh hít khí độc và không cho tiếp xúc với da và mắt.
------------------------------	--

	▶ Hạn chế tiếp xúc bằng cách sử dụng các trang thiết bị bảo hộ.
Khí tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng	Trơn trượt khi chảy tràn ra Khá nguy hiểm. ▶ Làm trống khu vực nhân viên và di chuyển theo chiều gió. ▶ Báo cho Đội Phòng Cháy Chữa Cháy biết địa điểm và tình trạng hỏa hoạn. ▶ Đeo mặt nạ chống khí độc và găng tay bảo vệ vào.

Tư vấn thiết bị bảo vệ cá nhân được chứa trong mục 8 của SDS.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

XỬ LÝ AN TOÀN	Tránh tiếp xúc dưới mọi hình thức, kể cả hít trực tiếp . Mặc trang phục bảo hộ lao động khi thấy có nguy cơ tiếp xúc. Chỉ sử dụng ở khu vực thông thoáng. Tránh để ở chỗ trữ hay hầm chứa . KHÔNG để quần áo bị ướt với vật liệu tiếp xúc với da
Thông Tin khác	Lưu trữ trong các thùng chứa gốc. Giữ các thùng chứa niêm phong an toàn. Không hút thuốc, moi lửa hay các nguồn gây hỏa. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo, mát và thông thoáng.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

THÙNG CHỨA PHÙ HỢP	Kiểm tra tất cả các thùng chứa đã được dán nhãn rõ ràng và không bị rò rỉ.
KHÔNG THÍCH HỢP BẢO QUẢN	CẢN TRỌNG: nước khi tiếp xúc với vật liệu đã được gia nhiệt có thể gây ra hiện tượng sủi bọt hoặc nổ hơi gây ra những vết bỏng nặng do vật liệu nóng bắn ra. Phản tràn ra khỏi thùng đựng có thể gây hỏa hoạn. Tránh phản ứng với chất oxy hoá

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát các thông số

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP (OEL)

DỮ LIỆU VỀ THÀNH PHẦN

Chưa có thông tin

TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP GIỚI HẠN

Thành phần	Tên nguyên vật liệu	TEEL-1	TEEL-2	TEEL-3
Stabilis 9125	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

Thành phần	IDLH ban đầu	IDLH sửa đổi
paraffinic distillate, heavy, hydrotreated (severe)	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
isotridecanol	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
sodium petroleum sulfonate	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

Kỹ thuật điều khiển thích hợp	Phải thường xuyên thông gió để rút khí bên trong ra ngoài. Nếu có nguy cơ tiếp xúc với chất này quá nhiều, đeo mặt nạ phòng hơi độc được công nhận. Điều chỉnh mặt nạ cho phù hợp là rất cần thiết để đạt được tính bảo vệ đầy đủ. Mặt nạ chống hơi độc loại có cung cấp không khí phải được đeo trong các tình huống đặc biệt.
Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc	
Bảo vệ mắt và khuôn mặt	▶ Kính an toàn với che chắn hai bên. ▶ Kính bảo hộ hóa chất. ▶ Kính tiếp xúc gây ra một nguy cơ đặc biệt; kính mềm có thể hấp thụ các chất kích ứng và tất cả các kính đều tập trung chúng. KHÔNG mang kính tiếp xúc.
Bảo vệ da	Xem bảo vệ tay dưới đây
Bảo vệ tay / chân	Mang găng bảo hộ hóa chất, như PVC. Mang một đôi giày an toàn hay ủng cao su an toàn, như cao su Chú ý: Hoá chất có thể làm cho da nhạy cảm dễ bị nhiễm bệnh. Nên cẩn thận khi cởi bỏ bao tay và những thiết bị bảo vệ khác để tránh tất cả các tiếp xúc có thể xảy ra với da. Quá trình lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào vật liệu mà còn phụ thuộc vào ký hiệu chất lượng có thể khác nhau tùy theo từng nhà sản xuất. Hóa chất là quá trình pha chế một số chất khác nhau, khả năng chống chịu của vật liệu sản xuất găng tay không thể được tính toán trước và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.

	Phải yêu cầu nhà sản xuất gắng tay bảo hộ cung cấp thời gian xuyên thủng chính xác dành cho các chất và tuân thủ khi đưa ra lựa chọn cuối cùng. Tính phù hợp và độ bền của loại gắng tay phụ thuộc vào cách sử dụng.
Bảo vệ thân thể	Xem bảo vệ khác dưới đây
Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố	Mặc quần áo bảo hộ lao động. Đeo tạp dề. Thoa kem chống nhiễm trùng da. Dùng kem làm sạch da.
Nhiệt nguy hiểm	Chưa có thông tin

Bảo vệ hô hấp

Bộ Lọc Loại A-P có đủ công suất

Không sử dụng mặt nạ phòng độc cho mục đích xâm nhập khẩn cấp hay trong những khu vực chưa xác định nồng độ hơi hoặc hàm lượng oxy. Người đeo cần được cảnh báo phải rời khỏi khu vực nhiễm độc ngay lập tức khi phát hiện thấy có mùi lọt qua mặt nạ. Mùi đó cho biết có thể mặt nạ không hoạt động chính xác, nồng độ hơi quá cao hoặc mặt nạ đã không được lắp đúng. Do những giới hạn này nên mặt nạ phòng độc chỉ nên được sử dụng một cách hạn chế.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản

Sự thể hiện	Chưa có thông tin		
Trạng thái vật lý	chất lỏng	Tỉ trọng tương đối (Nước =1)	0.865
Mùi đặc trưng	Chưa có thông tin	Hệ phân số n-octanol / nước	Chưa có thông tin
Mùi ngưỡng	Chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C)	Chưa có thông tin
Độ PH	9.25 (5% solution with water)	nhiệt độ phân hủy	Chưa có thông tin
Điểm nóng chảy (°C)	Chưa có thông tin	Độ nhớt (cSt)	35.1 @ 40C
Điểm sôi (°C)	Chưa có thông tin	Trọng lượng phân tử (g/mol)	Không phù hợp
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	190	Hương vị	Chưa có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi	Chưa có thông tin	Đặc tính nổ	Chưa có thông tin
Tính dễ cháy	Không phù hợp	Đặc tính Oxy hóa	Chưa có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)	Chưa có thông tin	Sức căng bề mặt (dyn/cm or mN/m)	Chưa có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)	Chưa có thông tin	Thành phần bay hơi (% khối lượng)	Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (kPa) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Chưa có thông tin	Nhóm Gas	Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước	Có thể trộn	pH của dung dịch (1%)	Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Chưa có thông tin	VOC g/L	Chưa có thông tin

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định	Xem mục 7
Hóa chất ổn định	Xuất hiện các chất không phù hợp. Sản phẩm được xem là ổn định. Sự trùng hợp hóa học nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Khả năng phản ứng	Xem mục 7
Điều kiện để tránh	Xem mục 7
Các vật liệu không tương thích	Xem mục 7
Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy	Xem phần 5 ▶ ▶ ▶

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Stabilis 9125	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
paraffinic distillate, heavy, hydrotreated (severe)	ĐỘC TÍNH	NGỪA
	Da (thỏ) LD50: >2000 mg/kg ^[1]	Chưa có thông tin

	Hít vào (chuột cống) LD50: >3.9 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: >4.7 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: >5 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: >5.2 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: >5.3 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: 10.5 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: 5.7 mg/l/4hr ^[1]	
	Hít vào (chuột cống) LD50: 9.6 mg/l/4hr ^[1]	
	Miệng (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg ^[1]	
alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated	ĐỘC TÍNH	NGŨA
	Da (thỏ) LD50: 2000 mg/kg ^[1]	Chưa có thông tin
	Miệng (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg ^[2]	
isotridecanol	ĐỘC TÍNH	NGŨA
	Da (thỏ) LD50: 2600 mg/kg ^[2]	Eye (rabbit): moderate *
	Miệng (chuột cống) LD50: >2000 mg/kg ^[1]	
sodium petroleum sulfonate	ĐỘC TÍNH	NGŨA
	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

Ghi chú: 1 Giá trị thu được từ chất châu Âu ECHA viên -. Độc tính cấp tính 2 giá trị thu được từ SDS của nhà sản xuất trừ khi dữ liệu được quy định khác chiết xuất từ RTECS - Đăng ký của hiệu ứng độc hại của các chất hóa học.

ALCOHOLS C16-18 AND C18-UNSATURATED, ETHOXYLATED	Chất liệu này có thể gây rát da sau một thời gian dài tiếp xúc nhiều lần. Vùng da bị tiếp xúc với chất này sẽ bị đỏ lên, sưng, nổi mụn nước. Có vảy và dày lên.
ISOTRIDECANOL	Chất này gây kích ứng mắt nhẹ; tiếp xúc lâu dài sẽ gây viêm. Tiếp xúc nhiều lần và tiếp xúc trong khoảng thời gian dài sẽ gây chứng bệnh viêm kết mạc.

Độ độc cấp tính	✔	Tính gây ung thư	⊘
Kích ứng da / ăn mòn	⊘	sinh sản	⊘
Thiệt hại mắt nghiêm trọng / kích thích	⊘	STOT - duy nhất tiếp xúc	✔
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	⊘	STOT tiếp xúc lặp đi lặp lại	⊘
Tính gây biến dị	⊘	Nguy hại khi hít	⊘

Ghi chú:
❌ – Dữ liệu có sẵn nhưng không điền vào các tiêu chí phân loại
✔ – Dữ liệu cần thiết để thực hiện phân loại có sẵn
⊘ – Dữ liệu Chưa xác định để thực hiện phân loại

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính với sinh vật

Stabilis 9125	LOẠI NGŨỜNG	CHU KỲ ẢNH HƯỞNG (GIỜ)	LOẠI SINH VẬT	KẾT QUẢ	NGUỒN
	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp
paraffinic distillate, heavy, hydrotreated (severe)	LOẠI NGŨỜNG	CHU KỲ ẢNH HƯỞNG (GIỜ)	LOẠI SINH VẬT	KẾT QUẢ	NGUỒN
	EC50	48	Giáp xác	>1000mg/L	1
	EC50	96	Không phù hợp	>1000mg/L	1
	NOEC	504	Giáp xác	>1mg/L	1
alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated	LOẠI NGŨỜNG	CHU KỲ ẢNH HƯỞNG (GIỜ)	LOẠI SINH VẬT	KẾT QUẢ	NGUỒN
	NOEC	720	Cá	0.11-0.28mg/L	2
isotridecanol	LOẠI NGŨỜNG	CHU KỲ ẢNH HƯỞNG (GIỜ)	LOẠI SINH VẬT	KẾT QUẢ	NGUỒN
	LC50	96	Cá	0.55mg/L	2
	EC50	48	Giáp xác	=0.19mg/L	1

	EC50	72	Không phù hợp	0.254mg/L	2
	NOEC	504	Giáp xác	0.0016mg/L	2
sodium petroleum sulfonate	LOẠI NGƯỠNG	CHU KỲ ẢNH HƯỞNG (GIỜ)	LOẠI SINH VẬT	KẾT QUẢ	NGUỒN
	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp	Không phù hợp

Ghi chú: Được trích xuất từ 1. Dữ liệu độc tính IUCLID 2. Đăng kí hóa chất ECHA Châu Âu – Thông tin độc hại sinh thái – Độc thủy sản 3. EPIWIN Suite V3.12 (QSAR) – Dữ liệu độc thủy tính (ước tính) 4.US EPA, Cơ sở dữ liệu Ecotox – Đánh giá dữ liệu độc thủy tính 5. ECETOC Dữ liệu đánh giá nguy hiểm thủy tính 6. NITE (Nhật Bản) – Dữ liệu Bioconcentration 7. METI (Nhật Bản) – Dữ liệu Bioconcentration 8. Dữ liệu bán hàng

Rất độc đối với sinh vật thủy.
KHÔNG chảy vào cống hay đường nước.

Tính bền và phân hủy

Thành phần	Bền: Nước / Đất	Bền: Không khí
	Không có dữ liệu có sẵn cho tất cả các thành phần	Không có dữ liệu có sẵn cho tất cả các thành phần

Tiềm năng tích lũy sinh học

Thành phần	Tích lũy sinh học
	Không có dữ liệu có sẵn cho tất cả các thành phần

Tính di động trong đất

Thành phần	Di động
	Không có dữ liệu có sẵn cho tất cả các thành phần

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Phương pháp xử lý chất thải

Cách xử lý Sản phẩm / Bao bì	KHÔNG để cho nước từ thiết bị làm sạch chảy vào cống. Thu lại tất cả nước rửa để xử lý trước khi thải ra. - Tái chế bất cứ nơi nào có thể hay hỏi ý kiến của nhà sản xuất về các cách tái chế để lựa chọn. - Tham khảo ý kiến của cơ quan xử lý chất thải trên mặt đất của nhà nước (State Land Waste Authority) để biết cách xử lý. - Chôn hay thiêu hủy chất cặn bã ở một địa điểm được cho phép - Tái chế bao bì nếu có thể hay vứt bỏ ở một bãi rác được cho phép
------------------------------	---

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Những nhân được yêu cầu

Ô nhiễm môi trường nước	không
-------------------------	-------

Vận chuyển đường bộ (UN): Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm

Air transport (ICAO-IATA / DGR): Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm

Vận tải đường biển (IMDG Code / GGVSee): Không qui định đối với vận chuyển những hàng hóa nguy hiểm Vận

chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL và mã IBC

Không phù hợp

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Ngày tháng biên soạn Phiếu

PARAFFINIC DISTILLATE, HEAVY, HYDROTREATED (SEVERE)(64742-54-7.) ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN CÁC DANH SÁCH QUI ĐỊNH SAU

Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC) - Đại lý Phân loại theo các chuyên khảo IARC

ALCOHOLS C16-18 AND C18-UNSATURATED, ETHOXYLATED(68920-66-1) ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN CÁC DANH SÁCH QUI ĐỊNH SAU

Không phù hợp

ISOTRIDECANOL(27458-92-0) ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN CÁC DANH SÁCH QUI ĐỊNH SAU

Không phù hợp

SODIUM PETROLEUM SULFONATE(68608-26-4) ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN CÁC DANH SÁCH QUI ĐỊNH SAU

Không phù hợp

Tóm tắt quốc gia	Tình trạng
------------------	------------

Australia - AICS	Y
Canada - DSL	Y
Canada - NDSL	N (sodium petroleum sulfonate; paraffinic distillate, heavy, hydrotreated (severe); alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated; isotridecanol)
China - IECSC	Y
Europe - EINEC / ELINCS / NLP	Y
Japan - ENCS	N (alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated; isotridecanol)
Korea - KECI	Y
New Zealand - NZIoC	Y
Philippines - PICCS	Y
USA - TSCA	Y
Ghi chú:	Toàn bộ thành phần đã được kiểm tra Không xác định hoặc một hoặc nhiều hơn các yếu tố chưa được kiểm tra và không được miễn khỏi danh sách (xem những thành phần đặc biệt trong dấu ngoặc)

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Các thông tin khác

Thành phần với nhiều số CAS

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS
alcohols C16-18 and C18-unsaturated, ethoxylated	68920-66-1, 8065-81-4, 37335-03-8
sodium petroleum sulfonate	68608-26-4, 68918-05-8

Phân loại chất pha chế và các thành phần riêng biệt của nó đã được chính thức xác nhận và cho phép bởi thẩm quyền cũng như đánh giá độc lập bởi ủy ban Phân loại Chemwatch sử dụng tài liệu tham khảo có sẵn.

Định nghĩa và chữ viết tắt

Tài liệu này được bảo hộ bản quyền, ngoài việc sử dụng cho mục đích nghiên cứu cá nhân, xem xét hay phê bình, theo luật bản quyền, không một thông tin nào được tái sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự cho phép bằng văn bản từ CHEMWATCH. ĐIỆN THOẠI (+61 3 9572 4700)

CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY MINH HÒA

KIẾN MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

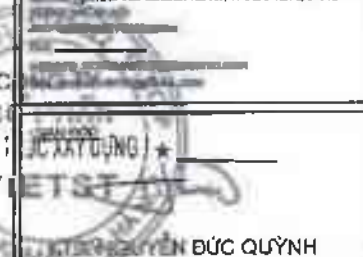
SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC

XÂY DỰNG VIETST

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ VẬT DOLLEN HEART, VINACON HEN 2, ĐƯỜNG



KTS. HOÀNG MINH NGHĨA

THIẾT KẾ:

KTS. ĐÌNH VĂN THIỀU

KIỂM:

KTS. NGUYỄN THANH VÂN

TÊN BẢN VẼ:

MB CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

TỈ LỆ	1/100
BỘ MÔ SƠ	TKBVTG
NGÀY PHÁT HÀNH	/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT-01

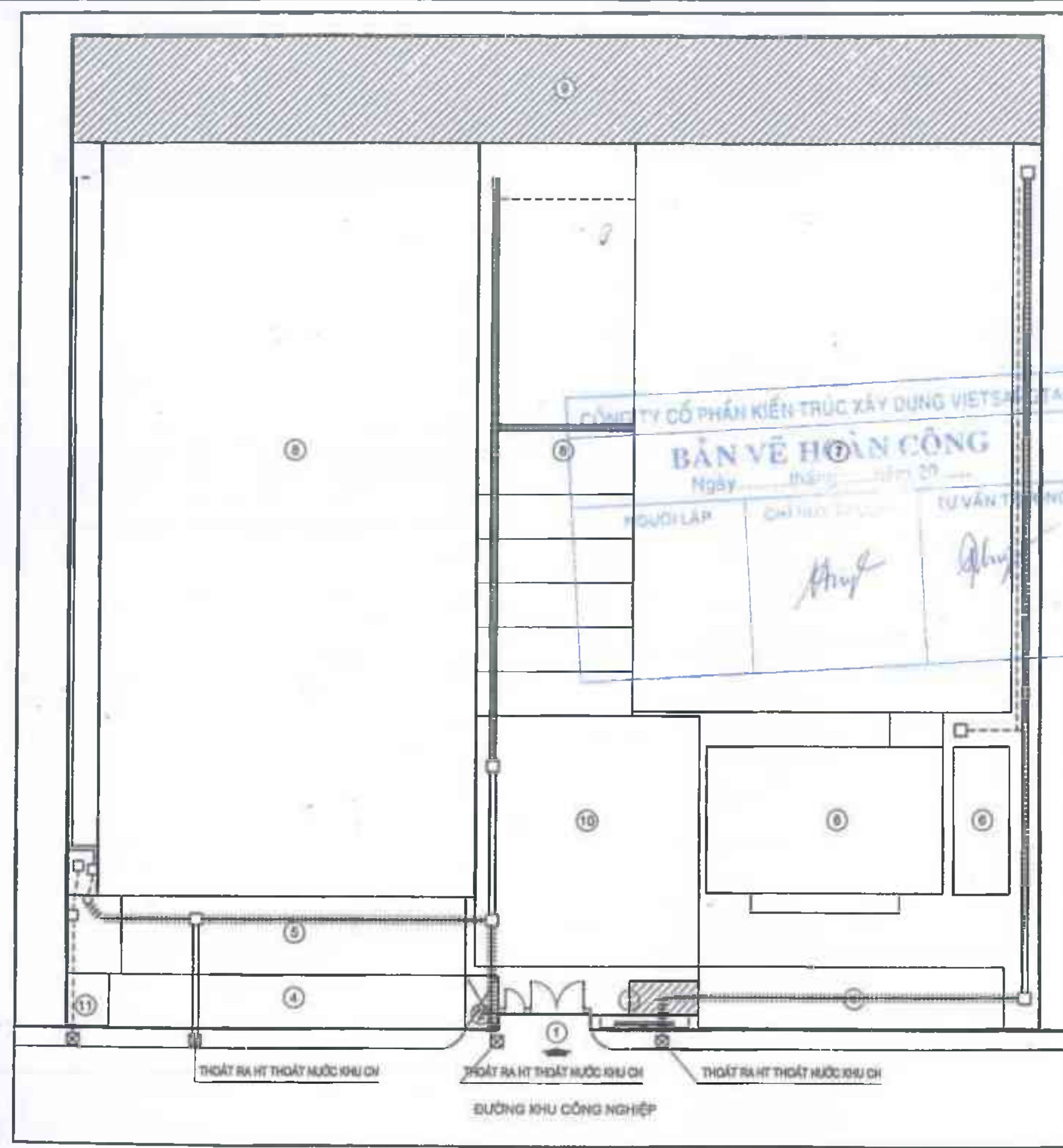
GHI CHÚ

- 1- CỐNG VÀO NHÀ MÁY
- 1- NHÀ TRỤC, AN NINH
- 3- NHÀ KHO 1 TẦNG
- 4- NHÀ ĐỂ XE CÁN BỘ CÔNG NHÂN
- 6- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 6- KHU VĂN PHÒNG LÀM VIỆC 3 TẦNG
- 7- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 8- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 9- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 10- MÁI Vòm TRUNG TÂM
- 11- TRẠM BIẾN ÁP

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

HIỆN TẠI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI VÀ THOÁT NƯỚC MƯA,
ĐI CHUNG CÙNG HỆ THỐNG DẪN ĐẾN VIỆC NƯỚC THẢI RA
NGOÀI NHÀ MÁY KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN CÓ
- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN CÓ
- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN CÓ



M. BẢNG TỔNG THỂ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

THÔNG TIN THỰC TRẠNG

STT	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP
1	10-42	91			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
2	10-43		2		CÔNG THỨC D 300 LẮP MỚI, BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
3	10-44				CÔNG THỨC D 300 LẮP MỚI, BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
4	10-45			6	NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
5	10-46		30		CÔNG THỨC D 300 LẮP MỚI, BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
6	10-47	2			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
7	10-48	20			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
8	10-49	10			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
9	10-50	11.5			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
10	10-51	6.6			NHÀ XÂY MỚI, CAO ĐỘ BÊN TRONG BẢNG CAO ĐỘ MẶT NƯỚC ĐÓ
11	M 123456789				HỒ GAS THOÁT NƯỚC MẶT XÂY MỚI
12	TỔNG CỘNG	50	20	6	

XỬ LÝ ỚNG CỦA DÂY

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETSTANGTAO
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....
NGƯỜI LẬP.....CHỈ HUY THI CÔNG.....TƯ VẤN KIẾN TRÚC.....

CHỈ DẪN

- 1- CÔNG VÀO NHÀ MÁY
- 1- NHÀ TRÚC, AN NINH
- 3- NHÀ KHO 1 TẦNG- BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 3- THÙNG GOM RÁC NƯỚC THẢI NHÀ ẮN KT.
- 4- NHÀ ĐỂ XE CÁN BỘ CÔNG NHÂN
- 5- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 6- KHU VƯỜN PHÒNG LÀM VIỆC 3 TẦNG
- 7- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 8- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 9- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 10- MÔI VƯỜN TRUNG TÂM
- 11- TRẠM BIẾN ÁP

NỘI DUNG CẢI TẠO

XÂY MỚI BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
XÂY MỚI BẾ TÁCH MỖ DƯỚI NHÀ ẮN
XÂY MỚI HỆ THỐNG RẠNH THOÁT NƯỚC MƯA, ỚNG THU NƯỚC
ĐẢM BẢO TOÀN BỘ NƯỚC THẢI ĐƯỢC THU GOM VÀO BẾ XỬ LÝ
TRƯỚC KHI XẢ RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU CN

- ☒ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN CÓ
- ☐ HỆ THỐNG RẠNH THOÁT NƯỚC MƯA XÂY MỚI
- ☐ CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT D 300 LẮP MỚI
- ☐ HỒ GAS THU NƯỚC MƯA XÂY MỚI: 05 CÁI
- ☒ HỒ GAS THU NƯỚC THẢI XÂY MỚI: 01 CÁI

CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

NỘI DUNG

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CHỈ DẪN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

STT	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP	ĐIỂM LẮP
1			
2			
3			



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETST

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. HOÀNG MINH NGHĨA

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. ĐÌNH VĂN THIẾU

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

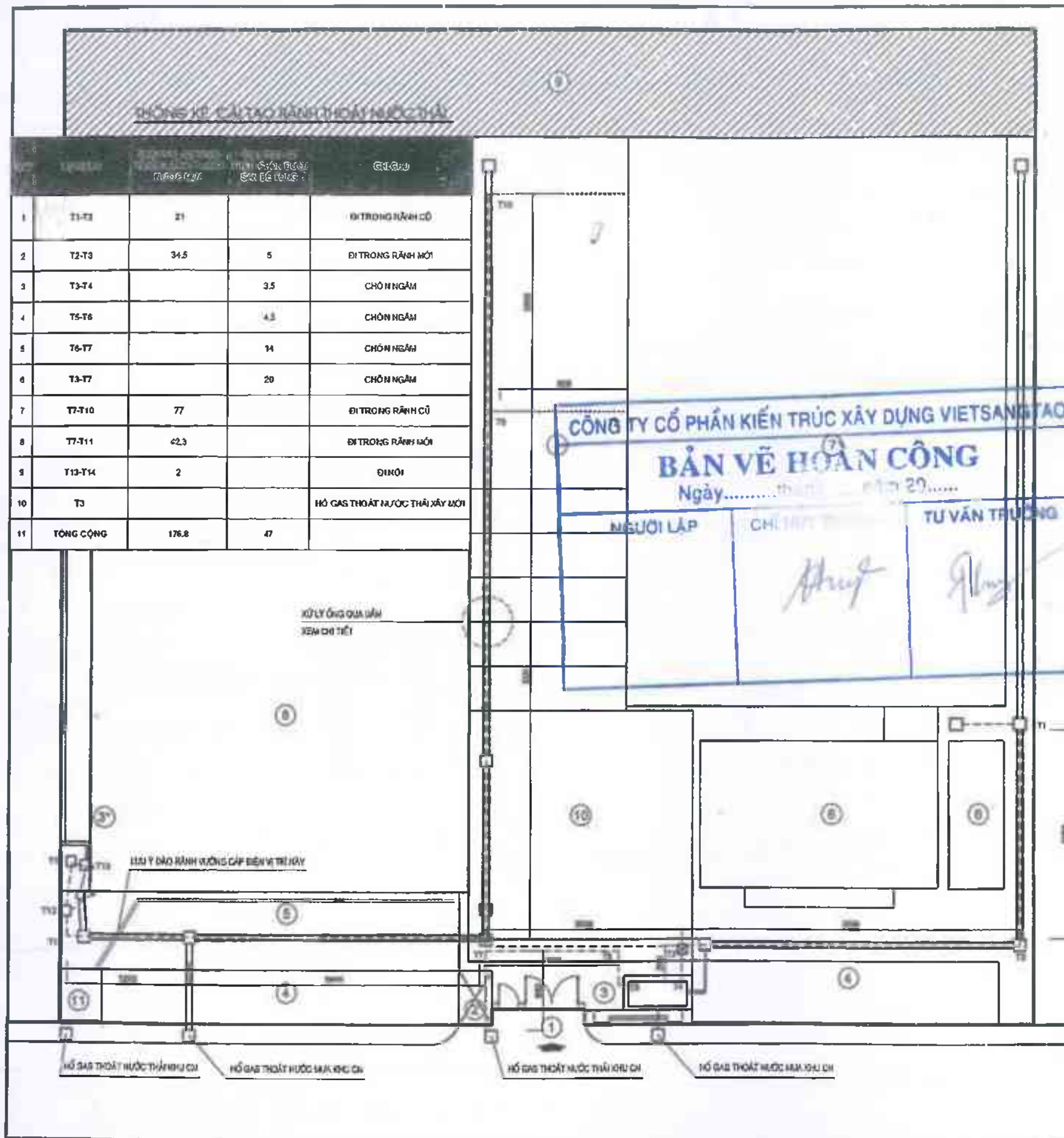
CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CHỖ LẮP THIẾT BỊ
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

M.BẢNG TỔNG THỂ CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



M. BẢNG TỔNG THỂ CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

GHI CHÚ

- 1- CỐNG VÀO NHÀ MÁY
- 1- NHÀ TRỤC, AN NINH
- 3- NHÀ KHU 1 TẦNG- BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 3- THÔNG GOM RÁC NƯỚC THẢI NHÀ ẮN KT.
- 4- NHÀ ĐỂ XE CÁN BỘ CÔNG NHÂN
- 5- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 6- KHU VĂN PHÒNG LÀM VIỆC 3 TẦNG
- 7- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 8- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 3 TẦNG
- 9- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1 TẦNG
- 10- MÃI VỎM TRUNG TÂM
- 11- TRẠM BIẾN ÁP

NỘI DUNG CẢI TẠO

XÂY MỚI BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 XÂY MỚI BẾ TÁCH MỖ DƯỚI NHÀ ẮN
 XÂY MỚI HỆ THỐNG RẠNH THOÁT NƯỚC MƯA, ỚNG THU NƯỚC THẢI
 ĐẢM BẢO TOÀN BỘ NƯỚC THẢI ĐƯỢC THU GOM VÀO BẾ XỬ LÝ
 TRƯỚC KHI XẢ RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU CN

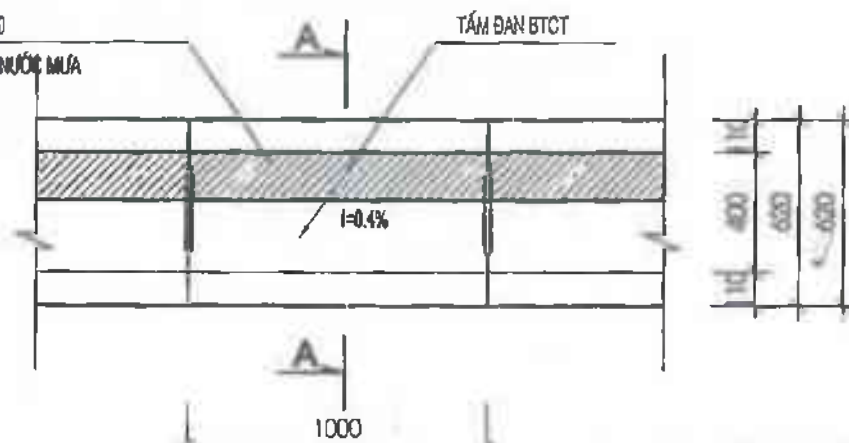
- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- ỚNG THOÁT NƯỚC THẢI LÂM MỚI PVC D 90-160
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT D 300 LÂM MỚI
- HỒ GAS THU NƯỚC MƯA XÂY MỚI: 05 CẦU
- HỒ GAS THU NƯỚC THẢI XÂY MỚI: 01 CẦU

GHI CHÚ

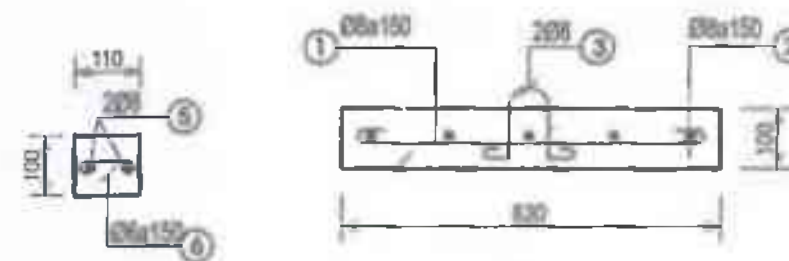
GOM HẾT CÁC ĐƯỜNG ỚNG THOÁT NƯỚC THẢI VÀO HỒ GAS T 12 HIỆN CÓ
 ĐẦU NỐI ỚNG THU NƯỚC THẢI PVC D 160 VÀO HỒ GAS T 12

CÔNG TRÚNG		
CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY MINH HÒA		
PHẠM MỤC		
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA		
SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
GHI CHÚ:		
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETST		
CHỦ TRƯ:		
 KTS. HOÀNG MINH NGHĨA		
THIẾT KẾ:		
 KTS. ĐINH VĂN THIỂU		
THI CÔNG:		
 KTS. NGUYỄN THANH VĂN		
TÊN BẢN VẼ:		
MB CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC		
TỶ LỆ:	1/100	
MÔ HỒ SƠ:	TKBVTC	
NGÀY PHÁT HÀNH:	/2019	
KÝ MẪU BẢN VẼ:	KT-02	

ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC D 160
Treo trên thành rãnh thoát nước mưa



MẶT BẰNG Rãnh THOÁT NƯỚC



MŨ Rãnh

MẶT CẮT B-B

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETSANGTAO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ DẪN

TƯ VẤN TRƯỞNG

ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC D 160
Treo trên thành rãnh thoát nước mưa

TẤM ĐÁN BTCT

GIÀNG BTCT

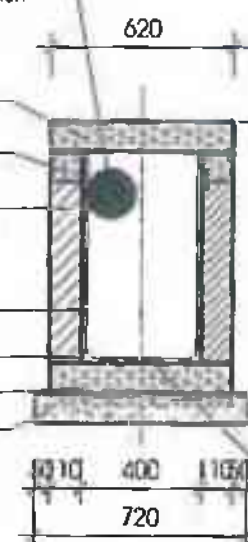
XÂY GẠCH ĐẶC Vữa XM M75

TRÁT Vữa XM M75, DÂY 20

VẾT LÔNG MỎ

LỚT BT ĐÁ 2X4, M150 DÂY 150

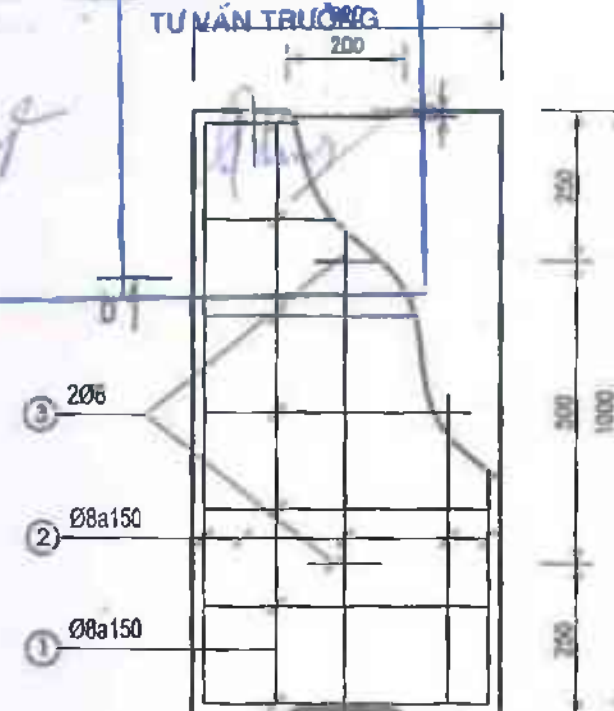
ĐÈM ĐÁ DẦM DÂY 100



MẶT CẮT A-A

MẶT NÉN HOÀN THIÊN

CAO ĐỘ ĐÁY Rãnh LẤY BẰNG CAO ĐỘ Rãnh HIỆN CÓ



BỐ TRÍ THÉP NẮP Rãnh

CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỔI

STT	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

CHỈ CHỮ:



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIETST

VIỆT NAM GIỚI THIỆU THƯƠNG MẠI, VINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



CHỮ TRƯỞNG

KTS. HOÀNG MINH NGHĨA

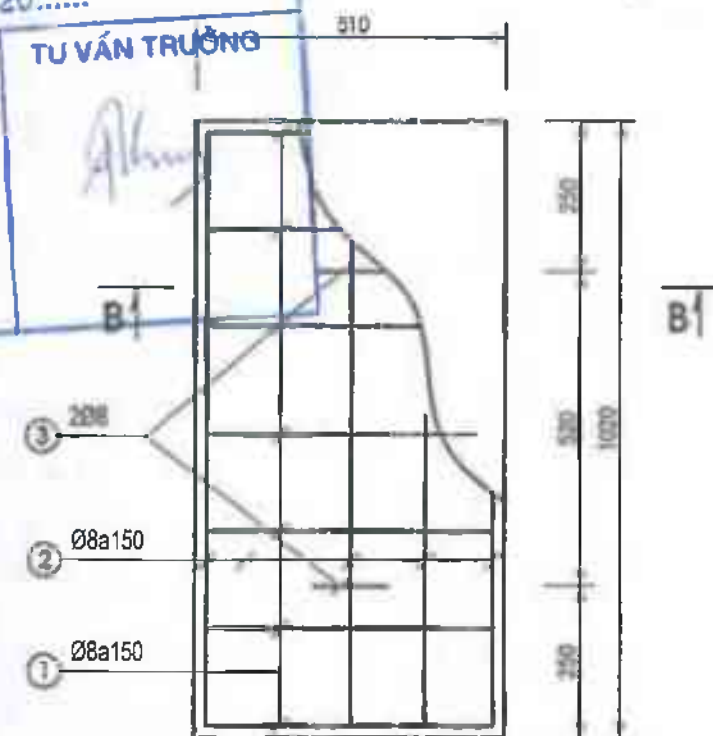
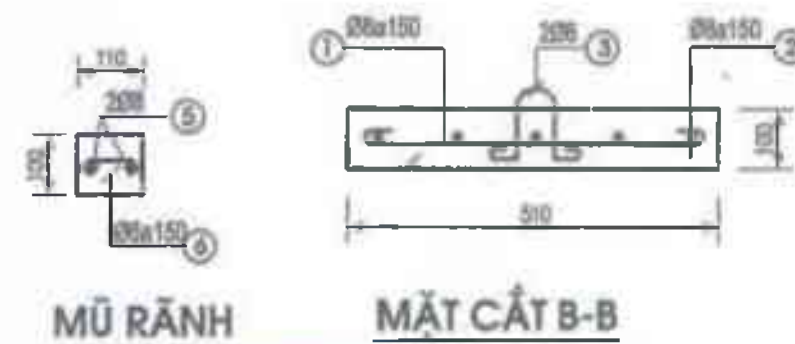
KTS. ĐÌNH VĂN THIẾU

KTS. NGUYỄN THANH VÂN

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT Rãnh THOÁT NƯỚC MƯA XÂY MỚI

CHI TIẾT Rãnh THOÁT NƯỚC MƯA XÂY MỚI

TÊN BẢN VẼ	
ĐỒ HỌ SƠ	TKBVTG
NGÀY PHÁT HÀNH	/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT-03



CHI TIẾT HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA

SL-05 HỒ GA

CÔNG TRÌNH:

**CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA**

HANG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐỀ TỰ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

 CH_3CHO

IETST
SÁNG TẠO GIÁ TRỊ MỚI

CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIỆTST

GDI HEART VACUONEX 2, 6A IN H

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

www.elsevier.com/locate/jmb

000000

1. **KTG. HOÀNG MINH CHỨA**

THIẾT KẾ

KTS DINH VĂN THIẾT I

100

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

TÊN BẢN VẼ:

CT HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA

100

100

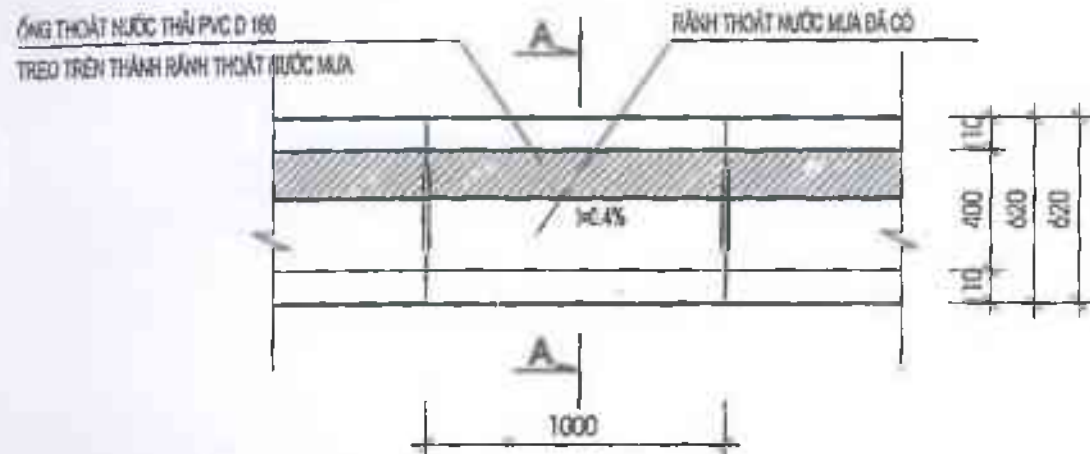
TKBVTG

Η ΕΠΙΣΤΗΜΗ

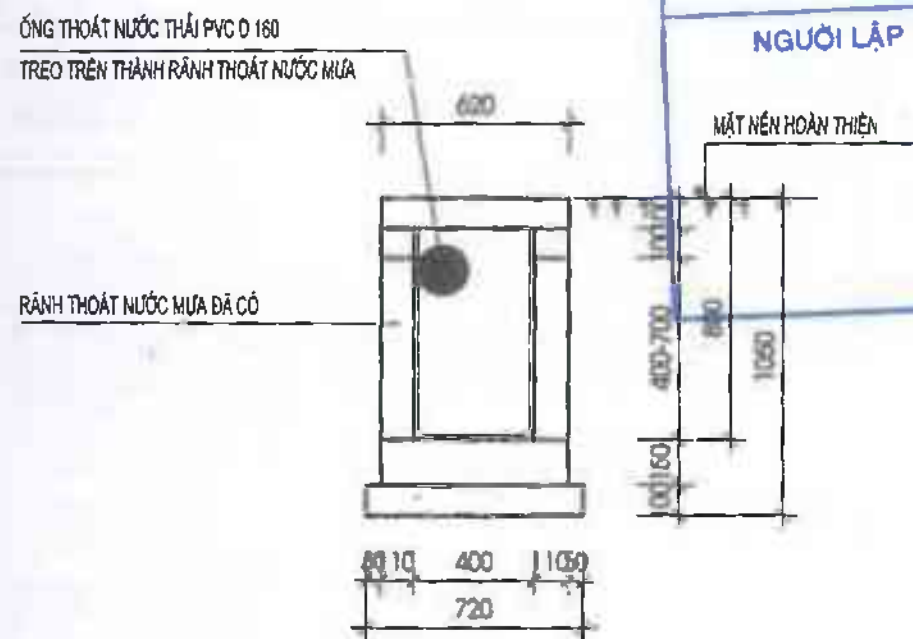
2019

CONCLUSIONS

KT-04



MẶT BẰNG Rãnh THOÁT NƯỚC



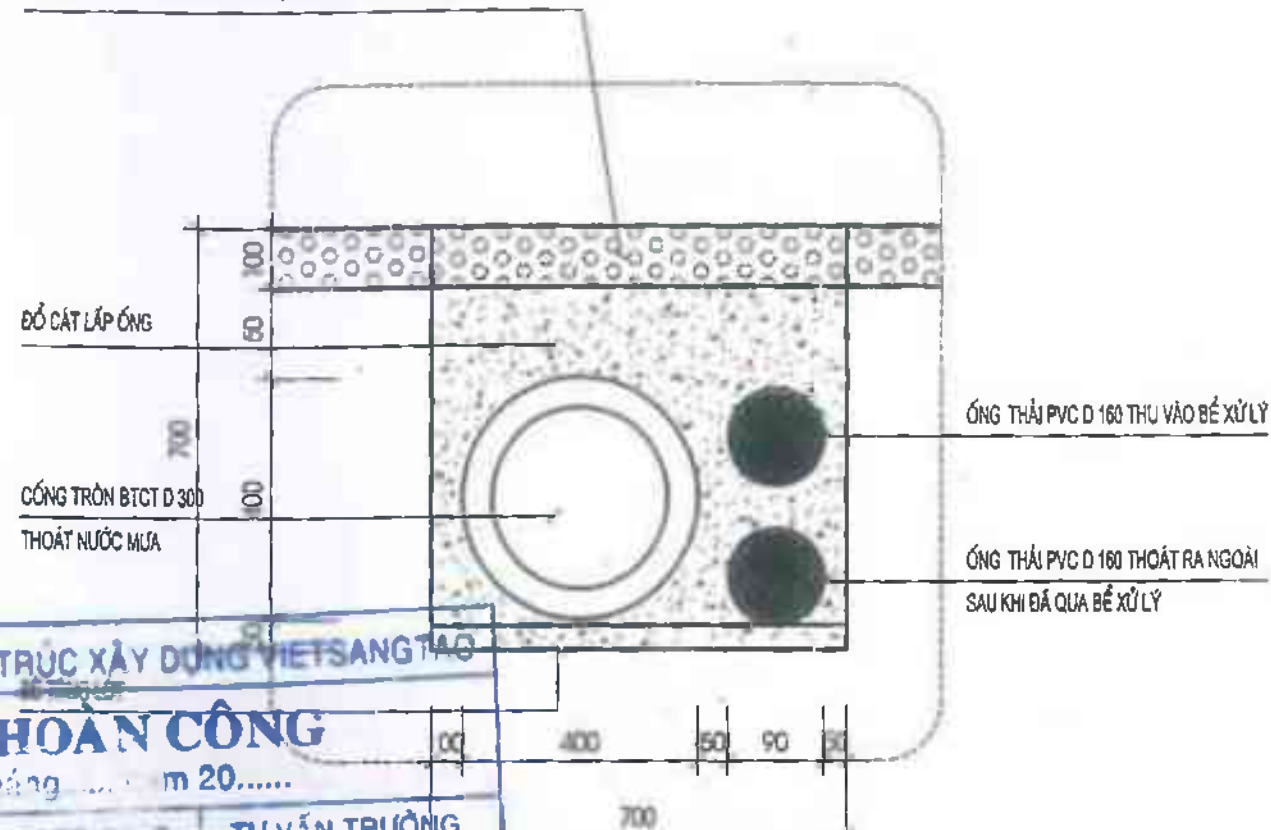
MẶT CẮT A-A

CT Rãnh THOÁT NƯỚC MƯA H. TRẠNG 3: B 400

GHI CHÚ:

- MỞ NẮP TẮM DAN Rãnh HIỆN CÓ, NẠO VẾT Rãnh
- LẮP ĐẶT HT ống PVC THOÁT NƯỚC THẢI, TIED VÀO THÀNH Rãnh HIỆN CÓ

MẶT SÀN BÊ TÔNG, ĐÓ TRÁ LẠI HIỆN TRẠNG SAU KHI ĐÃ CHỖN ống



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETSANG TẠO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

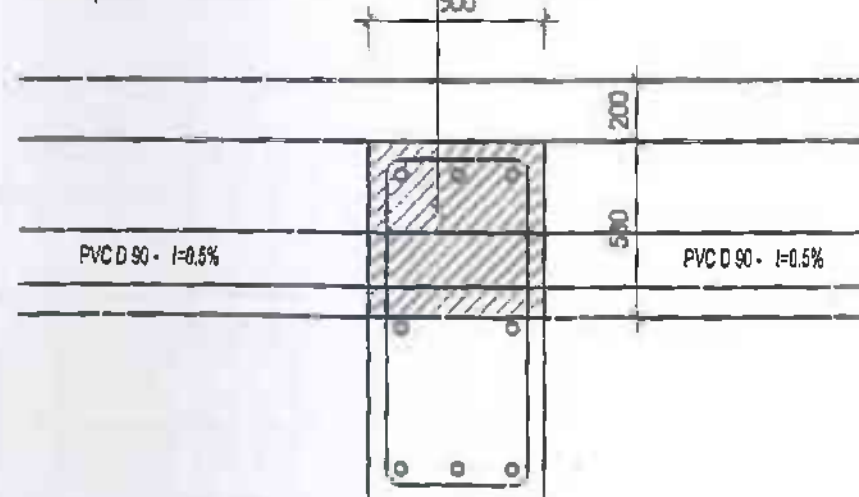
Ngày ... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI LẬP

TU VẤN TRƯỞNG

CT ĐOẠN CHỖN ống T3-T7

ĐƯỢC BỎ 1/2 LỚP BT PHÍA TRÊN DẦM MÓNG
ĐỔ LẠI BT SAU KHI ĐÃ ĐẶT ống THOÁT NƯỚC
DÙNG PHỤ DA LIỀN KẾT BÊ TÔNG



CT XỬ LÝ ống THOÁT NƯỚC QUA DẦM

SL: 06 VỊ TRÍ

CÔNG TRÌNH:

CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỔI:

Lần	Ngày	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIETST

TRỤ SỞ CHÍNH: NHÀ VICT GOLDEN HEART, VALUONEX 2, BAY LON

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

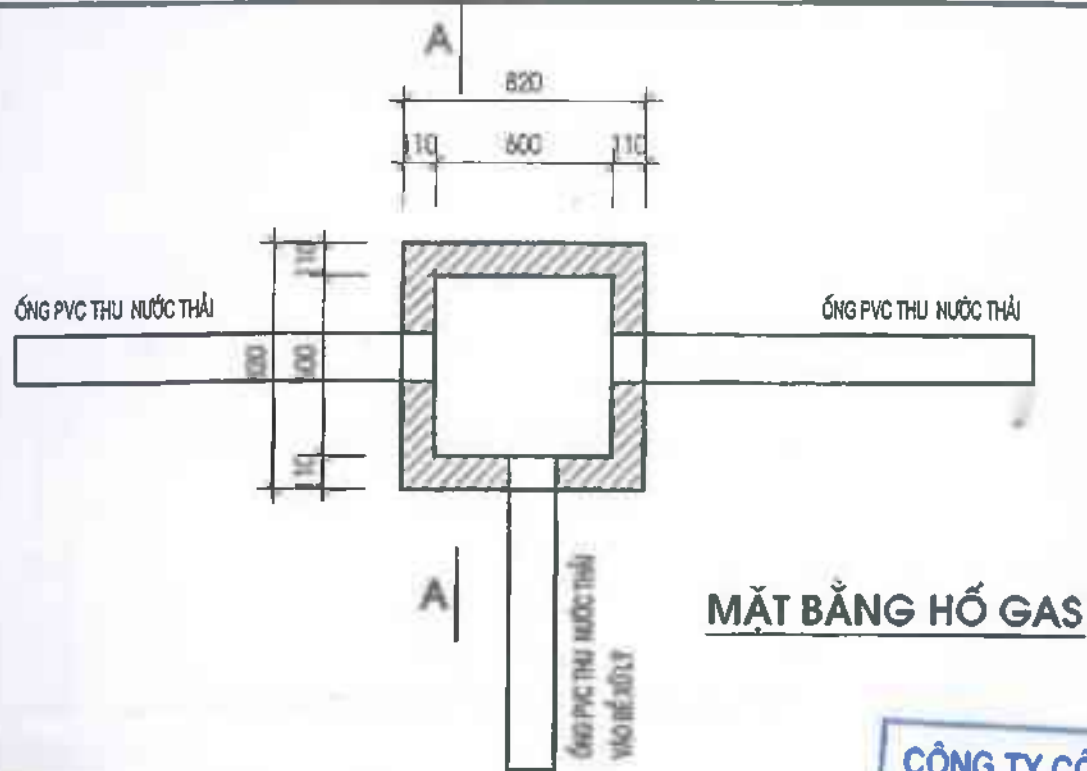
TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG



ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC Ø 160

TẤM ĐẠN BTCT

GIƯỜNG BTCT

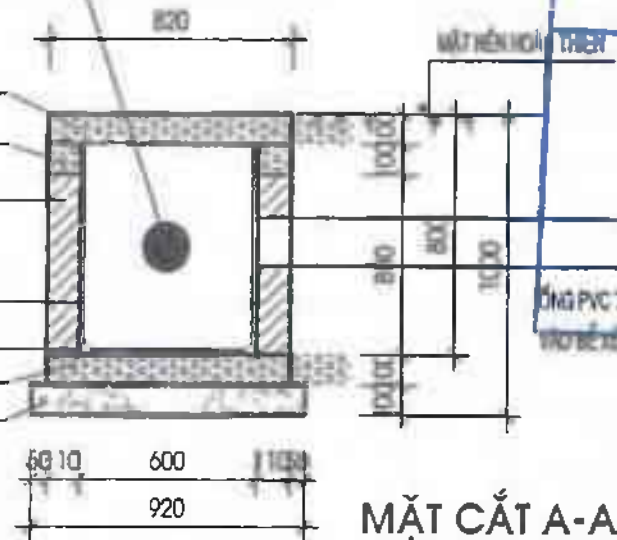
XÂY GẠCH ĐẮC VỮA XM M75

TRÁT VỮA XM M75, DÂY 20

VẾT LÔNG MỎ

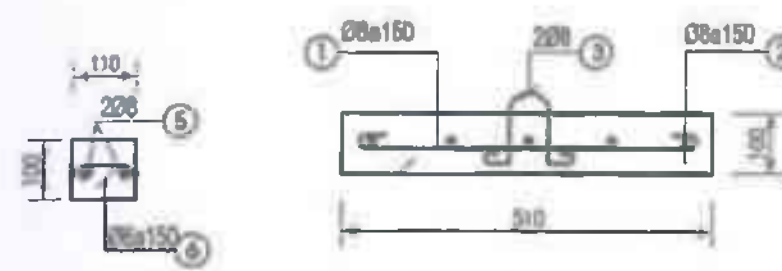
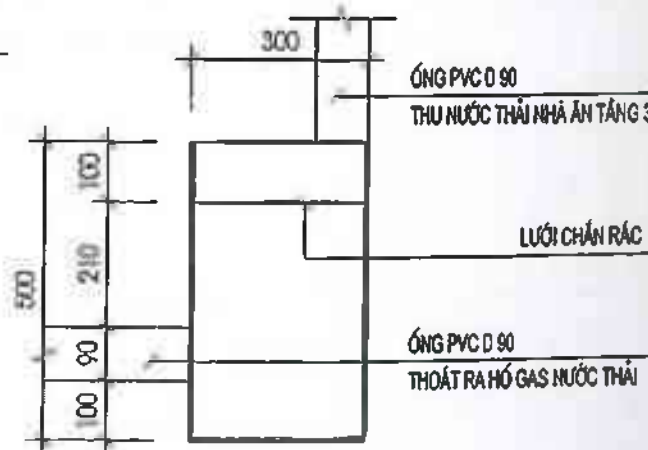
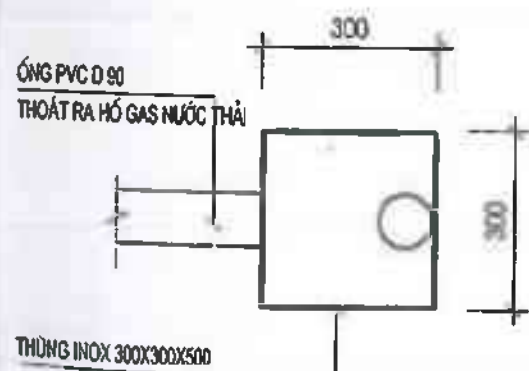
LÓT BT ĐÁ 2X4, M150 DÂY 150

ĐÉM DÁ DẪM DÂY 100



MẶT CẮT A-A

CT THÙNG GOM RÁC NƯỚC THẢI NHÀ ĂN KT:



MŨ RÀNH

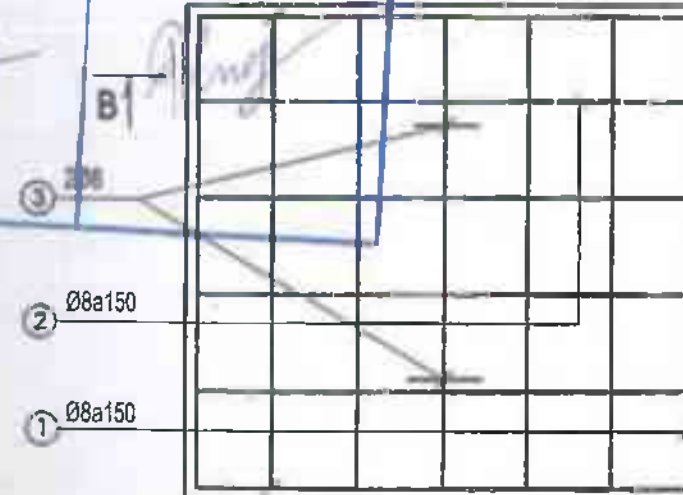
MẶT CẮT B-B

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETSANGTAO
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

TU VẤN TRƯỞNG



BỐ TRÍ THÉP NẮP RÀNH

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

SL: 01 HỐ GA

CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỔI		
TÊN	NGÀY	XÁC NHẬN

CHỈ CHỮ:



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETST



KTS. HOÀNG MINH NGHĨA

KTS. ĐÌNH VĂN THIỀU

KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN	
	TKB/VTC
	/2019
	KT-08

CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

Lần	Ngày	Nội dung
1		
2		
3		



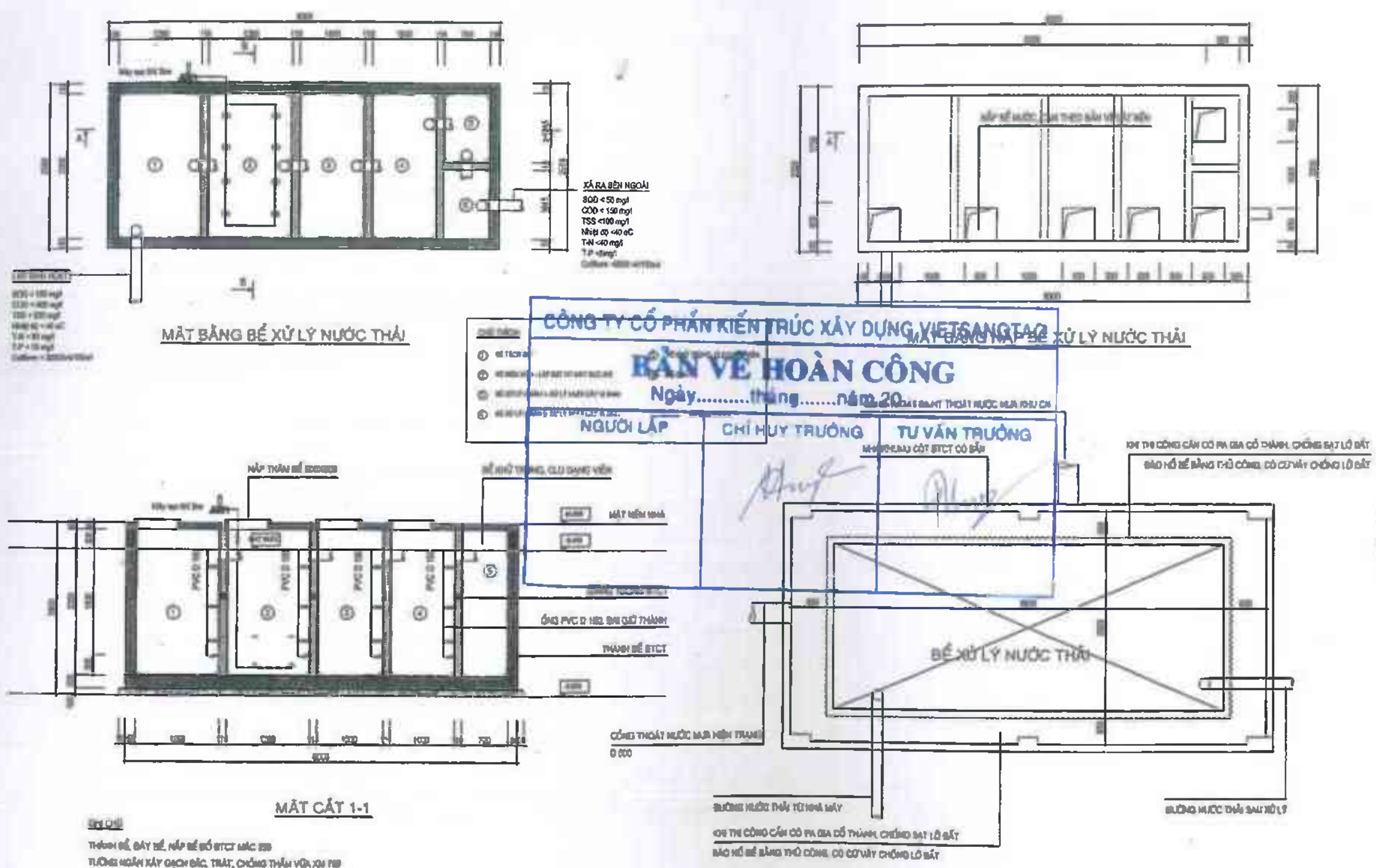
CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIETST

KTS. HOÀNG MINH NGHĨA
KTS. BÌNH VĂN THIỀU
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

KTS. HOÀNG MINH NGHĨA
KTS. BÌNH VĂN THIỀU
KTS. NGUYỄN THANH VÂN

CHI TIẾT BỂ

THẠCH	1/100
THẠCH	TKBVTC
THẠCH	2019
KT. HOÀNG MINH NGHĨA	KT-07



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETST

RÀNG VẼ HOÀN CÔNG

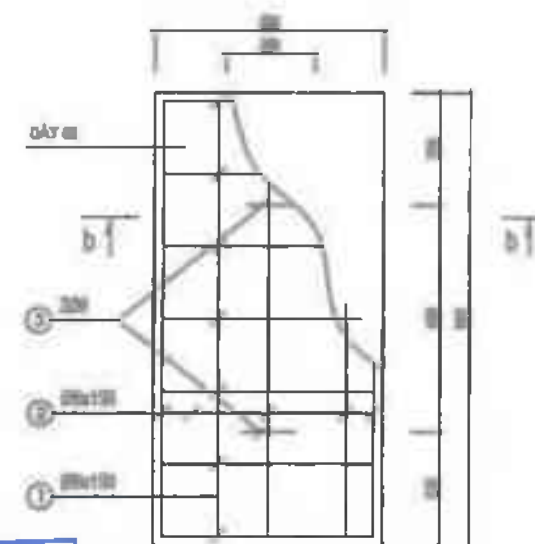
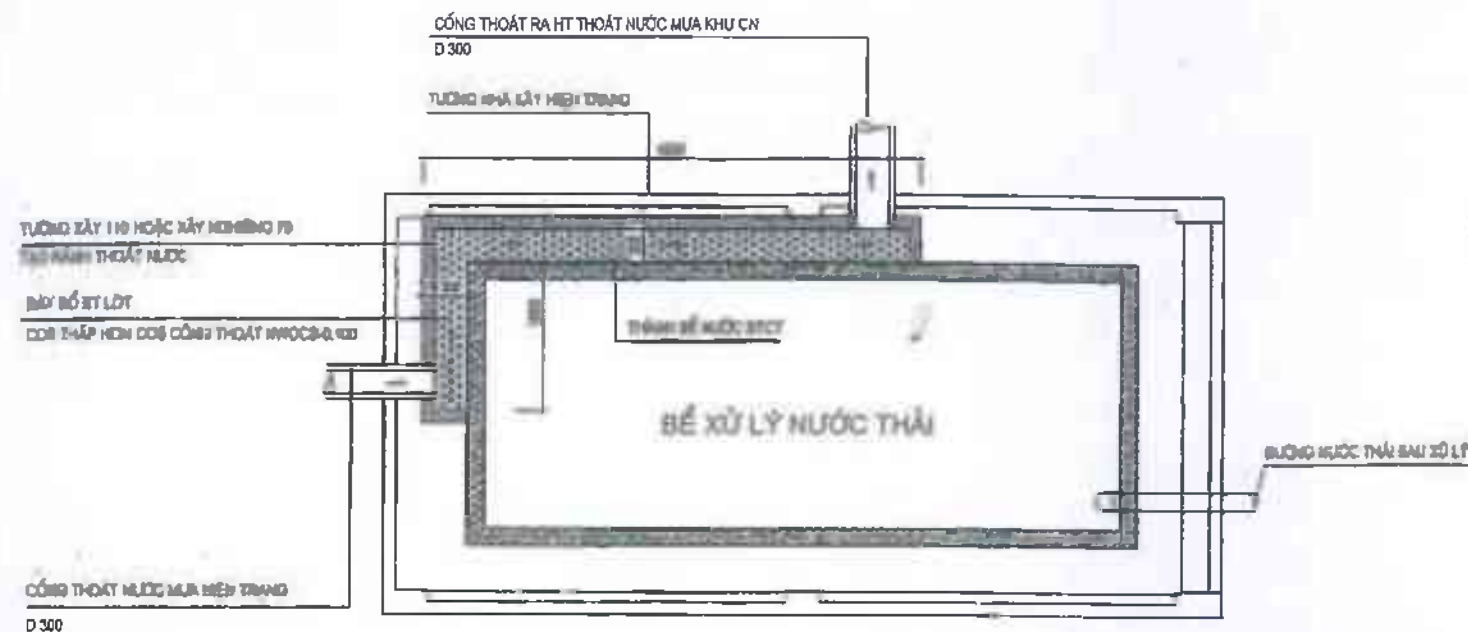
Ngày.....tháng.....năm 20...

NGƯỜI LẬP CHỈ HUY TRƯỞNG TƯ VẤN TRƯỞNG

[Handwritten signatures]

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG THI CÔNG BỂ



MẶT BẰNG XÂY RÀNH THỦY NƯỚC BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIETSANGTAO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

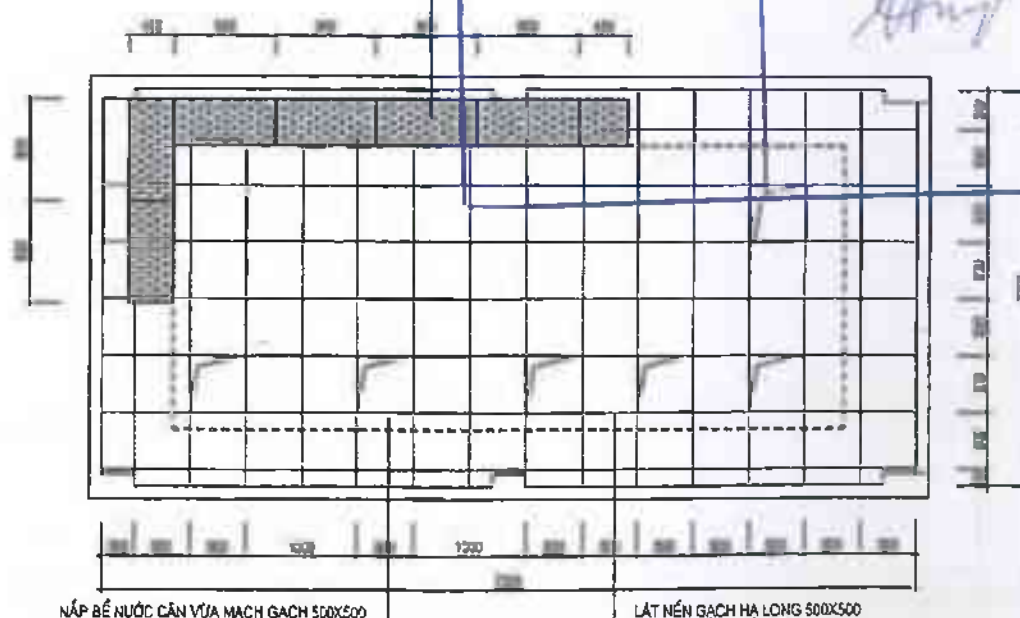
Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY TRƯỞNG

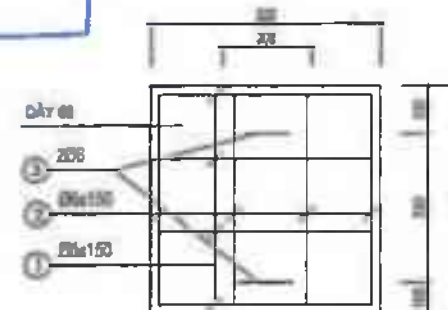
TƯ VẤN TRƯỞNG

TẦM BẾ NƯỚC BTCT DÂY 08 KÉ BẢNG MẶT BẠCH LÁT HÉN



CT RÀNH ĐẠN 1

SL: 06



CT RÀNH ĐẠN 2

SL: 01

MẶT BẰNG LÁT NỀN HOÀN TRẢ SAU THI CÔNG BỂ

CÔNG TRÌNH

CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG	CHỖ ĐÓNG	CHỖ ĐÓNG
1	2	3
4	5	6
7	8	9

CHỖ ĐÓNG



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIETST

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

CHỖ ĐÓNG

TÊN SẴN

CHI TIẾT BỂ

TÊN SẴN

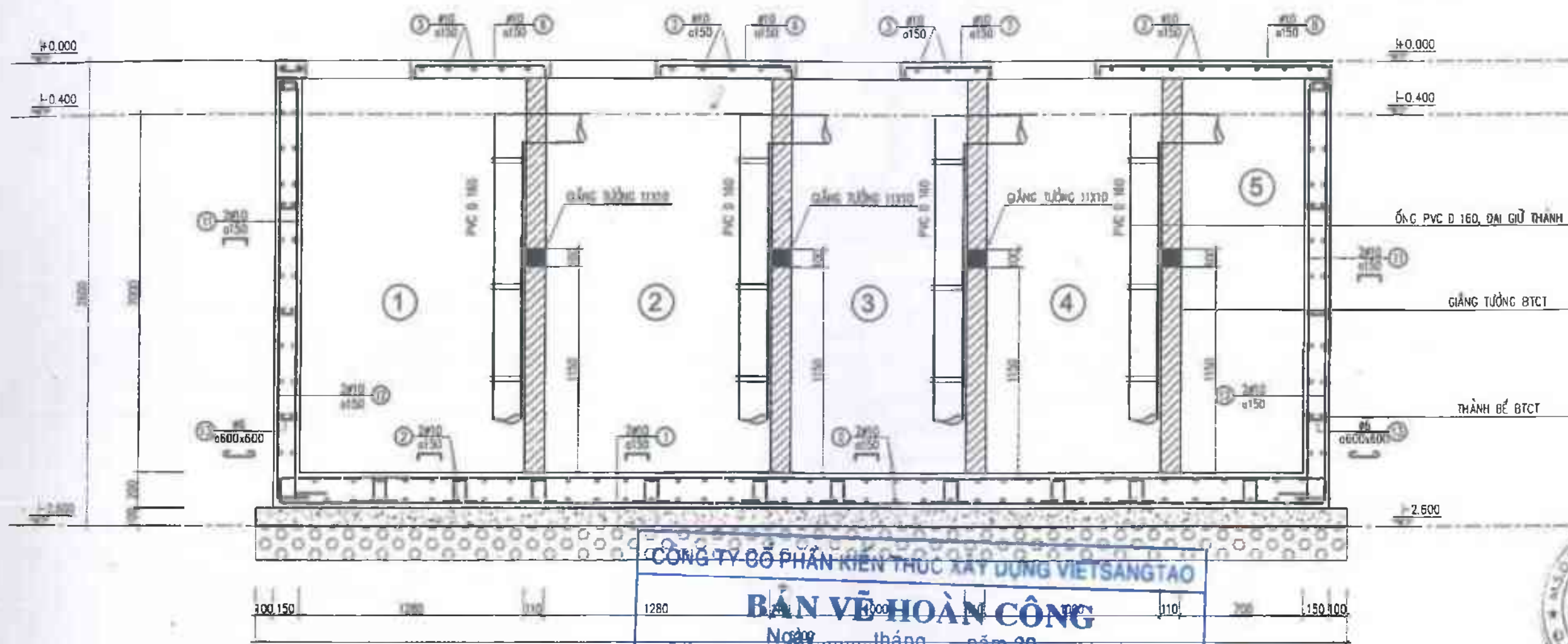
TÊN SẴN

TÊN SẴN

TÊN SẴN

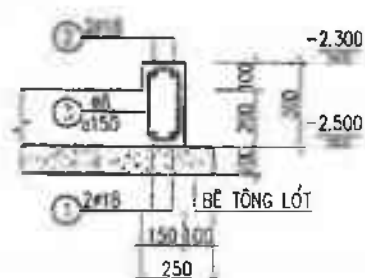
TÊN SẴN

TÊN SẴN



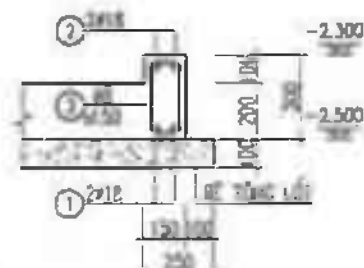
MẶT CẮT DẦM MÓNG DM-1

DM-1: L=2500; SL=02



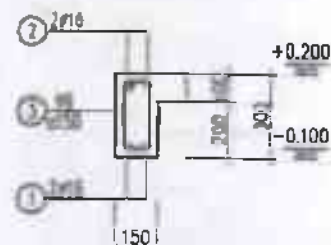
MẶT CẮT DẦM MÓNG DM-2

DM-2: L=6000; SL=02



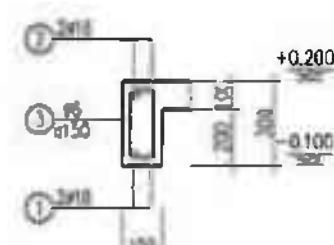
MẶT CẮT DẦM NÁP DN-1

DN-1: L=2500; SL=02



MẶT CẮT DẦM NÁP DN-2

DN-2: L=6000; SL=02



CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

THIẾT KẾ:

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		

CHỈ CHẤM



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIỆTST

C PHÂN

TRẦN CÔNG THÀNH
KIẾN TRÚC SƯ
VIỆTST
10/10, NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

CHỦ TRÌ:

KS. TRẦN CÔNG THÀNH

THIẾT KẾ:

KS. BUI MINH VƯƠNG

THIẾT KẾ:

KS. TRẦN CÔNG THÀNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT

THẠCH 1/100

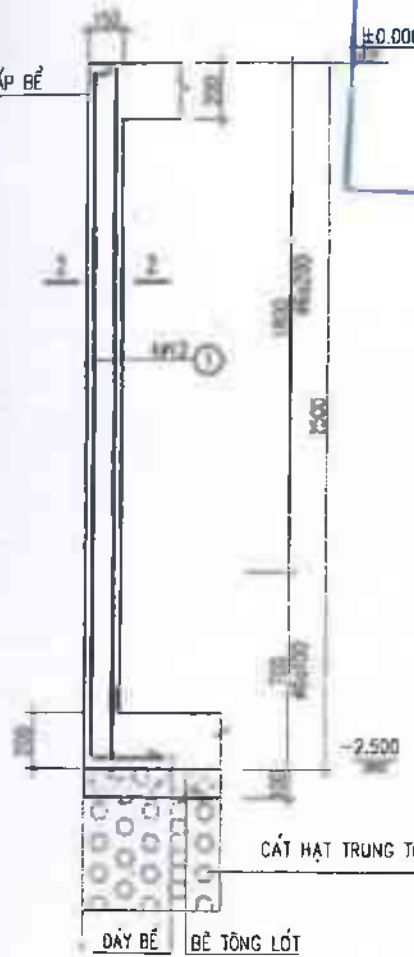
BỘ HỌ TÊN TKBVTC

NGÀY PHÁT HÀNH /2019

KÝ MỆNH BẢN VẼ: KC-02

CỘT C-1 (SL=4)

DẦM SÀN NẤP BỂ



CÁT HẠT TRUNG TỶ NỀN ĐAM CHẶT K=0.95 DÂY 400MM

DÂY BỂ BỂ TÔNG LÓT

MẶT CẮT GIƯỜNG TƯỜNG GT-1

GT-1: L=2500; SL=03



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				1 CK	T. BỘ		
1	5970	170	10	6310	36	36	227.2
2	2470	170	10	2810	80	80	224.8
3	2470	70	10	2610	20	20	52.2
4	1610	70	10	1750	15	15	26.2
5	5970	70	10	6110	8	8	48.8
6	760	70	10	900	8	8	7.2
7	480	70	10	620	4	4	2.5
8	580	70	10	720	4	4	2.9
9	5200	70	10	5340	4	4	21.4
10	970	70	10	1110	4	4	4.4
11	2470	70	10	2610	56	56	146.2
12	2670	70	10	2810	230	230	646.3
13	80 120 80		10	260	100	100	28
KLCT: (KG) Ø10: 886.6							
1	2450	18	2450	2	4	9.8	19.6
2	2450	18	2950	2	4	11.8	23.6
3	100 250 60	6	820	18	36	29.5	6.6
KLCT: (KG) Ø6: 6.6 Ø8: 43.1							
1	5950	18	5950	2	4	23.8	47.5
2	250 5950 250	18	6450	2	4	25.8	51.5
3	100 250 60	6	820	38	76	62.3	13.8
KLCT: (KG) Ø6: 13.8 Ø8: 99.1							
1	2450	16	2450	2	4	9.8	15.5
2	250 2450 250	16	2950	2	4	11.8	18.6
3	100 250 60	6	820	18	36	29.5	6.6
KLCT: (KG) Ø6: 6.6 Ø8: 34.1							
1	5950	16	5950	2	4	23.8	37.6
2	250 5950 250	16	6450	2	4	25.8	40.7
3	100 250 60	6	820	38	76	62.3	13.8
KLCT: (KG) Ø6: 13.8 Ø8: 78.3							
1	200 2800	12	3000	4	16	48	42.6
2	120 120 60	6	600	18	72	43.2	9.6
KLCT: (KG) Ø6: 9.6 Ø12: 42.6							
1	2470	16	2470	1	3	7.4	11.7
KLCT: (KG) Ø16: 11.7							
KLCT: (KG) Ø6: 59.4 Ø10: 886.7 Ø12: 42.6 Ø16: 124.1 Ø18: 142.2							

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY MINH HÒA

HẠNG MỤC

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ MINH HÒA

SỬA ĐỐC

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		

GHI CHÚ:



CÔNG TY CP KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG VIETST



KS. TRẦN CÔNG THÀNH

KS. BÙI MINH VƯƠNG

KS. TRẦN CÔNG THÀNH

MẶT CẮT

TỈ LỆ 1/100

BỘ MÔ SƠ TKBVTC

NGÀY THỰC HIỆN /2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ KC-03

Hà nội, Ngày / tháng / năm 2020,

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1: Tên hạng mục: **HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI**

2: Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA**

1. Ông: **Trương Minh Tuấn**

Chức vụ: **Tổ trưởng tổ nắm công**

2. Ông: **Nguyễn Phương Thanh**

Chức vụ: **Tổ trưởng tổ thiết bị**

Đại diện nhà thầu thi công: **CÔNG TY TNHH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TH VINASUN.**

1. Ông: **Ngô Thị Huyền**

Chức vụ: **Giám đốc**

2. Ông:

Chức vụ:

3: Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2024

Kết thúc: ngày 31 tháng 07 năm 2024

4: Đánh giá công việc xây dựng đã

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu giao nhận hàng hóa:
- Hợp đồng kinh tế số: **011.04/VNS-MH/HĐKT/2020**

4.2 Chất lượng hạng mục công trình (đối chiếu với bản vẽ thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật):

4.3 Các ý kiến khác (Nếu có):

Tổ thiết bị đã nhận tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng thiết bị. Tổ nắm công đã tiếp nhận công nghệ vận hành máy thiết bị và nắm đang

5. Kết luận: **hoạt động bình thường**

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên mua giữ 01 bản, bên bán giữ 01 bản làm cơ sở thanh toán cho hợp đồng mua bán giữa 2 bên.



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ
MINH HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

Trương Quốc Bảo



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

CÔNG NGHIỆP
TH VINASUN

TP. HÀ NỘI

LÀM ĐỐC

Trần Huyền



CÔNG TY TNHH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TH VINASUN

Địa chỉ: Tổ 4 – TT Quang Minh – Huyện Mê Linh – Hà Nội

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

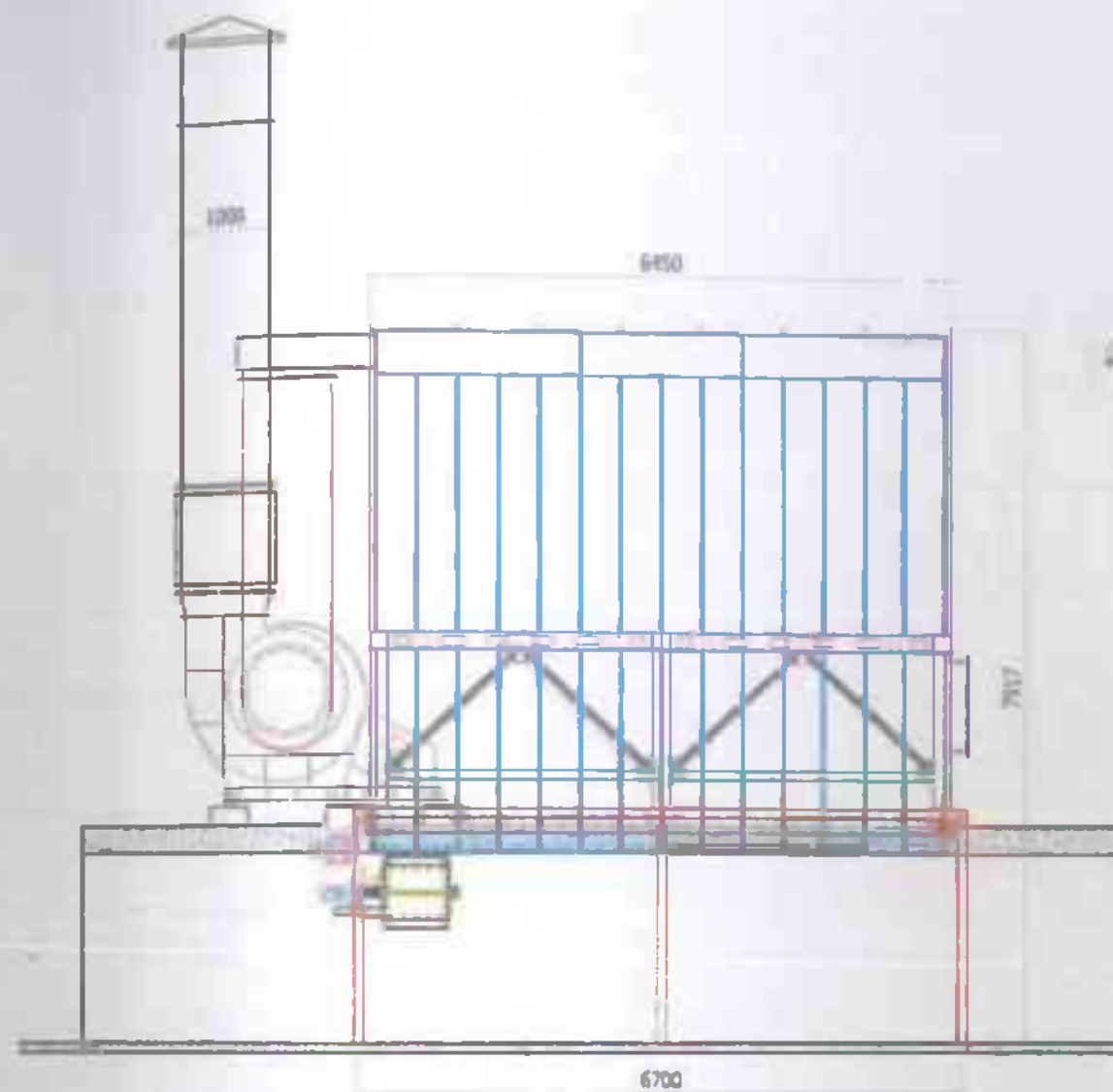
BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TH VINASUN

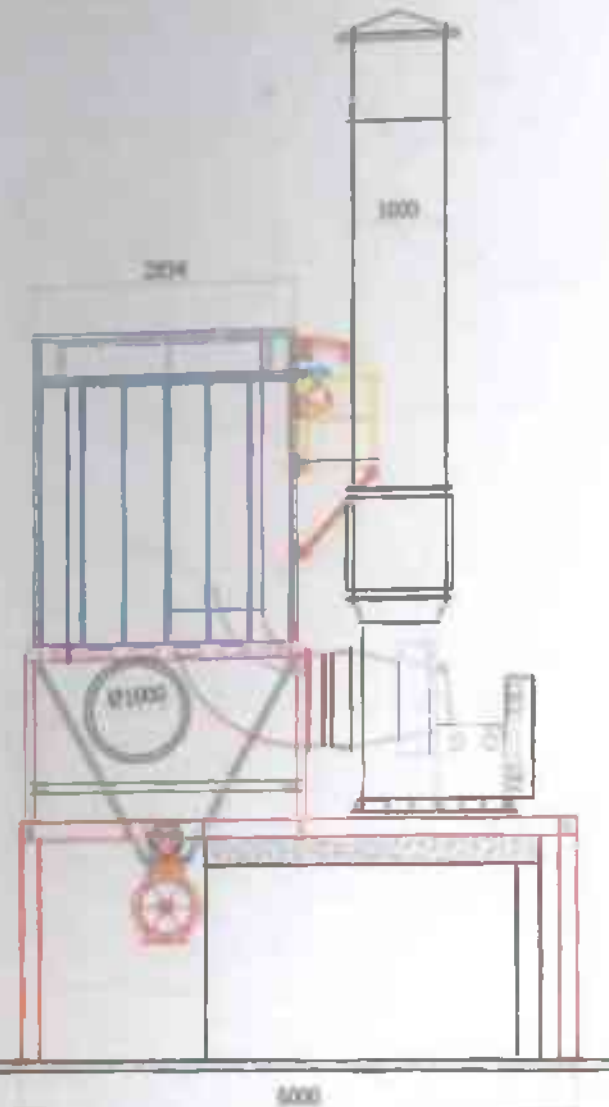
GÓI THẦU: HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B2-4-4, KCN NAM THĂNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

Hà Nội, năm 2020







BẢN VẼ HOÀN CÔNG



TƯ VẤN GIÁM SÁT

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI LẬP

HIỆU CHỈNH

LẦN

NGÀY

XÁC NHẬN

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
MINH HÒA**

TÊN DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

ĐỊA ĐIỂM THI CÔNG: TRUYỀN PHƯƠNG, QUẬN GẮC TỬ BIÊN, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC:

KỸ THUẬT A:

THI CÔNG:



TH VINASUN

**CÔNG TY TNHH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP TH VINASUN**

ĐỊA CHỈ TỔ A: 17/10/2018, QUẬN GẮC TỬ BIÊN, HÀ NỘI



PHẠM ĐÌNH DŨNG

KỸ THUẬT A:

(Signature)

LƯƠNG VĂN NAM

Ngày...05... tháng...12... năm 2024

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1: Tên hạng mục:**2: Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**Đại diện chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA**1. Ông: Trương Quốc CưChức vụ: Giám đốc

2. Ông:

Chức vụ:

Đại diện nhà thầu thi công: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN**1. Ông: Phạm Đình TiênChức vụ: Giám đốc

2. Ông:

Chức vụ:

3: Thời gian nghiệm thu:Bắt đầu: 15h ngày 03 tháng 01 năm 2025Kết thúc: 14 ngày 03 tháng 01 năm 2025**4: Đánh giá công tác chạy thử thiết bị:****a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu: HĐKT: 182.10/VNS-MH/HĐKT/2024****b) Về chất lượng hạng mục công trình:**Tốt**c) Các ý kiến khác (Nếu có):****5: Kết luận:**

Hệ thống hút bụi đã lắp xong và bàn giao Minh Hòa
đưa vào sử dụng

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên mua giữ 01 bản, bên bán giữ 01 bản làm cơ sở thanh toán cho hợp đồng mua bán giữa 2 bên.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ****CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
MINH HÒA****GIÁM ĐỐC**Trương Quốc Cư**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU****CÔNG TY
TNHH SẢN XUẤT
QUẠT CÔNG NGHIỆP
TH VINASUN****GIÁM ĐỐC**Phạm Đình Tiên



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Bình Xuyên – TT Hương Canh – Vĩnh Phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

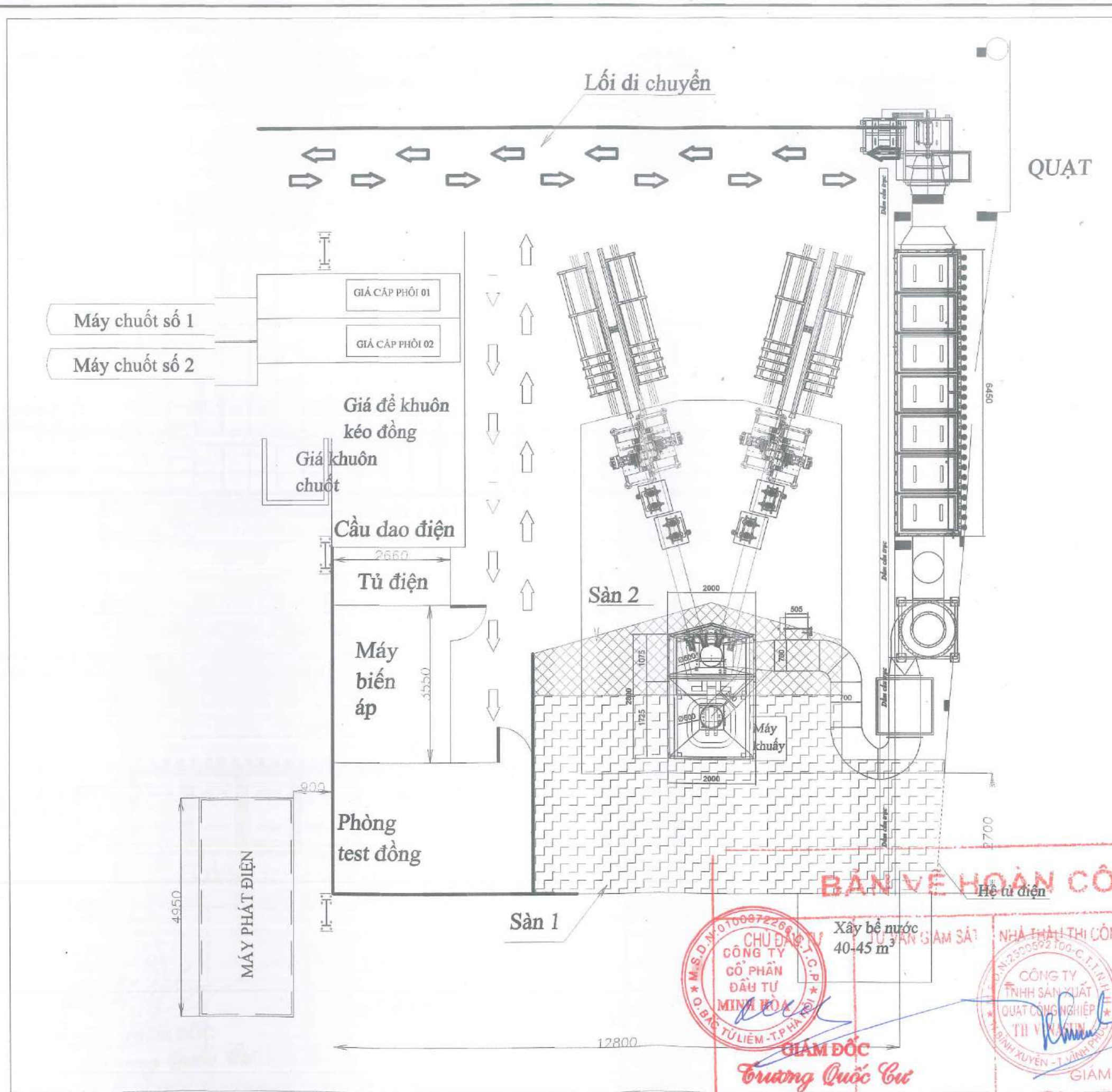
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA

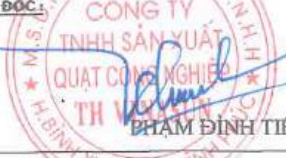
NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN

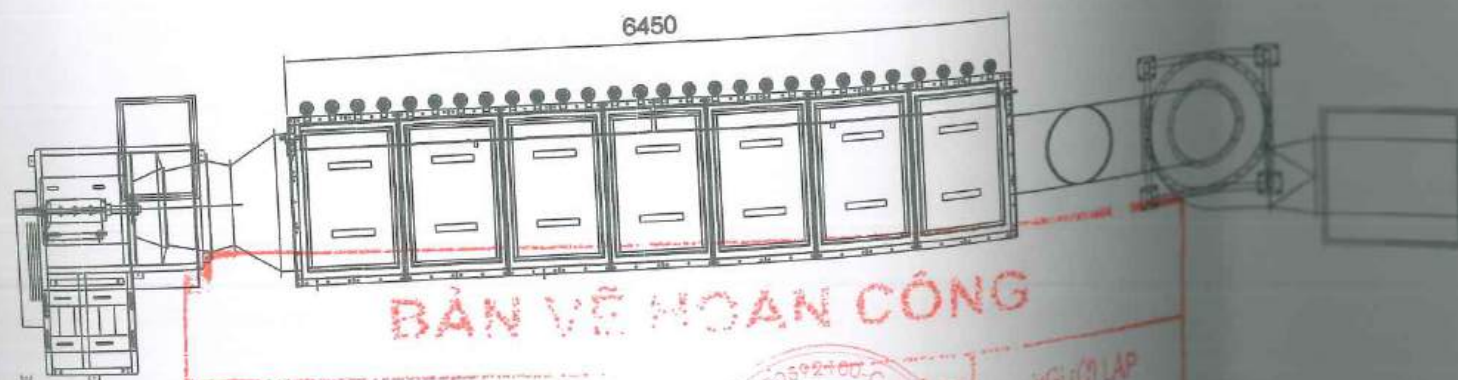
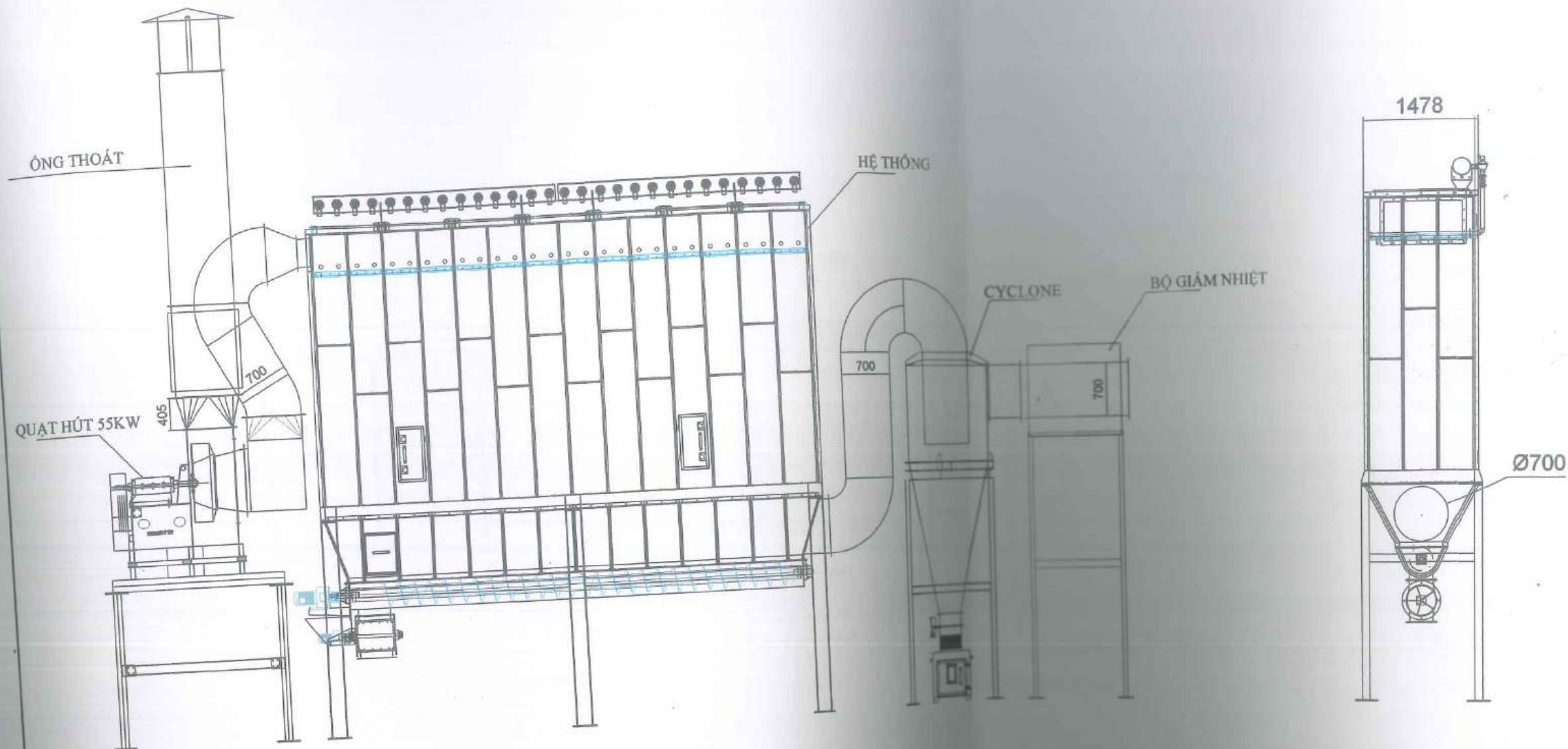
GÓI THẦU: HỆ THỐNG HÚT LỌC BỤI 55KW

**ĐỊA ĐIỂM: LÔ ĐẤT B2-4-4, KCN NAM THẮNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Vĩnh phúc, năm 2024



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B2-4-1, KCN NAM THĂNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN: HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A: 		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:  TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN- TỈNH VINH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:  PHẠM ĐÌNH TIẾN		
KỸ THUẬT B:  LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ: HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG HỆ THỐNG HÚT BỤI 55 KW		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12/2024		KÝ HIỆU:



GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cư



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

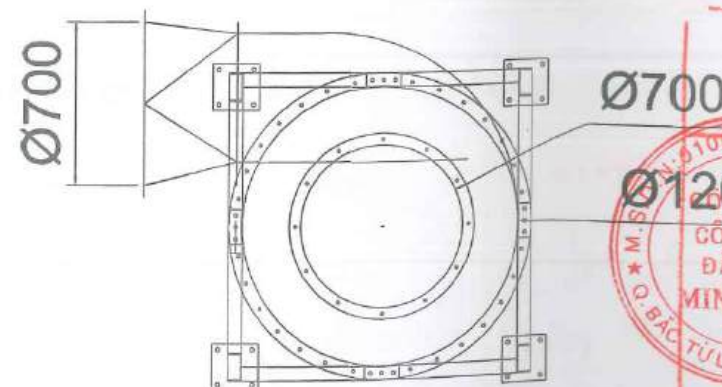
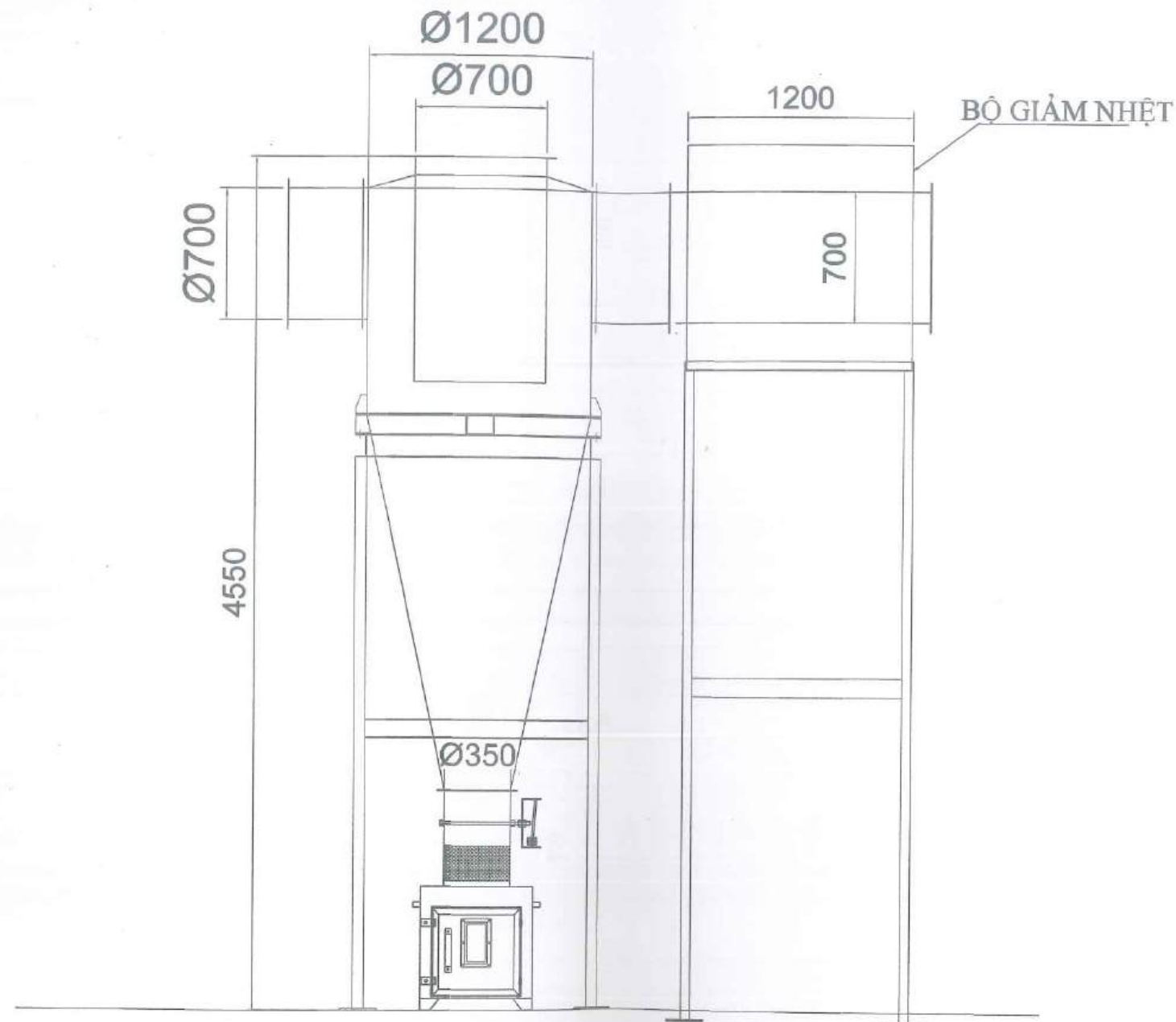
NGƯỜI LẬP

Lương Văn Nam

Thông số kỹ thuật :

1. Lưu lượng : 60000 m³/h
2. Thông số túi : Ø 135 x 3000.
(chịu nhiệt chống mài mòn)
3. Van rũ bụi : 28 bộ (kích thước : 1-1/2")
4. Van xoay : 2.2 kw
5. Vít tải : 3.7 kw

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA		
ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B3-4-1, KCN NAM THĂNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN:		
HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC:		
TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:		
 TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN- TỈNH VINH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN  PHẠM ĐÌNH TIÊN		
KỸ THUẬT B:		
 LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ:		
HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
HỆ THỐNG LỌC BỤI 55KW		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12 /2024		
TỶ LỆ:		KÝ HIỆU:



BẢN VẼ HOÀN CÔNG



GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cư

TƯ VẤN GIÁM SÁT

NHÀ THẦU THI CÔNG

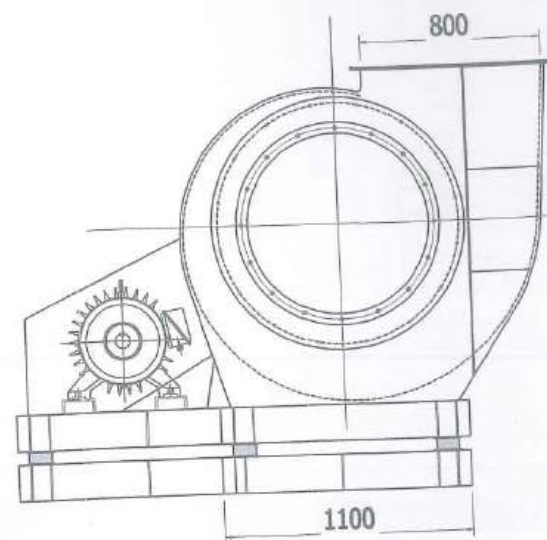
NGƯỜI LẬP



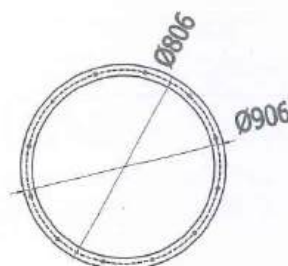
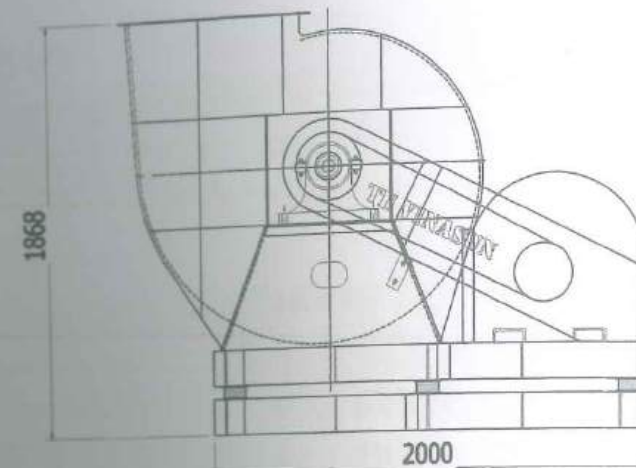
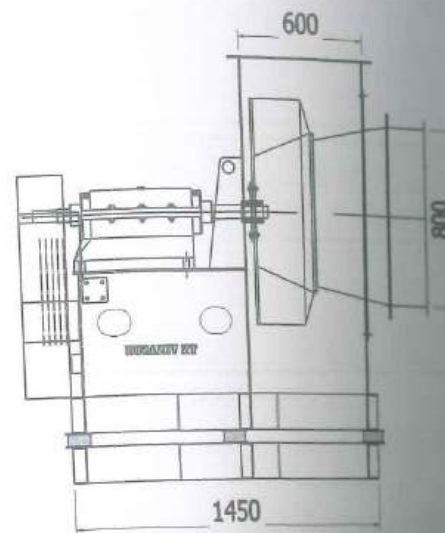
GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

Lương Văn Nam

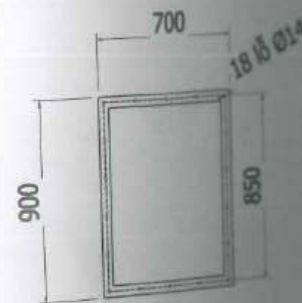
HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA		
ĐỊA CHỈ: LÔ BÁT B2-4-4, KCN NAM THẮNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỬ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN:		
HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC:		
TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:		
 TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS		
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN		
ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN - TỈNH VĨNH PHÚC		
TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:		
 PHẠM ĐÌNH TIỀN		
KỸ THUẬT B:		
 LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ:		
HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
CYCLONE		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12 .../2024		
TÝ LỆ:		KÝ HIỆU:



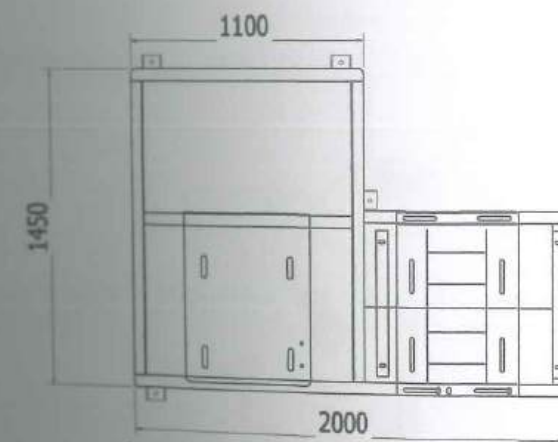
Chiều quay L0



Cửa hút



Cửa thổi



KÍCH THƯỚC BỆ ĐÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cư

TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

NGƯỜI LẬP

Lương Văn Nam

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TỐC ĐỘ :	1460 RPM
ĐỘNG CƠ	55 KW 4 POLE
DIỆN ÁP	380V-50Hz
LƯU LƯỢNG	40000 M3/H
ÁP SUẤT	2500 PA
PULY(GÓI)	D300
PULY(ĐỘNG CƠ)	D260
DÂY ĐAI	BẢN C 120 (SL 5 ĐAI)
GÓI BÌ	22312

HIỆU CHỈNH

LẦN NGÀY XÁC NHẬN

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
MINH HÒA

ĐỊA CHỈ: LÔ BÁT B2-4-4, KCN NAM THĂNG LONG,
PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:

HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW

CHẤM ĐỐC:

TRƯƠNG QUỐC CƯ

KỸ THUẬT A:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:



TH VINASUN
FANS & DUST COLLECTORS

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT
CÔNG NGHIỆP TH VINASUN

ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN-
TỈNH VINH PHÚC

TEL : (+84) 986301268

EMAIL : info@thvinasun.vn

WEBSITE: www.thvinasun.vn

CHẤM ĐỐC: TNHH SẢN XUẤT

QUẠT CÔNG NGHIỆP
TH VINASUN

PHẠM ĐÌNH TIỀN

KỸ THUẬT B:

LƯƠNG VĂN NAM

BỘ HỒ SƠ:

HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

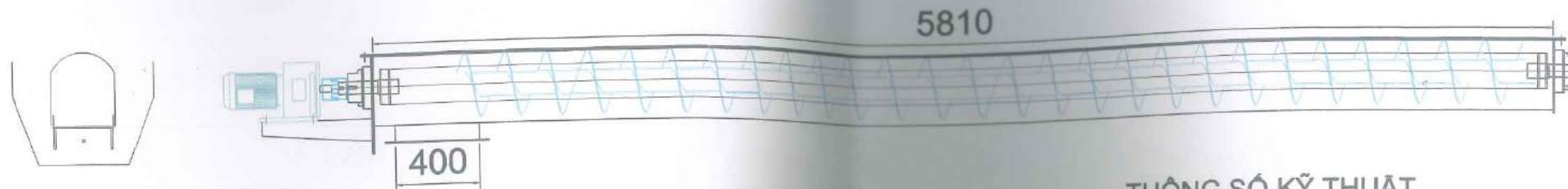
QUẠT HÚT 55KW

NGÀY HOÀN THÀNH

25/12/2024

TÝ LỆ:

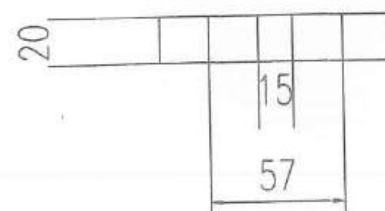
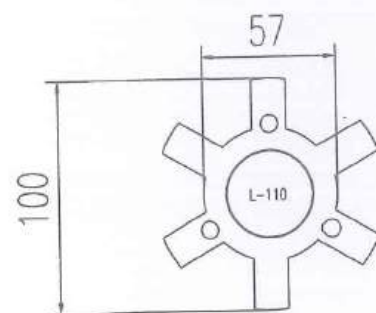
KÝ HIỆU:



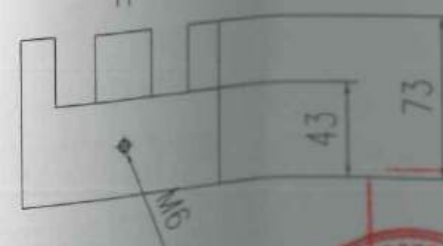
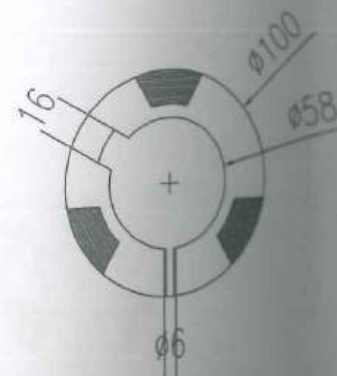
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- GÓI UCF 212
- KHỚP NỐI D100
- ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC 3.7 KW

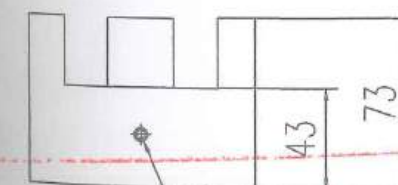
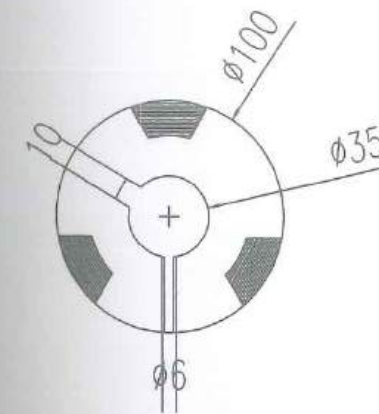
CHI TIẾT VÍT TẢI



GIẢM CHÂN CAO SU



CHI TIẾT 3

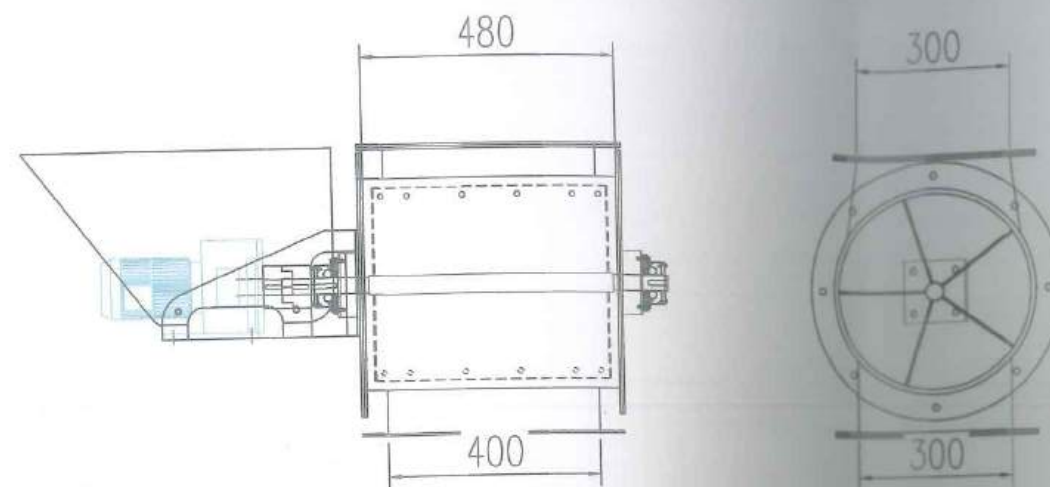


CHI TIẾT 4

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHI TIẾT KHỚP NỐI VÍT TẢI Ø100 (TL: 8:1)

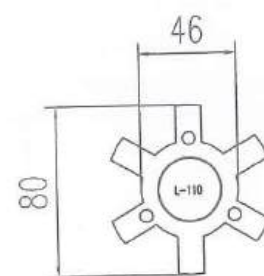
HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA		
ĐỊA CHỈ: LÔ BÁT B2-4-4, KCN NAM THẮNG LONG, PHƯỜNG THUY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN:		
HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC:		
TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:		
 TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN - TỈNH VĨNH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:		
 PHẠM ĐÌNH TIỀN CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN - T. VĨNH PHÚC		
KỸ THUẬT B:		
 LƯƠNG VĂN NAM		
BỐ HỒ SƠ:		
HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
VÍT TẢI		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12 .../2024		
TÝ LỆ:		
KÝ HIỆU:		



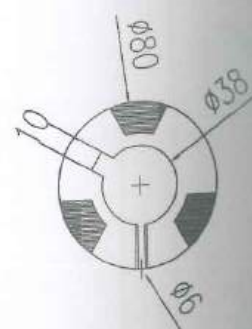
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- GÓI UCF 208
- KHỚP NỐI D80
- ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC 2.2 KW 1500/30vp

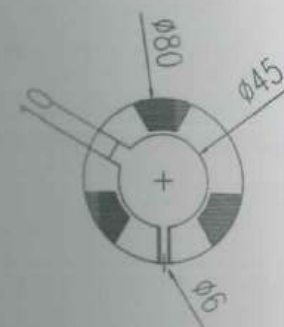
CHI TIẾT VAN XOAY



GIẢM CHẤN CAO SU



CHI TIẾT 1



BẢN VẼ HOÀN CÔNG



CHỦ ĐẦU TƯ
CHI TIẾT 2

TƯ VẤN GIÁM SÁT

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI LẬP

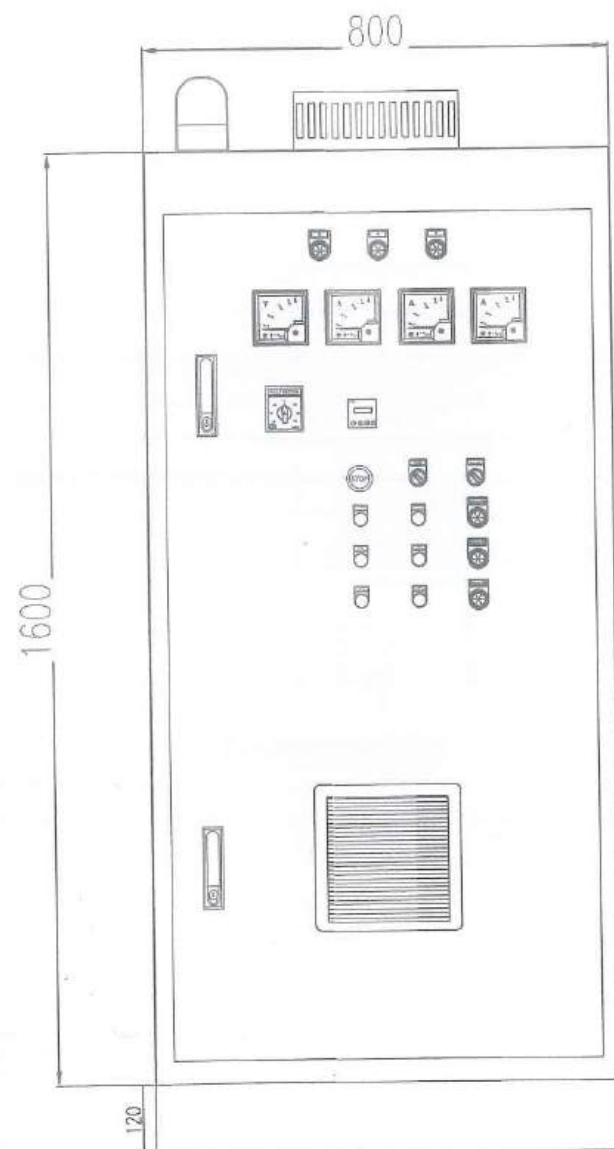
GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cư

GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

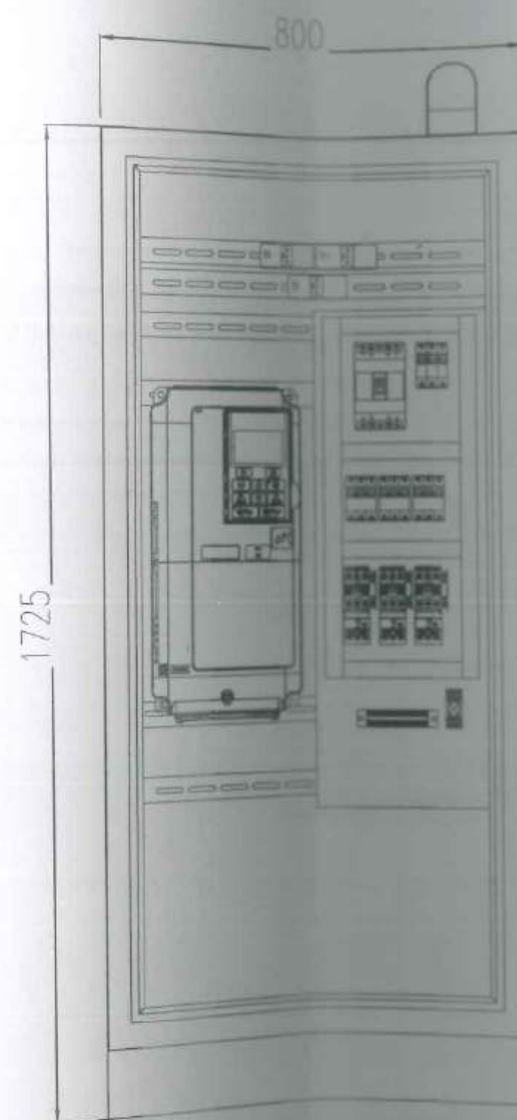
Lương Văn Nam

CHI TIẾT KHỚP NỐI VAN XOAY Ø80 (TL: 4:1)

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA		
ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B3-4-1, KCN NAM THẮNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN:		
HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC:		
TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:		
 TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN- TỈNH VINH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE : www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:		
 PHẠM ĐÌNH TIÊN		
KỸ THUẬT B:		
 LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ:		
HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
VAN SAO		
NGÀY HOÀN THÀNH:		
25/12/2024		
TÝ LỆ:		
KÝ HIỆU:		



MẶT TRƯỚC



MỞ CỬA TỦ



MẶT BÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cư

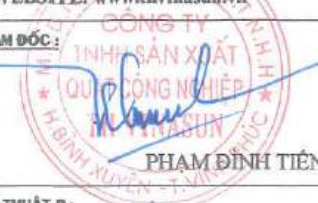
TƯ VẤN GIÁM SÁT

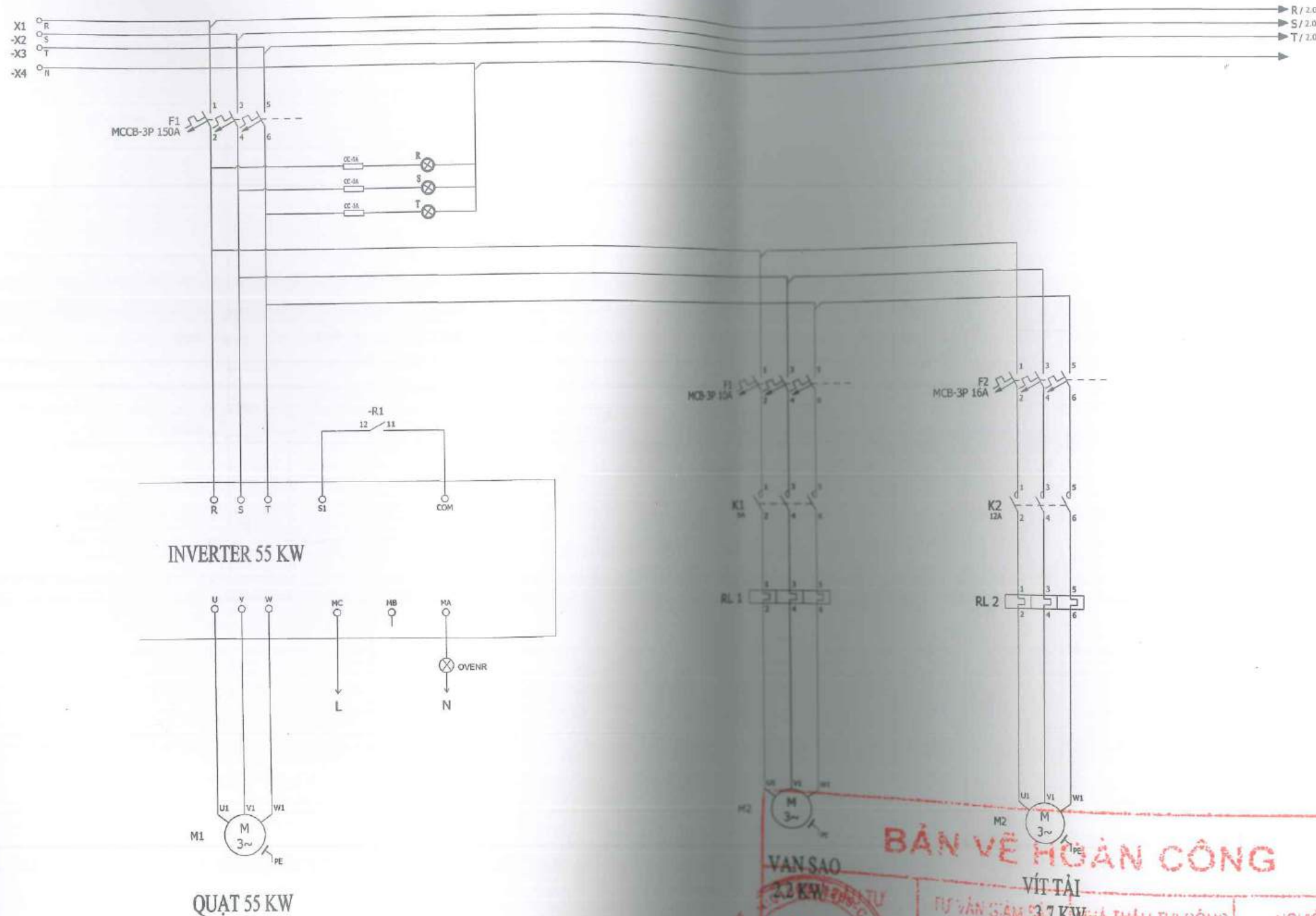


GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

NGƯỜI LẬP

Lương Văn Nam

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B2-4-1, KCN NAM THĂNG LONG, PHƯỜNG THUY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN: HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A: 		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:  TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M - KHU CN BÌNH XUYỀN - TỈNH VĨNH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:  PHẠM ĐÌNH TIÊN		
KỸ THUẬT B:  LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ: HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ: Tủ Điện Hệ Thống 55KW		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12 .../2024		
KÝ LỆ:		KÝ HIỆU:



HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B2-4-4, KCN NAM THẮNG LONG, PHƯỜNG TRUYỀN PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN: HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG QUỐC CƯ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:  TH VINASUN FANS & DUST COLLECTORS CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN- TỈNH VINH PHÚC TEL : (+84) 986301268 EMAIL : info@thvinasun.vn WEBSITE: www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:  PHẠM ĐÌNH TIỀN		
KỸ THUẬT B:  LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ: HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12 /2024		
TÝ LỆ:		KÝ HIỆU:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

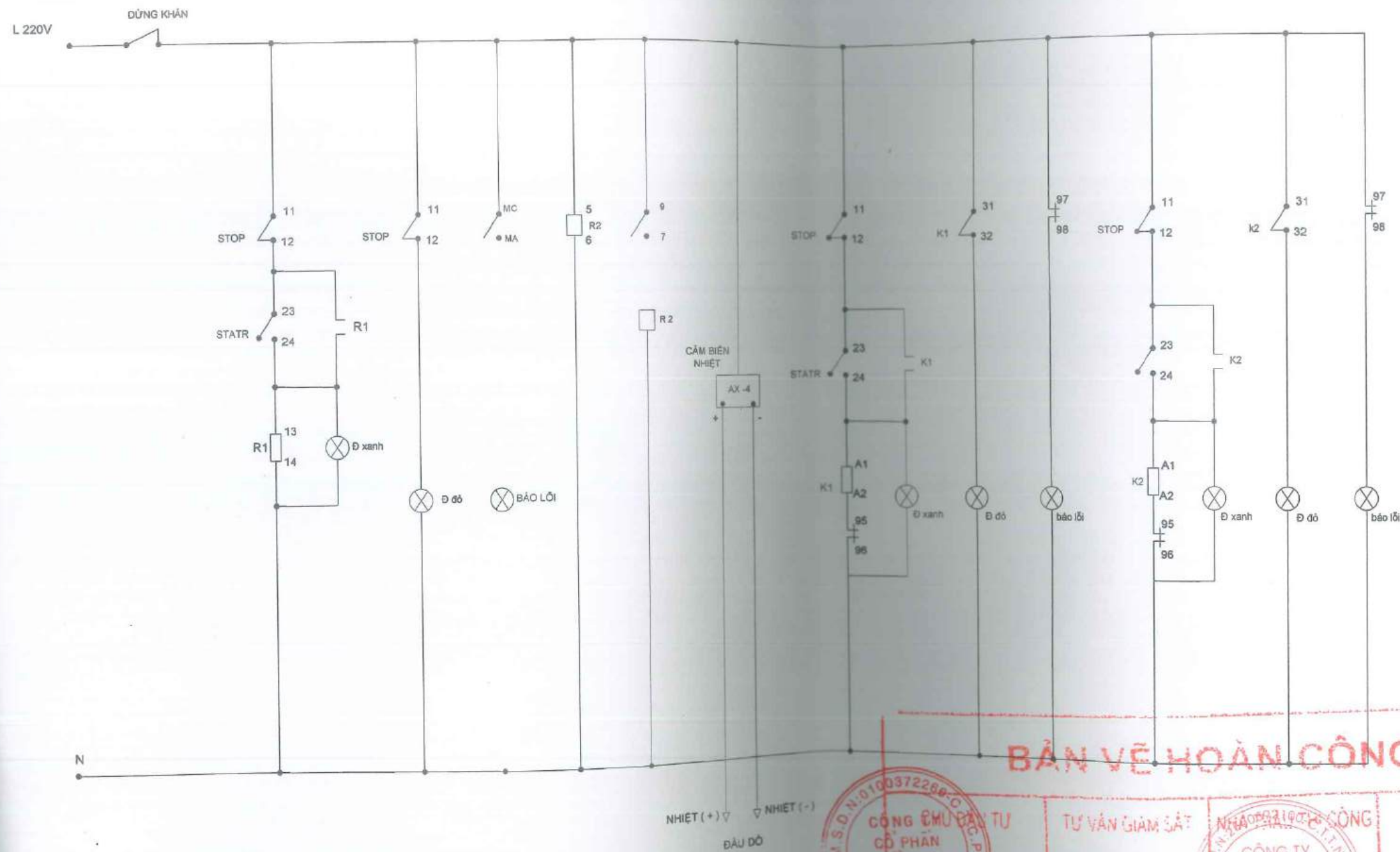
VANSAO 2.2 KW
 VÍT TÀI 3.7 KW




GIÁM ĐỐC
 Trương Quốc Cư

GIÁM ĐỐC
 Phạm Đình Tiên

NGƯỜI LẬP
 Lương Văn Nam



GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Cự



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Tiên

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA		
ĐỊA CHỈ: LÔ ĐẤT B2-4-4, KCN NAM TRĂNG LONG, PHƯỜNG THỤY PHƯƠNG, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI		
TÊN DỰ ÁN:		
HỆ THỐNG HÚT BỤI 55KW		
GIÁM ĐỐC:		
TRƯƠNG QUỐC CỰ		
KỸ THUẬT A:		
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:		
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUẠT CÔNG NGHIỆP TH VINASUN		
ĐỊA CHỈ: LÔ M- KHU CN BÌNH XUYỀN- TỈNH VĨNH PHÚC		
TEL : (+84) 986301268		
EMAIL : info@thvinasun.vn		
WEBSITE : www.thvinasun.vn		
GIÁM ĐỐC:		
PHẠM ĐÌNH TIỀN		
KỸ THUẬT B:		
LƯƠNG VĂN NAM		
BỘ HỒ SƠ:		
HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
MẠCH ĐIỀU KHIỂN		
NGÀY HOÀN THÀNH: 25/12/2024		
TÝ LỆ:		KÝ HIỆU: